

## X

# PHONG TRÀO ĐỔI MỚI ĐẦU THẾ KỈ XX - NHỮNG CÔNG HIẾN MỚI VÀO TIẾN BỘ XÃ HỘI

Trong lịch sử Việt Nam, qua 9 cuộc cải cách, đổi mới (từ họ Khúc đến Nguyễn Trường Tộ) kể trên, chúng ta thấy tất cả đều gắn với tên tuổi các nhân vật, một nhà khởi xướng, chứ không có cuộc nào mang tên *một phong trào, gắn với nhiều tên tuổi nhiều nhà cải cách, đổi mới*. Chỉ đến đầu thế kỉ thứ XX, sự nghiệp “*đổi mới*” mới trở thành một phong trào quần chúng nhanh chóng dâng cao.

Trong khoảng thời gian đầu thế kỉ mà có tới 4 cuộc vận động. Tuy phương châm, biện pháp hoạt động có khác nhau nhưng đều mang ý nghĩa “*cải cách*”, “*đổi mới*”. Đó là:

*Duy Tân Hội* do Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân, Tăng Bạt Hổ, Mai Lão Bạng, Cương Đế... tổ chức...

*Phong trào Duy Tân* gắn với tên tuổi *Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng*...

*Đông Kinh Nghĩa Thục* gắn với tên tuổi các nhà canh tân Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ...

*Cuộc vận động cải lương gắn với tên tuổi Huỳnh Thúc Kháng và một số nhà báo tham gia báo Tiếng Dân - Nói tiếp phong trào Duy Tân hồi đầu thế kỉ.*

Nhiều nhà tư sản dân tộc từ Bắc chí Nam cũng nhiệt liệt hưởng ứng cuộc vận động Duy Tân bằng những hoạt động kinh tế, xã hội của mình.

Ngoài ra phải kể đến những trí thức có xu hướng tư sản dân chủ đã lợi dụng các hình thức công khai, hợp pháp vận động các cuộc cải lương, như “cải lương hương chính” năm 1922... cũng có phần đóng góp vào tiến bộ xã hội.

*Phong trào này vừa có tính dân tộc, vừa mang tính thời đại.*

*Tính dân tộc* biểu hiện ở chỗ, tới đầu thế kỉ XX, sự phân hóa giai cấp xã hội ở Việt Nam đã cho ra đời một số giai cấp, tầng lớp xã hội mới là tư sản dân tộc, tiểu tư sản thành thị, vô sản... Một trào lưu tư sản dân chủ đã có thể nảy sinh, phát triển, và nhanh chóng trở thành một cao trào. Mục tiêu chung là nhằm giải phóng dân tộc, phát triển quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, mà hình thức đấu tranh, ngoài đấu tranh vũ trang ra, còn có những biện pháp đổi mới, cải cách phù hợp với cả dân tộc và thời đại.

*Tính thời đại* biểu hiện ở chỗ, phong trào này ra đời khi mà nhân loại đã bước vào thời đại mới - thời đại đế quốc chủ nghĩa. Việc phân chia khu vực thống trị của đế quốc trên thế giới đã được thực hiện. Ngoài mâu thuẫn dân tộc (thuộc địa - chính quốc), mâu thuẫn giai cấp (tư sản - vô sản), còn có mâu thuẫn đế quốc với đế quốc nhằm chia lại thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt. Chiến tranh đế quốc để phân chia lại thế giới nổ ra. Các thuộc địa, trong đó có Việt Nam có thể vùng lên giành độc lập. Cách mạng tư sản dân chủ ở các thuộc địa

có thể và cần phải gắn bó mật thiết với cách mạng giải phóng dân tộc... Ảnh hưởng của phong trào tư sản dân chủ thế giới, nhất là từ Nhật Bản, Trung Quốc dội vào Việt Nam như một làn gió mới, thức tỉnh những nhà yêu nước Việt Nam đi vào thời đại với những tư tưởng mới, hành động mới.

*Phong trào đổi mới đã ra đời trong một bối cảnh lịch sử như vậy.*

## I. THỜI ĐIỂM LỊCH SỬ

Thời điểm ra đời của *phong trào* này không thể sớm hơn những năm đầu thế kỉ XX, mà chín muồi là năm 1905 (năm mở đầu cho cao trào “Phong Đông thức tỉnh” của thế giới), và cũng không thể muộn hơn năm 1917 (năm Cách mạng tháng Mười Nga thành công), nhân loại bước sang một giai đoạn lịch sử mới...

Phong trào diễn ra sôi nổi từ năm 1905 đến năm 1912, mà cao điểm là năm 1908. Sau đó tiếp tục diễn biến dưới nhiều hình thức, ở cả trong và ngoài nước (Trung Quốc, Thái Lan), để lại những ảnh hưởng tốt. Ảnh hưởng rõ ràng nhất là cuộc đả tang Phan Châu Trinh, đòi thả Phan Bội Châu diễn ra sôi nổi năm 1925 - 1926. Nhiều chiến sĩ cách mạng vô sản nổi tiếng đã lên đường tranh đấu bắt đầu từ đây...

Cũng như các cuộc cải cách, đổi mới trước đây, *phong trào đổi mới* ra đời nhằm giải quyết một cuộc khủng hoảng xã hội. Đó là *khủng hoảng toàn diện vô cùng trầm trọng* kéo dài từ giữa thế kỉ XIX (mà phần “*Tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ*” ở trên đã đề cập đến). Nay chỉ nhấn mạnh đến *tính sâu sắc, trầm trọng hơn* của nó:

*Mâu thuẫn chủ yếu* là giữa dân tộc Việt Nam với thực dân và phong kiến tay sai. Mâu thuẫn này ngày càng trở nên

sâu sắc, nhất là từ khi thực dân Pháp bắt đầu cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897).

Trong đó *mâu thuẫn* giữa phương thức sản xuất phong kiến đã lỗi thời với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dân tộc mới nảy sinh đã xuất hiện từ thế kỉ XIX, nay gay gắt hơn. Đã có *những yếu tố mới* là giai cấp tư sản dân tộc đang hình thành và bước đầu có mặt trong cuộc đấu tranh. lớp công nhân mới ra đời cũng tham gia một cách tự phát vào phong trào đổi mới.

*Ảnh hưởng thế giới* - mâu thuẫn chủ yếu không còn là giữa phong kiến và tư bản nữa mà đã là mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa với đế quốc. Đồng thời là mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc đã nảy sinh và ngày càng sâu sắc, có ảnh hưởng trực tiếp đến xã hội Việt Nam. Sự chuẩn bị cho chiến tranh đế quốc đã đẩy Việt Nam vào sự khốn khổ, bần cùng, làm sâu sắc thêm các mâu thuẫn khác.

*Mâu thuẫn giữa nông dân với phong kiến* - Nông dân đã tập trung mũi nhọn vào cuộc đấu tranh chống phong kiến bán nước và bọn tư bản thực dân cướp nước mà lúc này hai kẻ thù đã câu kết chặt chẽ với nhau.

*Mâu thuẫn giữa vô sản với tư bản.* Giai cấp công nhân Việt Nam đã ra đời đang từ "giai cấp tự mình" trưởng thành lên trở thành "giai cấp vì mình". Đấu tranh của công nhân với tư bản từ tự phát tiến lên tự giác.

*Mâu thuẫn giữa tư sản dân tộc* (bao gồm cả tiểu tư sản thành thị và trí thức có xu hướng tư sản dân chủ) với thực dân và phong kiến tay sai mạnh lên hơn trước. Những sĩ phu yêu nước có xu hướng tư sản dân chủ đã trở thành những người lãnh đạo phong trào dân tộc.

Về văn hóa, tư tưởng, nổi bật lên là mâu thuẫn giữa tư tưởng yêu nước có khuynh hướng dân chủ tư sản với tư tưởng Nho giáo (Tổng Nho cổ hủ) bảo thủ, trì trệ, mà người chiến sĩ xung kích trong mặt trận đấu tranh này là Phan Châu Trinh.

*Mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp phong kiến*, biểu hiện rõ trong sự phân hóa: Bộ phận đầu hàng làm tay sai đắc lực cho Pháp trở thành kẻ thù của dân tộc. Bộ phận yêu nước tách khỏi triều đình đứng về phía nhân dân kháng Pháp. Khủng hoảng cung đình rõ lên từ sau khi Tự Đức băng hà, với một số cuộc phế lập (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc...). Đồng thời là sự phân hóa trong nội bộ hoàng tộc: Hàm Nghi, Duy Tân từ bỏ ngai vàng đi với nhân dân. Hàng ngũ quan lại phong kiến và các nhà khoa bảng cũng có sự phân hóa. Nếu trước đây một số nhà Nho yêu nước đã từ bỏ triều đình thối nát khởi xướng phong trào Cần Vương theo Hàm Nghi, thì nay lại có một số tham gia cuộc khởi nghĩa Duy Tân năm 1916 ở Huế. Những yếu nhân của các phong trào trên như Nguyễn Hàm (Cần Vương), Trần Cao Vân (Duy Tân)... lại tham gia phong trào đổi mới..

Các mâu thuẫn kể trên tạo nên “các xung lực xã hội” tác động lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, đưa đến một phong trào đấu tranh rộng lớn chưa từng có.

## II. PHONG TRÀO ĐỔI MỚI

Đây là một phong trào mà về biện pháp thì đa dạng với các tên gọi khác nhau như “*duy tân*”, “*cải lương*”, “*cải cách*”, “*canh tân*”... nhưng mục tiêu chung đều nhằm thực hiện yêu cầu dân chủ tư sản ở thuộc địa với hai nhiệm vụ phản đế và phản phong.

Phong trào biểu hiện ở bốn cuộc vận động gắn với bốn nhân vật chủ chốt như trên đã nói là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Huỳnh Thúc Kháng, được cả giới sĩ phu yêu nước có xu hướng canh tân hưởng ứng, lôi cuốn được cả hàng vạn, hàng triệu quần chúng tham gia, đạt tới cao trào vào năm 1908.

Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc, nhiều tư liệu phong phú về thời kì lịch sử này. Ở đây chỉ đi sâu vào nội dung đổi mới của phong trào và ảnh hưởng tích cực của nó đối với cách mạng Việt Nam.

## A

### PHAN BỘI CHÂU VỚI DUY TÂN HỘI - PHONG TRÀO ĐÔNG DU - VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI

Cái mới nổi bật ở Phan Bội Châu là “*đổi mới tư duy*” của bản thân ông, góp phần tạo nên sự “*đổi mới*” của cả phong trào quần chúng.

Nếu trước đây phong trào Văn Thân, Cần Vương chỉ phát ra *Hịch Cần Vương* là đủ để tập hợp lực lượng, thì nay trong lúc “gió Á, mưa Âu” thổi vào, giai cấp xã hội đã phân hóa, con đường cứu nước đã có thể và cần phải có lí luận mới soi đường, có tổ chức mới thực hiện.

Phan Bội Châu đã nhận thức rõ: Muốn cứu nước trước hết phải “*thức tỉnh đồng bào*”. Đồng bào đang mê ngủ trong giấc mơ quân chủ Nho giáo. Nay phải lay động bằng tư tưởng dân chủ tư sản.

## 1. *Đổi mới tư duy*

Đây là *tư duy mới của chủ nghĩa dân chủ tư sản*, đã ra đời trên thế giới từ Cách mạng tư sản Pháp 1789, nhưng nay mới được phong trào “Phương Đông thức tỉnh” tiếp thu và vận dụng, mà ở Việt Nam là vận dụng vào hoàn cảnh *dân tộc thuộc địa*.

Vì là “cũ người, mới ta” nên nó không còn nguyên vẹn như xưa, mà đòi hỏi phải đổi mới, bổ sung cho phù hợp với tình thế. Ở Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ... có khác. Ở Việt Nam có khác. Ngay ở Việt Nam, mỗi nhà yêu nước lại có thể vận dụng những biện pháp khác nhau. Cho nên ở đây Phan Bội Châu có *cái mới khác các nhà lãnh đạo phong trào yêu nước đương thời*.

Phan Bội Châu lúc đầu chưa chấp nhận biện pháp cải lương (tức hoàn toàn bãi bỏ vũ trang và xu hướng tôn quân), mà mới là thực hiện con đường tư sản dân chủ theo tinh thần *quân chủ lập hiến*, giành độc lập dân tộc bằng vũ trang tranh đấu và cầu ngoại viện. Biện pháp đầu tiên của ông là *dùng văn thơ yêu nước làm công cụ tuyên truyền*, tập hợp lực lượng, như ông viết: “... Có một kế hoạch nữa là âm kết với quan trường còn chưa có mối manh. Vì thế mới muốn dùng âm tự kêu phát (tức dùng văn chương để khơi gợi), liền làm quyển “*Lưu cầu huyết lệ tân thư*”...<sup>(1)</sup>.”

Nội dung chính của “*Lưu cầu huyết lệ tân thư*” là bước đầu tuyên truyền cho tư tưởng tư sản dân chủ:

“*Đoạn thứ nhất nói những điều sỉ nhục vì nước mất, quyền mất, với nói sẵn những thảm họa kết cục về tương lai.*”

---

(1). Phan Bội Châu, *Toàn tập* - Tập VI. Chương *Thâu sưu tầm và biên soạn*. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 67.

Ba đoạn chính giữa thì nói kĩ những kế hoạch sẽ cứu cấp đồ tôn:

1. Khai dân trí (mở trí khôn cho dân).
2. Chấn dân khí (nhức nhối khí dân).
3. Thục nhân tài (vun trồng nhân tài).

Đoạn cuối cùng thì kì vọng ở các người đương lộ, lấy những sự việc bất hủ khuyên lơn cho<sup>(1)</sup>.

Nhờ “Lưu cầu huyết lệ tân thư”, Phan Bội Châu đã nhanh chóng tập hợp được nhân tài Nam, Bắc.

Đây là bài học đầu tiên cho Phan Bội Châu trong việc vận động “đổi mới tư duy” quần chúng, để chuyển thành hành động đấu tranh. Ông đã biên soạn ra hàng trăm bài văn, thơ lớn nhỏ, hàng nghìn trang sách để tuyên truyền, cổ động cho “đổi mới tư duy”, mà lúc đó gọi là “thức tỉnh đồng bào”. Tiêu biểu như:

“Khuyến quốc dân tư trợ du học văn” (năm 1905), tập trung trình bày hai điều mới là:

1. “Phải cùng nhau lập hội giúp đỡ người du học”.
2. “Phải góp vốn lập hội kinh tế”<sup>2</sup>.

“Hải ngoại huyết thư” - (Lá thư bằng máu gửi từ hải ngoại viết năm 1906, thông thiết kêu gọi “Mười giới đồng tâm” - đồng tâm của phú hào, quý tộc, sĩ phu, lính tập, tín đồ Thiên Chúa giáo, dư đồ hội đảng, nhi nữ anh si, thông ngôn ký lục, bồi bếp...<sup>(3)</sup>).

---

(1). Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập VI. Chương Thâu sưu tầm và biên soạn. Nxb, Thuận Hóa, Huế, 1990, tr. 68, 69.

(2). Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập II. Sđd, tr. 38.

(3). Sđd, tr. 205.



Kêu gọi hợp quần lại để canh tân đất nước “nào người Du Cát (Phu-ku-za-oa, Nhật Bản), Lu Thoa (J. J Rút-sô, Pháp).

*Nay vừa gặp hội, xin ta gắng lòng*<sup>(1)</sup>.

“Hòa lệ công ngôn” (Gửi lời nói hòa cùng nước mắt - 1907), kêu gọi: “Lấy nhiệt thành làm chính..., lấy đạo đức, hùng biện, dũng mãnh, lí tưởng, mưu lược, sáng khoái, khoa học, thao kiếm... làm phụ, lấy yêu nước làm mục đích” mà gánh vác giang sơn.

Nêu lên quan điểm: “Thời thế tạo ra anh hùng mà anh hùng cũng tạo ra thời thế”.

Nêu quan hệ mật thiết giữa nước với nhà: “Nước còn thì nhà còn, nước mất thì nhà mất”.

Nêu cao lí tưởng: “Sống mà nhục thà chết còn vinh”  
“...Không tự do thà chết”<sup>2</sup>.

“Gọi tỉnh quốc dân hồn” (1907) - một tuyệt tác thơ văn đi sâu vào lòng người, từ yêu cầu canh tân đất nước mà kêu gọi đoàn kết dân tộc:

*“Lời rằng hợp của nên giàu.*

*Hợp người nên mạnh, nước nào dám trêu?”...*

Đặc biệt là cổ vũ cho thương nghiệp, nhất là ngoại thương:

*“Người đông, đất rộng, dân bản,*

*Một đường buôn bán muôn phần phú nhiều.*

*Việc buôn kể xiết bao phí lớn,*

*Quan cùng dân hợp vốn mà nên...”*

...

*“Ai là kẻ có tài, có cán,*

---

(1). Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập II. Sđd, tr. 248.

2. Sđd, tr. 55-59.

*Làm tá viên, làm quản công ti.*

*Ngoại dương tải vận ra đi,*

*Hải Phòng, Hương Cảng, rồi thì Hoàn Tân...<sup>\*1)</sup>*

Đền “*Tân Việt Nam*” (viết năm 1907), tư duy đã đạt tới đỉnh cao của yêu cầu dân chủ tư sản, như “*Thập đại khoái*”, “*Lục đại nguyên*”.

“*Thập đại khoái*” - 10 điều vui sướng lớn (tuy có tính chất không tưởng):

*Không có cường quốc bảo hộ*

*Không có bọn quan lại hại dân.*

*Không có người dân nào không được thỏa nguyện.*

*Không có người lính nào mà không được vinh dự.*

*Không có thuế sưu nào mà không được bình đẳng.*

*Không có hình luật nào mà không cân bằng.*

*Không có nền giáo dục nào là không hoàn thiện.*

*Không có nguồn đại lợi nào mà không được khai phá.*

*Không có ngành công nghệ nào mà không phát đạt.*

*Không có ngành thương nghiệp nào mà không thịnh lợi<sup>\*2)</sup>.*

“*Lục đại nguyên*” - 6 điều mong lớn để đạt được dân giàu nước mạnh là: *ý chí tiên thủ, tinh thần thương yêu, tư tưởng tiên bước, sự nghiệp thực hành yêu nước, sự nghiệp thực hành công đức, hy vọng về danh dự, lợi ích<sup>\*3)</sup>.*

Còn nhiều, nhiều điều nữa cổ vũ cho tư duy tư sản dân chủ trong hàng chục bài thơ văn, sáng tác từ năm 1903 đến năm 1907.

---

(1). *Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập II. Sđd, tr. 79-85.*

(2). *Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập II. Sđd, tr. 53.*

(3). *Sđd, tr. 69.*

*Cái mới nữa là tính năng động trong chuyển biến tư tưởng.*

Nếu năm 1905, đổi mới của Phan Bội Châu theo con đường Duy Tân Hội còn ít nhiều bảo thủ, thì năm 1912, sau khi con đường *quân chủ lập hiến* không thành, phong trào Đông Du bị chính quyền Nhật đình chỉ hoạt động, Phan Bội Châu đã nhanh chóng chuyển sang *lập trường dân chủ tư sản*, như ông viết: *"Lúc bắt đầu khởi nghĩa, phải giải quyết trước nhất là quân chủ và dân chủ chủ nghĩa. Tôi từ sau khi đến Nhật Bản, từng nghiên cứu nguyên nhân cách mạng ngoại quốc và chính thể ưu liệt ở Đông Tây, càng nhận được lí luận của Lu Thoa là tinh đáng lắm... Và lại kết hợp bạn đồng chí Trung Hoa, thì từ lâu chủ nghĩa quân chủ đã đặt ra ở sau ót. Sở dĩ chưa dám xướng to lên là vì lúc đầu tôi mới xuất dương, vẫn đã tiêu ngọn cờ quân chủ mà thủ tín với người. Phòng khiến cuộc diện hãy còn yên nhiên thì thủ đoạn chưa dám thay đổi. Bây giờ thì cuộc diện đã thay đổi rồi, tôi mới đề xuất nghị án ra trước công chúng là đổi quân chủ chủ nghĩa làm dân chủ..."<sup>(1)</sup>.*

Cuộc Hội nghị cuối cùng của Duy Tân Hội ở Sa Hà (19-6-1912) đã quyết định: *"Thủ tiêu Hội Duy Tân", tổ chức một cơ quan mới đề ra thay thế là "Việt Nam Quang phục Hội"*<sup>(2)</sup>.

Rồi đến năm 1920, sau những mưu đồ sự nghiệp của Việt Nam Quang phục Hội cũng không thành, Phan Bội Châu lại nhiệt tình đi tìm cái mới: *"Tôi nghe được của người Đảng Xã hội cộng sản nước Hồng Nga nhóm họp ở Bắc Kinh khá nhiều... Tôi vì tính ham lạ mà nghiên cứu chân lí của*

---

(1). Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập VI Sđd, tr. 211.

(2). Sđd, tr. 211-212.

*Đảng Cộng sản... Tôi đã trực tiếp giao tiếp với người Nga<sup>(1)</sup>, đọc "Nga-la-tu chân tướng" và tìm hiểu con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa...*

Đó là khởi đầu cho việc đổi mới tư duy chính trị lần thứ ba, từ dân chủ tư sản tiên gần tới chủ nghĩa xã hội, như đồng chí Võ Nguyên Giáp đã nhận định: "Năm 1924, Phan Bội Châu muốn có cuộc gặp gỡ với Nguyễn Ái Quốc nhưng không được gặp trực tiếp mà gián tiếp qua Hồ Tùng Mậu... Sau này viết quyển tiểu thuyết Phạm Hồng Thái, cụ nói: Làm cách mạng bây giờ là phải làm cách mạng xã hội và phải dựa vào giai cấp công nhân và nông dân. Cụ muốn đi với Nguyễn Ái Quốc để nhờ góp ý kiến sửa đổi tôn chỉ, chương trình, tổ chức. Khi về nước, cụ viết những cuốn sách về chủ nghĩa xã hội. Như thế, cuối cùng Phan Bội Châu cũng đi theo con đường độc lập và chủ nghĩa xã hội<sup>(2)</sup>."

Qui trình đổi mới tư duy kể trên của Phan Bội Châu là năng động, luôn luôn hướng thiện, không bảo thủ. Nhờ vậy mà có được những công hiến nhất định vào phong trào đổi mới chung của dân tộc đầu thế kỉ XX, để lại những ảnh hưởng tích cực cho cách mạng.

*Mặt hạn chế của tư duy:*

Hạn chế lớn nhất là lúc đầu chưa dứt khoát từ bỏ tư tưởng phong kiến, chưa thấy được yêu cầu phản phong phải gắn bó chặt chẽ với yêu cầu phản đế. Mặc dầu đã thấy được

---

(1) . Phan Bội Châu, Toàn tập, Tập VI, Sdd, tr.270.

(2). *Kỉ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng - Sở KH-CN-MT Quảng Nam - Đà Nẵng*. Nxb Đà Nẵng, 1993, tr. 16.

cái ơn hèn, thối nát của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, vẫn cứ mượn ngọn cờ quân chủ để tập hợp quần chúng cứu nước và cầu ngoại viện.

Áo *tường* trong việc đi cầu viện Nhật Bản, tin vào thuyết “đồng chủng đồng văn” của đế quốc Nhật để cam chịu thất bại.

Dầu có một số hạn chế như trên, nhưng “*Đổi mới tư duy*” của Phan Bội Châu đã là *một sản phẩm đáng quý* của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX.

## **2. Đổi mới tổ chức, biện pháp đấu tranh và những công hiến mới**

a. *Đổi mới tổ chức*. Cùng với *đổi mới tư duy* là tổ chức cũng luôn đổi mới.

Thật ra khái niệm “*duy tân*” (tức “*đổi mới*”) lần đầu tiên được Phan Bội Châu sử dụng trong thành lập *Duy Tân Hội* năm 1904, sau mới đến phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh đề xướng (1905 - 1908).

Tuy vậy, gọi là duy tân nhưng nội dung “*đổi mới tổ chức*” ở Phan Bội Châu lúc đầu còn hạn chế.

*Kế hoạch cách mạng* mà Phan Bội Châu cùng Ngự Hải vạch ra gồm ba điểm:

- *Liên kết với đảng cũ Cần Vương còn lưu lại với các trai tráng ở chôn sơn lâm, xướng khởi nghĩa quân mục đích chuyên ở nơi đánh giặc, trả thù, mà thủ đoạn thứ nhất bằng cách bạo động.*

- *Ứng phù một vị minh chủ kén chọn ở trong Hoàng thân lập ra, âm kết với những người hữu học ở đương triều làm người nội viên, với củ họt cả trung nghĩa Nam, Bắc, tính cách đồng thời đại cử.*

- Y như hai kế hoạch trên mà cần có ngoại viện. Muốn có ngoại viện ắt phải có một phen xuất dương cầu ngoại viện. Nhưng mục đích cốt khôi phục Việt Nam, lập nên một Chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác<sup>(1)</sup>.

Kế hoạch trên đã có đổi mới nhưng vẫn còn mặt bảo thủ như trên đã nói.

Đến tổ chức Việt Nam Quang phục Hội (1912) thì chương trình, điều lệ đã nêu cao mục tiêu tư sản dân chủ. Chương trình do Phan Bội Châu khởi thảo nêu rõ tôn chỉ của Hội mà điều thứ nhất là: “Khu trục Pháp tặc, khôi phục Việt Nam kiến lập Việt Nam cộng hòa dân quốc”<sup>(2)</sup>. Điều lệ tổ chức của Hội kèm theo là sự phân công trách nhiệm cụ thể cho các nhà sáng lập Việt Nam Quang phục Hội.

Riêng về quân đội, đã có Quang phục quân phương lược do Hoàng Trọng Mậu khởi thảo.

Đồng thời đã phát hành Việt Nam Quang phục quân quân dụng phiếu...

Qui mô hoạt động của một Nhà nước dân chủ tư sản sơ khai đã hình thành.

Đến năm 1924, sau những nỗ lực không thành của Việt Nam Quang phục Hội, Phan Bội Châu lại không ngần ngại thay đổi tổ chức một lần nữa: “Tôi xem chừng phong triều thời đại bây giờ, đã khuynh hướng về thế giới cách mệnh, tôi mới thương xác với cả thầy đồng chí, thủ tiêu Quang Phục Hội mà cải tổ làm Việt Nam Quốc dân Đảng.

---

(1). Phan Bội Châu, Tập VI, Sdd, tr. 60.

(2). Như trên, tr. 212.

*Tôi mới khởi thảo một bản Việt Nam Quốc dân Đảng chương trình và Việt Nam Quốc dân Đảng đảng cương...”<sup>1</sup>.*

Tuy liên tục thay đổi tổ chức qua mỗi lần thất bại, nhưng có mặt tích cực của phong trào là từ trong thất bại mà mong muốn tìm đường đi tới thành công.

Song song với đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức là “đổi mới phương pháp hành động”.

Phan Bội Châu không từ một *biện pháp khả thi* nào mà không thực hiện để mong đạt tới mục tiêu độc lập dân tộc và dân chủ tư sản.

Môi trường hành động cũng luôn thay đổi, từ chỗ đi tìm đồng minh bên trong ở khắp ba kì nhằm liên kết nghĩa đảng, đến xuất dương cầu viện, bên ba Nhật Bản, Trung Quốc... Ông còn có ý định sang Nga.

b. *Biện pháp* thì chủ yếu là “từ giáo dục tư tưởng đến xây dựng lực lượng, đào tạo nhân tài, chuyển đổi tổ chức, đấu tranh không thỏa hiệp với kẻ thù, vận dụng dân chủ tư sản nhưng không lúc nào từ bỏ đấu tranh vũ trang, cố gắng sao gây được tiếng vang quân sự (như thời kì Việt Nam Quang phục Hội) để cổ vũ phong trào...”

c. *Cống hiến mới* (có thể nói vắn tắt) như sau:

- Phan Bội Châu và Duy Tân Hội cùng phong trào Đông Du đã là những người đầu tiên thổi mạnh “làn gió tư sản dân chủ” vào Việt Nam.

- Đã xây dựng được những tổ chức mới để tập hợp lực lượng. Tư tưởng tập hợp trí thức yêu nước, đoàn kết thống

---

(1). Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập VI, Sđd, tr. 287.

nhất ba kì, liên kết quốc tế vào những tổ chức (như Duy Tân Hội, Việt Nam Quang phục Hội, tham gia Hội “Chân Hoa hung Á” . . ) đã bắt đầu có từ đây mà trước kia, ngay cả thời Nguyễn Trường Tộ cũng chưa thể có được.

- *Kiên trì đường lối vũ trang cứu nước nhưng không loại trừ hay bài xích biện pháp “cải lương”, như đã thống nhất với Phan Châu Trinh khi gặp nhau ở Nhật. Và sau này khi chuyển từ lập trường quân chủ lập hiến sang lập trường dân chủ tư sản đã biểu hiện rõ nét trong cuốn Tân Việt Nam, thừa nhận biện pháp cải lương nhưng vẫn không từ bỏ võ trang tranh đấu.*

- *Coi trọng lực lượng trẻ, bồi dưỡng thanh niên, đào tạo nhân tài, điều mà trước kia các nhà văn thân Cần Vương chưa thấy được. Thơ văn yêu nước do Phan Bội Châu sáng tác gửi về nước là một công hiến to lớn về mặt đổi mới tư duy đối với thanh, thiếu niên, tạo nên một lớp kế cận rất đáng kể cho các phong trào sau này (mà các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu... đều thừa nhận như đồng chí Võ Nguyên Giáp đã viết: “Lúc đó (những năm 30 - VT) tôi chịu ảnh hưởng rất mạnh của Phan Bội Châu rồi đến ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc...”. Đồng chí Tố Hữu cũng ca ngợi trong lời thơ: “Phan Bội Châu, câu thơ dậy sóng...”).*

- *Bước đầu nêu cao tư tưởng đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo, đoàn kết binh lính, tạo tiền đề cho sự hình thành Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam sau này.*

- *Khác với chủ trương “đóng cửa khóa nước” của triều đình Huế, Phan Bội Châu đã khắc phục tính hạn hẹp của các phong trào yêu nước trước đây, biết mở cửa nhìn ra thế giới, tiếp thu ánh sáng văn minh của thời đại cũng như tìm*



những lực lượng có thể hỗ trợ cho cuộc đấu tranh yêu nước Việt Nam.

- *Bước đầu tạo được môi liên kết quốc tế* cho cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam (phong trào Đông Du, liên kết với phong trào dân chủ tư sản ở Trung Quốc, giao lưu với một số nhân sĩ và trí thức yêu nước châu Á. . .).

*Nhìn chung lại là đã đưa vào phong trào yêu nước Việt Nam cái mới của thời đại.*

## B

### PHAN CHÂU TRINH

#### VỚI CAO TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI CẢI CÁCH

Trong phong trào đổi mới đầu thế kỉ XX, chỉ có *phong trào Duy Tân* do Phan Châu Trinh đề xướng là đã nhanh chóng trở thành một *cao trào* (thậm chí vượt khỏi tầm nhìn của các nhà lãnh đạo vì bột phát tới bạo lực vũ trang) vào năm 1908.

Điều quan trọng trước hết vẫn là ở *đổi mới tư duy*. Tư duy của Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp có chỗ khác của Phan Bội Châu và chính đó cũng là linh hồn của cao trào đấu tranh năm 1908.

#### 1. **Đổi mới tư duy**

Tư duy của Phan Châu Trinh được diễn giải ngắn gọn trong “Thư gửi Nguyễn Ái Quốc” ngày 18-2-1922, với ba mục tiêu hành động là: “*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”<sup>1</sup>.

Tư duy này có cái giống, có cái khác với Phan Bội Châu.

---

(1). *Tuyển tập Phan Châu Trinh*. Nxb Đà Nẵng, 1995, tr. 696.

Trong “*Lưu cầu huyết lệ tân thư*”, Phan Bội Châu đã nói rõ “*Kế hoạch cứu cấp đồ tồn*”, gồm ba mục tiêu là:

*Khai dân trí* (mở trí khôn cho dân).

*Chấn dân khí* (nhức nhối khí dân).

*Thực nhân tài* (vun trồng nhân tài)<sup>(1)</sup>.

Như vậy, giữa Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu điểm 1 và 2 giống nhau, cũng là Khai dân trí, Chấn dân khí, nhưng khác nhau ở điểm 3: Ở Phan Bội Châu là “*Thực nhân tài*” còn ở Phan Châu Trinh lại là: “*Hậu dân sinh*”. Như vậy, Phan Châu Trinh chú ý hơn đến *dân quyền*. Còn Phan Bội Châu lại coi trọng hơn việc đào tạo và bồi dưỡng *nhân tài*. Ở Phan Châu Trinh:

a. *Khai dân trí*: Một mặt chống lối học từ chương, khoa cử Nho giáo, đẩy mạnh truyền bá quốc ngữ, mở trường dạy học và qua văn thơ, báo chí, diễn thuyết... phổ biến trong đại chúng tư tưởng tư sản dân chủ. Mặt khác là tuyên chiến với thể chế quân chủ phong kiến, với tư tưởng phong kiến Tống Nho, đẩy mạnh cải cách phong tục tập quán, bài trừ mê tín dị đoan, cải thiện lối sống (cắt tóc ngắn, cải cách tục lệ ma chay, cưới xin, xây dựng thuần phong mỹ tục).

b. *Chấn dân khí* - Dân khí đang suy nhược vì bị áp bức, bóc lột nặng nề, phải làm cho dân khí cường thịnh lên, mà để có cơ sở của sự cường thịnh đó trước hết phải nhờ ở tăng trưởng kinh tế, phải phát triển lực lượng sản xuất. Phan Châu Trinh đã cổ vũ cho việc phát triển nông, công, (thủ công), thương nghiệp..., cổ vũ cho việc phát triển các nghề truyền thống phục vụ dân sinh và xuất khẩu... Đặc biệt về

---

(1). Phan Bội Châu, *Toàn tập* - Tập VI, Sđd, tr. 68.

thương nghiệp, cổ vũ việc buôn bán lớn và dùng hàng nội hóa, mở rộng thương trường trong nước, đẩy mạnh ngoại thương, nhất là lập các Hội buôn. Muốn “chấn dân khí” còn phải nâng cao dân quyền. Phan Châu Trinh là tiêu biểu nhất cho việc đòi hỏi dân quyền ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.. Hiệu quả đạt được về mặt này không phải là nhỏ. Cả một cao trào đấu tranh của hàng vạn người tham gia xin xâu, chống thuế, mở rộng dân quyền, cải thiện dân sinh... Đấu tranh cho dân quyền đã gây được tiếng vang quốc tế. Chính Phan Châu Trinh được thoát nạn tử hình cũng nhờ Hội nhân quyền Pháp đấu tranh để giải thoát.

*c. Hậu dân sinh.* Hai yêu cầu trên khách quan đã dẫn tới yêu cầu thứ ba là cải thiện đời sống cho dân, nâng cao toàn diện cuộc sống cả tinh thần lẫn vật chất, cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cả hiện tại và cho con cháu mai sau. Muốn vậy trước hết phải xóa sạch chướng ngại phong kiến, từng bước giành cho được độc lập dân tộc, xây dựng được một Nhà nước tư sản dân chủ vững mạnh, một xã hội phồn vinh; đất nước phải có pháp luật kỉ cương, thực hiện công bằng, bình đẳng xã hội...

*Những hạn chế trong tư duy của Phan Châu Trinh:*

*a. Chưa thấy được sức mạnh của đại chúng, công, nông trí thức, không tin vào đấu tranh vũ trang của quần chúng. Không dự kiến được là cao trào duy tân cải cách - một khi đi vào đồng chí sẽ có thể chuyển sang vũ trang bạo động, mà thực tế đã diễn ra.*

*b. Chưa thấy được sự câu kết chặt chẽ giữa đế quốc cướp nước với bọn phong kiến bán nước, nên đã có ảo tưởng dựa vào đế quốc để đánh phong kiến trước rồi đuổi đế quốc sau.*

Thực tế cho thấy một trong những nguyên nhân thất bại của phong trào là ở chỗ đề quốc, phong kiến đã câu kết chặt chẽ với nhau để phá hoại, đàn áp phong trào.

## 2. Biện pháp đấu tranh mới và những công hiến mới

Nếu Phan Bội Châu kiên trì con đường vũ trang cứu nước thì Phan Châu Trinh kiên quyết theo phương châm “bất bạo động”, *đấu tranh một cách hòa bình, công khai, hợp pháp, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội* đem lại những công hiến mới:

Về văn hóa - tư tưởng, đưa tư duy tư sản dân chủ vào quần chúng... Tiêu biểu như *“Tinh quốc hồn ca”* (Tập I viết năm 1907). Khác các tác phẩm *Ái quốc, Ái quần, Đề tinh quốc dân hồn...* của Phan Bội Châu, tác phẩm *“Tinh quốc hồn ca”* của Phan Châu Trinh đi sâu vào những vấn đề về “dân quyền”, như “dân tộc, dân chủ, dân sinh”.

Đấu tranh cho quyền *dân tộc, dân chủ*, như: *“Dám chết vì nghĩa”, “có chí mao hiểm”, “làm việc vì dân vì nước”... “Đoàn kết thương yêu nhau”...*

Cải thiện “dân sinh”, như: *“Học lấy một nghề”, “chung vốn làm ăn”, “tang ma giản dị”, “cải tiến máy móc”, “làm ăn có giờ giấc”, “không mê tín dị đoan”... “sản xuất nhiều mặt hàng”, “tổ chức y tế tinh tường”...*

Những tư tưởng trên được phổ cập trong nhiều thơ, văn, bài diễn thuyết (kể cả diễn thuyết ở Đông Kinh nghĩa thực Hà Nội năm 1907)<sup>(1)</sup>.

---

(1). *Tuyển tập Phan Châu Trinh...* Sđd, tr. 119.

Tư tưởng mới chuyển thành hành động mới, không phải của một số người, mà là của cả đại chúng nhân dân, gây nên một phong trào cải cách phong tục, tập quán sôi nổi, như bãi trừ hủ tục, giảm bớt chi phí cho tổ chức ma chay, cưới xin, cắt tóc ngắn, chống hủ Nho, xóa nạn mù chữ, mở trường dạy học theo nội dung yêu nước canh tân.

*Một vài thí dụ cụ thể:* Nhiều trường học bỏ chữ Hán dạy chữ Quốc ngữ. Nhiều thầy tự nguyện đứng ra giảng dạy: Nguyễn Đình Quảng ở trường Sung Tích, Nguyễn Súly ở trường Hồ Tiểu, Nguyễn Kiệt ở trường Vạn Tượng... Các môn học không phải là Tứ thư, Ngũ kinh nữa mà là Sử kí, Địa lí, Cách trí, Vệ sinh... Tài liệu giáo khoa là các văn thơ yêu nước của cả Bắc, Trung, Nam, các tân thư, tân văn từ nước ngoài, vừa ca ngợi dân sinh, dân chủ, dân quyền tư sản, vừa phê phán bọn hủ Nho, lên án bọn phong kiến, bọn quan lại tham ô, những lạm... Những trường lớn như Diên Phong, Phúc Bình, Phúc Lâm ở Quảng Nam mỗi trường đông tới 70,80 học sinh. Các buổi diễn thuyết với nội dung phong phú được tổ chức ngay tại các trường<sup>(1)</sup>.

*Về kinh tế, cổ vũ cho việc phát triển thủ công, thương nghiệp, hô hào trồng cây công nghiệp, như trồng quế, chè, trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa, mở các hội buôn... Kết quả rất khả quan: một số công ti thương nghiệp và nhiều xưởng tiểu, thủ công nghiệp (dệt máy khổ rộng, sản xuất giày, mũ trắng, may mặc... đã ra đời). Về các*

---

(1). Trần Huy Liệu: *Tài liệu tham khảo Lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam*, Tập II... in lần thứ hai, Văn Sử Địa, H. 1958, tr. 64.

công ti thì tiêu biểu như *Quảng Nam công ti*, *Liên Thành công ti* được thành lập ở Quảng Nam, Phan Thiết năm 1907.

Về chính trị, tạo nên một cao trào đấu tranh xin xâu, chống thuế của nông dân Nam Ngãi, Bình Định, Phú Yên, lan xuống cả phía Nam, đến Khánh Hòa, Bình Thuận, ra phía Bắc tới cả Thanh, Nghệ, Tĩnh. Tiêu biểu như ở Nam Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Thực tiễn đấu tranh diễn ra rất sinh động như lịch sử đã ghi:

*Từ cuối tháng 2-1908, khẩu hiệu "Không nộp thuế cho Pháp" được bí mật truyền trong nhân dân... Bọn thống trị đàn áp, đánh đòn phủ đầu thì lập tức cuộc biểu tình đầu tiên của nhân dân huyện Đại Lộc nổ ra kéo đến trước tòa sứ Hội An phản đối xâu, thuế. Dịch khủng bố, bắt một số đại biểu của nhân dân đánh đập dã man, nhưng biểu tình ngày càng đông nối tiếp nhau kéo dài hơn 1 tháng.*

*Ngày 20 tháng 3-1908, một đoàn biểu tình kéo dài đến vây nhà Tổng đốc Hồ Đắc Trung, một số đoàn khác vây Tòa sứ Hội An đòi giảm thuế và trừng phạt bọn tham quan ô lại.*

*Ngày 22 tháng 3-1908, một đoàn biểu tình vây phủ Điện Bàn, bắt tên Tri phủ Trần Văn Thống mang đi, định đem trả cho chủ nó là thực dân Pháp, giữa đường bị địch bắn chết ba người. Lễ truy điệu ba tử sĩ được tổ chức với bài Văn Tế thống thiết, đã có tác dụng cổ súy phong trào.*

*Ngày 30-3, một đoàn biểu tình vây phủ Tam Kỳ, lùng bắt Đề Sự - một tên nổi tiếng là gian ác.*

Ngày 7-4-1908, nhân dân huyện Duy Xuyên đến vây nhà, bắt giết tên Chánh tổng Trần Quát - một tay sai đắc lực của thực dân Pháp<sup>(1)</sup>.

Như vậy, từ yêu cầu cải cách ôn hòa đã tự phát tiến lên thành bạo động vũ trang trừ gian diệt ác... mà các nhà lãnh đạo phong trào không lường trước được.

Cao trào dâng lên từ tháng 2-1908 đến cuối năm 1908 thì kết thúc, đã để lại những bài học lịch sử quý báu và những ảnh hưởng sâu sắc là:

- Dưới ách đế quốc và tay sai phong kiến phản động, đấu tranh đòi cải cách dân chủ có thể tiến hành toàn diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội bằng bạo lực chính trị của quần chúng.

- Trước sự tham tàn và ngoan cố của kẻ thù thì không nên hạn chế, hay thủ tiêu bạo lực vũ trang. Trong cao trào quần chúng, đấu tranh có thể từ hòa bình cải cách phát triển thành bạo lực vũ trang, cho nên phải chủ trương kết hợp vũ trang với đấu tranh chính trị mà sau này trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chúng ta đã tổng kết và phát triển thành phương châm “ba mũi giáp công” rất có hiệu quả...

- Cải cách dân chủ tư sản (còn gọi là “cải lương”) thật sự là một yêu cầu và là một biện pháp đấu tranh khả thi trong quá trình giải phóng dân tộc. Cần phân biệt cải lương phản động do địch lợi dụng và cải lương yêu nước. Các phong trào cải lương yêu nước đầu thế kỉ thứ XX xứng đáng được ghi công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, phát triển đất nước...

---

1. Trần Huy Liệu: “Lịch sử tám mươi năm chống Pháp”. Văn Sử Địa, H, 1956, tr. 155-156.

## LUONG VĂN CAN VỚI PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC (3/1907-12/1907)

Trong sự nghiệp đổi mới trên lãnh vực tư tưởng, văn hoá theo hướng tư sản dân chủ vào đầu thế kỉ XX, Lương Văn Can và các nhà Đông Kinh Nghĩa thực đã có nhiều công hiến đáng kể<sup>(1)</sup>. Đây là một phong trào công khai, hợp pháp, ra đời đồng thời với các phong trào cải cách, đổi mới ở Trung Nam, nhưng có sắc thái riêng của mình, có sự giao lưu hỗ trợ, chịu ảnh hưởng lẫn nhau với các phong trào khác đương thời.

Có nhà nghiên cứu cho rằng: *“Hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thực nằm trong phạm vi ảnh hưởng của xu hướng cải lương lưu hành trong cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX mà Phan Châu Trinh là đại diện”* Nhà nghiên cứu khác lại cho: *“Đông Kinh Nghĩa thực là một bộ phận của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ do Phan Bội Châu đứng đầu, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phan Bội Châu”*<sup>(2)</sup>. Nhưng nhìn vào công hiến cho sự nghiệp đổi mới thì phong trào này rõ ràng là có tính độc lập tương đối với hoạt động mang sắc thái riêng của mình trên lãnh vực tư tưởng, văn hoá, hỗ trợ cho các phong trào khác. Thanh niên, trí thức Bắc Hà tiếp cận được với tư tưởng, thơ văn Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng chính là nhờ ở Đông Kinh Nghĩa thực.

---

(1) Tư liệu cho phần *“Lương Văn Can và Đông Kinh Nghĩa thực”* lấy ở: Chương Thâu: *“Đông Kinh Nghĩa thực và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX”*. Nxb Văn hoá – Thông tin. H. 1997 và Trần Huy Liệu: *“Tài liệu tham khảo Lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam”*, tập III Sđd.

(2). Chương Thâu: *“Đông Kinh nghĩa thực...”*, Sđd, tr.9.



Điều đáng lưu ý là, nếu nói điều quan trọng đầu tiên của “đổi mới” là *đổi mới tư duy* thì hoạt động của Lương Văn Can và các nhà Đông Kinh Nghĩa thực đã trực tiếp đi vào khâu thiết yếu này. Các nhà yêu nước này đã giương cao ngọn cờ “Nghĩa” (nghĩa thực) ở đất Đông Kinh. Đông Kinh Nghĩa thực (Hà Nội), gây nên một phong trào vận động cải cách tư sản dân chủ trong đại chúng.

Cũng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, nhà sáng lập Đông Kinh Nghĩa thực *Lương Văn Can* cũng là một nhà khoa bảng không nhận làm việc với chính quyền thực dân, kiên trì bất hợp tác với địch.

Lương Văn Can tự Hiếu Liêm, sinh năm 1854 ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (Thường Tín) Hà Đông, trong một gia đình nghèo. Năm 21 tuổi đậu cử nhân, được triều đình bổ làm Giáo thụ phủ Hoài Đức nhưng cụ từ chối. Sau thực dân Pháp lại cử làm Ủy viên Hội đồng thành phố Hà Nội, cụ cũng không nhận, ở nhà dạy học và tìm đường cứu nước. Tương tự như các nhà yêu nước Trung, Nam lúc bấy giờ, các sĩ phu Bắc Hà cũng tìm đường canh tân đất nước bắt đầu từ văn hoá giáo dục... Cụ Cử Can cùng với người cộng sự đắc lực là Tú tài Nguyễn Quyền (người làng Thượng Trì, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đã từng làm Huấn đạo ở Lạng Sơn) đứng ra tập hợp nhân tài, nghĩa sĩ lập ra Đông Kinh Nghĩa thực.

Trường được tổ chức công khai nhờ một số trí thức làm công chức cho chính quyền thực dân, xin mở trường một cách hợp pháp.

Là một hoạt động yêu nước công khai, hợp pháp, lại vì việc “nghĩa” nên trường thu hút được đông đảo trí thức có

tên tuổi ở Hà Thành tham gia. Ngoài Lương Văn Can được bầu làm “Giám học” còn đông đảo các khoa danh, nhân sĩ tham gia, như: *Đỗ Chân Thiết, Nguyễn Tùng Hương, Võ Hoàng, Lê Đại, Nguyễn Phan Lãng, Phan Đình Đồi, Bùi Liên, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tôn, Dương Bá Trạc, Lương Trúc Đàm, Nguyễn Cảnh Lâm, Phan Tư Trực, Đào Nguyên Phổ, Phan Huy Thịnh* vv...

## NHỮNG CÔNG HIẾN CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC VÀ PHONG TRÀO ĐỔI MỚI

Nếu Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng cổ vũ cho việc đổi mới văn hoá, giáo dục, khoa cử, đưa yêu sách đòi thực dân, phong kiến cải tiến giáo dục, cải thiện sinh hoạt tư tưởng, văn hoá... thì Lương Văn Can và các nhà Đông Kinh Nghĩa thực đã đi vào thực hiện cải cách giáo dục, cải thiện sinh hoạt tư tưởng, văn hoá, bằng những hoạt động cụ thể của mình. Đó là mở trường tư thực, phổ cập quốc ngữ, giảng giải tân thư, tân văn; tổ chức bình văn, diễn thuyết, sáng tác văn thơ; biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; in ấn sách báo tiến bộ... Mục tiêu chung là nâng cao dân trí, đưa tư tưởng dân chủ tư sản vào đại chúng, kích thích sự phát triển lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa, tạo động lực tinh thần và vật chất cho một phong trào cách mạng dân tộc, dân chủ tư sản. Đông Kinh Nghĩa thực đã bằng những biện pháp mới, đưa lại những công hiến mới cho “phong trào đổi mới” đầu thế kỉ XX.

### 1. Những biện pháp mới:

1.1. *Mở trường học*: Trường mở tại Hà Nội. Trụ sở Ban Giám hiệu ở nhà cụ Cử Can, số 4 Hàng Đào, chiều

sinh và bắt đầu giảng dạy từ tháng 3-1907, chính thức được phép tháng 5-1907. Lúc đầu chỉ có khoảng 30-50 học sinh, phần lớn là con em những nhà Nho có tư tưởng mới, những nhà giàu có. Đến tháng 5-1907, khi trường chính thức xin được phép của “nhà nước bảo hộ”, học sinh đã tăng lên gấp 10 lần (khoảng 500 người). Sau đó, lúc cao nhất, theo lời Giám học Nguyễn Quyền, học sinh lên tới hàng nghìn người.

*Ngoài hai nhà lãnh đạo Lương Văn Can, Nguyễn Quyền thì, hội viên chính thức có: Nghiêm Xuân Quảng (Án sát Lạng Sơn), Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tồn, Trần Đình Đức, Bùi Đình Tá, Phan Đình Đối, Nguyễn Bá Học.*

Hội viên tán trợ nhưng cũng tham gia hoạt động tích cực như: Đào Nguyên Phổ, Phan Tuấn Phong, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Lê Đại, Vũ Hoàn, Nguyễn Hữu Cầu, Phan Tất Tuấn...

*Tổ chức* trong nhà trường cũng mang những nét mới. Dưới Ban Giám hiệu là: Ban Giáo dục, Ban Tài chính, Ban Cổ động, Ban Tu thư, một Thư viện.

*Sự phát triển của phong trào ra các địa phương.* Nhà trường có chủ trương mở rộng phong trào ra các tỉnh, được các nơi hưởng ứng thực hiện.

*Hà Nội*, ngoài Đông Kinh Nghĩa thực ở số 4 Hàng Đào, còn có *Mai Lâm Nghĩa thực* ở Hoàng Mai, *Ngọc Lâm Nghĩa thực* ở Ngọc Xuyên, Hoàn Long.

*Hà Đông* có các trường Phương Canh, Tây Tựu, Hạ Hồi, Thượng Cát, Yên Lộ, Tây Mỗ... huyện Hoài Đức; Đan Hội huyện Đan Phượng; Phúc Diễn huyện Ứng Hoà; Nhị Khê huyện Thường Tín; Chèm huyện Từ Liêm.

*Hải Dương* có trường Tạ Xá huyện Nam Sách.

*Bắc Ninh* có trường Đình Xuyên huyện Gia Lâm.

*Hung Yên* có các Nghĩa thực nhỏ ở Văn Giang, Yên Mỹ.

*Thái Bình* có nhiều trường dạy chữ Quốc ngữ và giảng dạy văn hoá, hoạt động xã hội như kiểu Đông Kinh Nghĩa thực ở nhiều huyện.

1.2. *Sưu tầm, biên soạn, in ấn sách báo, tài liệu tuyên truyền, giáo trình giảng dạy:*

Đông Kinh Nghĩa Thực coi trọng việc sưu tầm các tân thư, tân văn của Trung Quốc, Nhật Bản, như: *Trung Quốc hồn, Vạn quốc sử ký, Doanh hoàn chí lược, Nhật Bản tam thập niên duy tân sử...* Ban Tu thư có các nhà soạn sách, dịch thuật có tên tuổi như Lương Văn Can, Lê Đại, Nguyễn Hữu Cầu, có cả Phan Châu Trinh, Ngô Đức Kế tham gia... Sách giáo khoa và tài liệu tuyên truyền đã được biên soạn, dịch thuật công phu, đáng kể như *Quốc dân độc bản, Nam quốc giai sự, Nam quốc địa dư, Quốc văn giáo khoa thư, Luân lí giáo khoa thư...*

1. 3. *Giảng dạy, tuyên truyền, cổ động;*

*Giảng dạy* do Ban Giáo dục đảm nhiệm chia làm ba bộ môn: Việt văn, Hán văn, Pháp văn, Sử-Địa-Toán. *Ban Hán văn* có các thầy Nguyễn Quyền, Vũ Trác (cụ Kép Canh), Hoàng Tích Phụng, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Lương Trúc Đàm, Đào Nguyên Phổ. *Ban Việt văn và Pháp văn* có các thầy Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Bùi Đình Tá... *Ban Sử - Địa - Toán* do Trần Đình Đức, Phan Đình Đồi phụ trách...

*Tuyên truyền cổ động*, chủ yếu là thông qua các buổi diễn thuyết, bình văn được tổ chức nhiều lần trong tháng, chủ yếu là các tối mồng một và ngày rằm với các diễn giả nổi tiếng như Dương Bá Trạc, Lương Trúc Đàm, Hoàng Tăng Bí, Trần Tấn Bình... Ban còn mời các nhà yêu nước canh tân như Phan Châu Trinh... đến diễn giảng.

*Cái mới về giáo dục*, tuyên truyền chính là ở nội dung sách, báo, tài liệu được sử dụng - công cụ giảng dạy. Tiêu biểu như:

*Văn minh tân học sách* nói về ý nghĩa, nội dung của văn minh và nêu ra sáu đường thực hiện văn minh là: 1. Dùng văn tự nước nhà. 2. Hiệu đính sách vở. 3. Sửa đổi phép thi. 4. Cổ võ nhân tài. 5. Chấn hưng công nghệ. 6. Mở toà báo.

*Quốc dân độc bản* do các Tu thư biên soạn gồm tới 79 mục nói từ ý thức đến hành động như “Nguồn gốc xã hội” “Gia đình” đến dân tộc, cơ sở kinh tế - xã hội, các hoạt động kinh doanh công, thương, tiền tệ... theo phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa...

*Cải lương môn học quốc sử giáo khoa thư*, nội dung gồm: *Nam quốc sự truyện*, *Nam quốc vĩ nhân* đến phần thơ văn yêu nước, cải cách như: “Phen này cắt tóc đi tu”, “Kêu hồn nước”, “Thiệt tiền ca”, “Địa dư lịch sử nước nhà”...

*Tân đính luân lí giáo khoa thư*, gồm 7 Chương dạy về trách nhiệm công dân: đối với nước, đối với nhà, đối với mình, đối với người, đối với xã hội, đối với muôn loài...

*Tỉnh Quốc hồn ca* của Phan Châu Trinh, *Hải ngoại huyệt thư* của Phan Bội Châu, bài phú cải lương của Nguyễn Thượng Hiền vv... đều được dùng trong giảng dạy.

## **2. Những công hiến của Đông Kinh Nghĩa thực trong phong trào đổi mới**

### *2.1. Về văn hoá, giáo dục:*

a- Bồi dưỡng, nâng cao tinh thần dân tộc và lòng yêu nước theo trào lưu dân chủ tư sản.

b- Chống cự học, chống hủ Nho, chống khoa cử hư danh lạc hậu phong kiến.

c- Hô hào học chữ Quốc ngữ.

d- Kết hợp nâng cao văn hoá với bồi dưỡng chuyên môn, nghề nghiệp.

đ- Khuyến khích học tập theo phương pháp mới.

### *2.2. Về tư tưởng, xã hội:*

a- Đả phá tư tưởng thiên mệnh của Nho giáo.

b- Lên án phong tục, tập quán đồi bại, hủ lậu.

### *2.3. Về kinh tế:*

a- Đề xướng và cổ vũ cho quan điểm tư tưởng “dân giàu, nước mạnh”.

b- Trực tiếp đi vào hoạt động công, thương.

## **3. Tác động, ảnh hưởng cụ thể**

Tuy chỉ tồn tại được 9 tháng nhưng Đông Kinh Nghĩa thực đã nhanh chóng gây nên một phong trào quần chúng đi vào các hoạt động tư tưởng, văn hoá, kinh tế sôi nổi chưa từng có ở Đông Kinh (Hà Nội). Số học sinh ở Hà Nội và ở các phân hiệu các tỉnh có tới hàng nghìn. Số người đến nghe tuyên truyền, diễn thuyết đông vô kể:

*Buổi diễn thuyết người đông như hội,*

*Kỳ bình văn khách “tối như mưa”.*

Tác động quan trọng là đã đẩy lên một phong trào canh tân, chuyển thành những hoạt động kinh tế, văn hoá, giáo dục sôi nổi một thời.

Đáng kể nhất là *sự phát triển kinh doanh công, thương nghiệp* theo hướng canh tân mà tiêu biểu như:

Hiệu buôn *Đông Lợi* tề do Đỗ Chấn Thiết cùng các đồng chí mở ở phố Mã Mây, Hà Nội, chuyên bán hàng nội hoá.

Công ti *Đông Thành Xương* do Hoàng Tăng Bí và Nguyễn Quyền mở ở phố Hàng Gai, Hà Nội vừa buôn bán hàng tạp hoá, vừa làm công nghệ dệt xuyên hoa đại đoá, ướp chè sen...

(Hai cơ sở thương nghiệp trên đồng thời là cơ quan bí mật của Hội Duy Tân để đưa đón những người tham gia phong trào Đông Du xuất dương hoặc về nước).

Công ti *Quảng Hưng Long* buôn bán hàng nội hoá.

Hiệu *Hồng Tân Hưng* buôn bán và làm đồ sơn.

Công ti *Nghiêm Xuân Quảng* buôn bán the, lụa ở Thái Bình.

Công ti *Đông Ích* dệt và xuất khẩu.

Hiệu buôn *Phúc Lợi Tế* của cụ Tùng Hương ở Phúc Yên.

Hiệu buôn *Sơn Thọ* của Nguyễn Trác ở Việt Trì, Phú Thọ.

Cửa hàng *Đông Động* ở thị trấn Đông Hưng, Thái Bình của Cử Gia, chánh Phong.

Cửa hàng *Chợ Mới* của Lí Thoa ở xã Quảng Lịch, huyện Kiến Xương, Thái Bình.

Cũng trong thời gian này, do ảnh hưởng qua lại của phong trào đổi mới ở cả ba miền Nam, Bắc, Trung nên ở Trung và Nam, phong trào lập hội buôn cũng phát triển:

### Ở Trung Kỳ:

Công ti *Phương Lâu* ở Thanh Hoá mở rộng kinh doanh lập thêm chi nhánh ở Vinh, Hà Tĩnh, Huế.

*Triều Dương thương quán* của Ngô Đức Kế và Đặng Nguyên Cẩn mở ở Nghệ An.

*Liên Thành công ti* của các thương gia Nam Ngãi mở ở Phan Thiết.

### Ở Nam Kỳ:

*Chiêu Nam Lâu* của Nguyễn An Khương (thân phụ nhà yêu nước Nguyễn An Ninh), thủ lĩnh phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ, một trong những người đầu tiên hưởng ứng Đông Kinh Nghĩa thực.

*Minh Tân khách sạn* của Tri phủ Trần Chánh Chiếu mở ở Sài Gòn.

*Hiệu Tân Hợp Long* của Hồ Nhật Tân mở ở Long Xuyên.

Việc tìm mỏ, *khai khoáng* cũng bước đầu được chú ý. Tiêu biểu như Bùi Xuân Giáo, Giáo học Ninh Bình đã thuê người khai thác mỏ than ở Nho Quan (nhưng chưa thành đạt, sau phải bán lại cho một tư sản Hoa Kiều).

Về *khuếch trương nông nghiệp* theo hướng sản xuất lớn như khai hoang, lập đồn điền..., Đông Kinh Nghĩa Thực đã chú ý tới. Tiêu biểu như Bùi Đình Tá, một nhà tân học tham gia Đông Kinh Nghĩa thực đã cùng Phan Tá lập đồn điền ở Mỹ Đức, Hà Đông, đồng thời mở “Cô nhi viện” bên cạnh đồn điền để nuôi dạy trẻ mồ côi...<sup>(1)</sup>

Đông Kinh Nghĩa thực đã nhận được sự hưởng ứng của sĩ phu ba kì. Các nhà yêu nước thuộc các xu hướng cả duy

---

(1) Chương Thâu: “Đông Kinh Nghĩa thực...”, Sđd, tr. 76.



tân, cải cách lẫn vũ trang bạo động... đã vè đây gập gỡ, trao đổi. Các cuộc tiếp xúc với nghĩa quân Đê Thám cũng diễn ra, chuẩn bị cho vụ Hà Thành đầu độc vào năm 1908.

Thực dân Pháp hoảng sợ đã nhân vụ Hà Thành đầu độc mà khủng bố, triệt phá phong trào.

*Hiệu quả* của Đông Kinh Nghĩa thực là tư tưởng tư sản dân chủ đã ăn sâu vào đầu óc dân chúng. Một số thanh niên trí thức do tài trợ của phong trào Đông Kinh Nghĩa thực đã thoát Li tham gia cách mạng. Một số đã sớm xuất dương tìm đường cứu nước...

*Nhìn chung*, Đông Kinh Nghĩa thực đã góp phần cùng với các phong trào yêu nước ở Trung, Nam đương thời thổi một luồng gió mới “dân chủ tư sản” vào đại chúng, nhằm “đổi mới” xã hội theo hướng dân chủ tư sản, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tạo tiền đề thuận lợi cho cách mạng Việt Nam phát triển đi tới giành độc lập dân tộc, đưa đất nước tới văn minh, giàu mạnh.

## D

### HUYNH THỨC KHÁNG VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG CẢI LƯƠNG YÊU NƯỚC - TIẾP NỐI PHONG TRÀO DUY TÂN ĐẦU THẾ KỈ

Minh Viên *Huỳnh Thúc Kháng* (1876 - 1947) cũng như Phan Châu Trinh sinh ra từ đất Quảng Nam (làng Thanh Bình, huyện Tiên Phước), giàu tinh thần yêu nước. Là một trí thức đại khoa, đậu giải nguyên kì thi Hương năm 1890 và đậu Hội nguyên kì thi Hội năm 1901 - một trong “Tứ hổ” đất Quảng (với Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Hiến, Phạm Liệu), Huỳnh Thúc Kháng đã từ bỏ chốn quan trường phong kiến hủ bại sớm đi vào cuộc đấu tranh yêu nước. Cùng chí hướng với các nhà yêu nước Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, cụ đã là một trong những người khởi xướng và tham gia phong trào Duy Tân. Sau cao trào 1908, cụ bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo.

Trong “trường học nhà tù” (1908 - 1921), cụ đã dày công rèn luyện, học thêm tiếng Pháp, đọc tân thư, tân văn Đông Tây về cách mạng tư sản dân chủ.

Ra tù lại lao vào môi trường tranh đấu bằng biện pháp riêng của mình đại diện cho xu hướng cải lương yêu nước (khác với cải lương được đế quốc và tay sai ủng hộ và lợi dụng), tiếp tục đấu tranh cho dân tộc, dân chủ trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung kì” (1926 - 1928). Rồi chủ bút cơ quan ngôn luận công khai báo “Tiếng Dân”, theo đuổi chủ nghĩa cải lương tích cực của mình...

Khác ba nhà đổi mới trên, Huỳnh Thúc Kháng đi vào con đường *cải lương yêu nước*. Chủ nghĩa cải lương của cụ Huỳnh

Thúc Kháng tuy cũng còn có những hạn chế nhưng là cải lương yêu nước, khác con đường cải lương, phản động của một số trí thức đương thời. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đã nhận định: “*Cụ Huỳnh Thúc Kháng là người bạn chiến đấu của cụ Phan Châu Trinh, cùng với cụ Trần Quý Cáp và những người đứng đầu phong trào Duy Tân, thì cũng cho rằng ở nước ta, nói đánh Pháp làm sao đánh được. Tất cả những phong trào chống Pháp đều đã thất bại, đuổi Pháp đi, Pháp không đi; mời họ đi họ cũng không đi, thế thì thế nào? Nên hướng chiến đấu của cụ là nhằm vào bọn tham quan ô lại Nam Triều. Và cho rằng, sở dĩ dân ta khổ như thế là vì sưu cao thuế nặng, muôn bề bị đè nên, là do bọn quan lại không hiểu được những tình trạng khốn khổ của nhân dân. Cụ thường nói là do bọn vua quan thừa hành*” (trên báo Tiếng Dân - VT)<sup>(1)</sup>.

## NHỮNG CÔNG HIẾN VÀO PHONG TRÀO ĐỔI MỚI

### **1. Đổi mới tư duy biểu hiện trong hoạt động cải lương yêu nước**

Công khai phê phán bọn phong kiến cổ hủ, lạc hậu và bọn thực dân bóc lột hà khắc, bao che cho phong kiến tay sai.

Cổ động cho phong trào tân học.

Đả phá lệ khoa cử lỗi thời.

Cổ vũ con đường thực nghiệp, hô hào các thương gia, thân hào, thân sĩ lập các hội nông, công, thương.

Hướng mọi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội đi tới một xã hội dân chủ tư sản.

---

(1). *Ki yếu Hội thảo khoa học về Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*. Sở KH-CN-MT Quảng Nam - Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng, 1993, tr. 11.

## **2. Cái mới trong biện pháp hành động**

2. 1. *Trực tiếp bắt tay vào hành động*, như trong: “Niên phổ Huỳnh Thúc Kháng” đã ghi:

*“Tôi cùng các thân hào bằng hữu đề xướng chung vốn lập thương cuộc tại phố (Hội An) cùng lập trường học, hội nông, trồng quế... tùy theo phong khí biến đổi trong nước, nào ăn mặc theo Âu Tây, cúp tóc...*

*Tôi lại cùng các thân sĩ trong huyện lập một thư xã tại nhà túc thất của văn miếu mới (tại làng Chiên Đàn), mua nhiều sách báo mới, ngày rằm mỗi tháng họp diễn thuyết một lần, người đến nghe rất đông.*

*... Lại cùng đề tử trong làng mở nhà học, rước thầy về dạy chữ Tây và chữ Quốc ngữ cho con em... Nhiều làng trong hương thôn có trường Quốc ngữ... phong khí đổi khác...”<sup>(1)</sup>.*

2. 2. *Lợi dụng tổ chức công khai của nhà nước thực dân lập ra dưới chiêu bài “Viện Dân biểu Trung Kỳ” để thực hiện hành động yêu nước của mình:*

Kiên trì chủ trương bất hợp tác với địch, cả khi Khâm sứ Trung Kỳ Pasquier mời cụ ra làm ở Viện Bác cổ Huế, cụ đã trả lời: *“Tôi chỉ có một cái tội là đậu tiên sĩ mà không đi làm quan cho nên mới bị tù. Trước đã thế huống chi bây giờ, xin ngài miễn nói đến việc ấy”<sup>(2)</sup>*. Nhưng cuối năm 1925, khi thực dân Pháp bày trò cải tổ “Hội đồng tư phòng” thành “Viện Nhân dân đại biểu”, một số nhà tư sản dân tộc và trí thức có xu hướng tư

---

(1). Chương Thâu: “*Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*” (Chọn lọc) Nxb Đà Nẵng, 1980, tr. 13-14.

(2). Chương Thâu: “*Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*” (Chọn lọc). Nxb Đà Nẵng, 1980, tr. 16.

sản khuyên cụ rằng, cứ lợi dụng cơ hội này mà hành động. Huỳnh Thúc Kháng đã thực hiện. Lợi dụng diễn đàn của tổ chức công khai hợp pháp này, cụ đã tố cáo tội ác thực dân, phong kiến. Cụ thể như, trong diễn văn đọc trước Viện Dân biểu Trung Kỳ ngày 1-10-1928, Huỳnh Thúc Kháng đã nói:

*“Khổ trạng của nhân dân Trung Kỳ vẫn nói không hết, song tóm lại có ba điều cần yếu:*

*a. Một là học giới bó buộc... Chương trình hạn chế, qui luật ngăn ngừa, dân thì lấy sự học làm sinh mệnh, quan thì xem sự học như thù nghịch... Vậy thì về đường học giới có nên thi hành cách cưỡng bách giáo dục và nhân dân tự do lập trường không?*

*b. Hai là tài nguyên kiệt quệ... Tài nguyên trong một nước sinh sản có ít mà tiêu phí nhiều thì tự nhiên ngày thấy khôn đốn... Khai thông chậm trễ, công nghệ không có gì là nội hóa, thương mại thì quyền ở ngoại thương... Người Nam vì không đi đâu được nên người Khách ép uống thế nào cũng phải chịu... Mỗi năm đến kì thuế, trong nhân gian chạy sấp, chạy giữa, trốn mỗ om sòm, gông cùm hò hét, tình cảnh rất là rắc rối... Thế thì về mặt tài chính có nên đánh thuế những vật xa xỉ, cùng thuế sưu có nên sấp một cách cho nhất định không?*

*c. Ba là hình luật phiền lụy. ...Người không tội mà bị hình hay bị vu cáo chưa tra xét cho đích thực mà đã bị bắt giam... Báo sách bị cấm, bị bắt... Cho đến diễn thuyết, làm trường học cũng bị lụy... dân An Nam, có cái cảnh tượng khủng hoảng như vậy tưởng cũng phương hại đến danh dự nước Pháp”<sup>(1)</sup>.*

---

(1). Chương Thâu: “*Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*” (Chọn lọc). Nxb Đà Nẵng, 1980, tr. 350-353.

Cuối cùng là diễn văn đòi cho có được Hiến pháp dân chủ. Ai cũng biết những tố cáo trên, dịch cũng để ngoài tai và những đòi hỏi trên đều vô hiệu, những lời tố cáo dịch ngay trong cơ quan mang danh là dân chủ và nhân quyền do chúng lập ra lúc đó cũng đáng hoan nghênh.

2. 3. *Lợi dụng diễn đàn báo chí công khai* do Huỳnh Thúc Kháng chủ trì (báo Tiếng Dân) cũng là một cái mới mà ba cuộc vận động trên không làm được. Báo *Tiếng Dân* do Huỳnh Thúc Kháng làm chủ bút kiêm chủ nhiệm ra mắt độc giả ngày 10-8-1927 là một sáng kiến và nỗ lực lớn của Huỳnh Thúc Kháng. Cố nhiên bọn thống trị cũng tương kế tựu kế lợi dụng chủ nghĩa cải lương của cụ Huỳnh để phá phong trào cộng sản đang lên mạnh lúc đó, nhưng cụ Huỳnh lại lợi dụng được diễn đàn công khai đó thực hiện được ý đồ của mình.

Một thực tế là nếu lúc đó thơ văn của Phan Bội Châu bị cấm đoán, của Phan Châu Trinh cũng không được phổ biến, tàng trữ, thì những lời tố cáo và những nguyện vọng của dân như trên lại có thể được đăng tải trên báo Tiếng Dân, thậm chí cả những bài đồng chí Võ Nguyên Giáp viết về chủ nghĩa Mác-Lênin và những bài rất quyết liệt chống thực dân Pháp, cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng cho đăng lên báo Tiếng Dân<sup>(1)</sup>. Vì vậy báo Tiếng Dân đã được các nhà lãnh đạo cách mạng sau này thừa nhận mặt tích cực của nó, như đồng chí Trường Chinh đã nhận xét: "*Cụ Huỳnh Thúc Kháng đã gây được một tiếng vang lớn có lợi cho cách mạng, đã thét "Tiếng Dân" giữa kinh thành Huế*"<sup>(2)</sup>.

---

(1). *Kiểm yếu Hội thảo khoa học về Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*. Sở KH-CN-MT. Quảng Nam - Đà Nẵng. Nxb Đà Nẵng, 1993, tr. 15.

(2). Như trên, tr. 253.

*Mặt hạn chế:*

Hạn chế cơ bản của cụ Huỳnh (cũng như ở Phan Châu Trinh) là *không dựa vào quần chúng và phản đối bạo lực* - những điều rất không có lợi cho cách mạng. Đồng chí Lê Duẩn đã nhận xét về Huỳnh Thúc Kháng: *"Đó là một phong trào ái quốc không có lối thoát, uể oải, mệt nhọc với những hình thức cải cách bao trùm từ Tiếng Dân hay nhất thời trong Viện Dân biểu"<sup>(1)</sup>.*

Những hạn chế đó đã được khắc phục từ những năm Cách mạng tháng Tám, như đồng chí Võ Nguyên Giáp đã nhận xét: *"Cụ Huỳnh Thúc Kháng... có hạn chế nhưng khi Nhật đánh đổ Pháp thì cụ nói: Đây là mở đầu của trang sử độc lập dân tộc... Cụ làm Bộ trưởng Nội vụ. Cụ rất cương quyết với bọn Quốc dân Đảng chống lại ta... Coi cụ Hồ là người tri kỉ, cụ đi đến với đường lối của Đảng ta..., cho đường lối của cụ Hồ là đúng..."<sup>(2)</sup>.*

### **3. Quan hệ của Đảng Cộng sản Việt Nam với Huỳnh Thúc Kháng từ 1930 đến 1946 - một bước đổi mới trong sách lược của Đảng**

Đảng Cộng sản Việt Nam qua mỗi thời kì lịch sử đều phải *đổi mới chính sách* trong tập hợp lực lượng cách mạng. Việc định rõ bạn, thù, bạn gần, bạn xa, đồng minh chiến lược và đồng minh sách lược... cho từng thời kì là rất quan trọng.

Trong đồng minh chiến lược, giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng đã coi nông dân là đồng minh chiến lược chí cốt và lâu dài trong khối liên minh công nông. Trong giai đoạn cách

---

1. *Kiểm yếu Hội thảo khoa học về Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*. Sở KH-CN-MT. Quảng Nam - Đà Nẵng. Nxb Đà Nẵng, 1993, tr. 15.

2. Như trên, tr. 14-15.

mạng dân tộc dân chủ thì tiểu tư sản thành thị, tư sản dân tộc cũng là đồng minh chiến lược đứng sau nông dân. Trí thức hay tiểu tư sản thành thị có xu hướng dân chủ tư sản luôn được Đảng quan tâm đoàn kết, tranh thủ, tránh sự lôi kéo, chia rẽ của kẻ thù.

Riêng với cụ Huỳnh Thúc Kháng, Đảng đã có sự đổi mới trong quan hệ, chuyển dần từ đánh giá tiêu cực sang hợp tác tích cực:

Vào thời kì 1930 - 1936, những ai theo đường lối cải lương đều không được coi là đồng minh. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng đã bị đối xử như vậy.

Trong *Luận cương chính trị* tháng 10-1930, Đảng đã xếp Huỳnh Thúc Kháng cùng với Phạm Quỳnh vào “bọn thỏa hiệp với đế quốc”.

Văn kiện nêu rõ: “*Tư bốn bốn xứ chia làm hai bộ phận, một bộ phận thì đã hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa... một bộ phận nữa (bọn Huỳnh Thúc Kháng, bọn Phạm Quỳnh, bọn Ngô Báo v. v. .) hiện còn thỏa hiệp với đế quốc, chúng nó lợi dụng phong trào cách mạng để yêu cầu đế quốc những quyền lợi riêng của chúng nó đồng thời để lừa gạt quần chúng. Ngoài mặt thì chúng nó ra bộ đòi những cải cách, nhưng kì thiệt chúng nó, kiếm cách phá hoại phong trào cách mạng của công, nông. Chiến lược của Đảng ta là phải chỉ rõ cái tánh chất quốc gia cải lương của bọn này*”<sup>1)</sup>.

Đến *Chương trình hành động* của Đảng Cộng sản Đông Dương (ĐCSDD) tháng 6 năm 1932 cũng vẫn xếp: “*Đảng Lập hiến ở Nam Kỳ và phe quốc gia cải lương ở Bắc Kỳ (Phạm*

---

1. Văn kiện Đảng 1930 - 1945, Tập I. Ban NVCLSD XB. 1977, H, tr. 72.



Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh v.v...), ở Trung Kỳ (Huỳnh Thúc Kháng v. v. .) và đảng phái của địa chủ, tư sản, quan lại, trạng sư và mật thám. Máy đảng phái ấy không bao giờ bênh vực quyền lợi của quần chúng lao động mà bao giờ cũng đồng thanh hợp tác mật thiết với đế quốc...” và đã xếp hẳn vào hàng ngũ tội tớ của đế quốc: “Bọn đế quốc Pháp cùng quan tội tớ của chúng là bọn quốc gia cải lương, như Bùi Quang Chiêu, Phạm Quỳnh, Huỳnh Thúc Kháng v. v... cố dùng những lời hứa nọ kia để ru ngủ giai cấp thợ thuyền và quần chúng lao động, dặng chúng nó che đậy cuộc tiến công chống lại giai cấp thợ thuyền”<sup>(1)</sup>.

Đến Hội nghị nhân viên Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương ở hải ngoại và các đại biểu các đảng bộ ở trong nước tháng 6 năm 1934 lại lên án mạnh mẽ hơn:

“Bọn quốc gia cải lương như Bùi Quang Chiêu, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh (Nguyễn An Ninh mới được kể vào đây -VT) v.v... rất là nguy hiểm cho sự phát triển của phong trào cách mạng và bọn này cũng tự nhận là bênh vực quần chúng lao động, đối lập với chính phủ, truyền bá những biện pháp cải lương Pháp - Việt hợp tác, cũng thống nhất các giai cấp v. v... với mục đích duy nhất là đánh lạc hướng quần chúng ra ngoài con đường cách mạng”<sup>(2)</sup>.

Trong Thư ngỏ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi Việt Nam Quốc dân Đảng, các nhóm và phe phái cách mạng, các Hội phản đế... tháng 4-1936 vẫn viết: “Bọn quốc gia cải lương như Bùi Quang Chiêu..., Huỳnh Thúc Kháng và Nguyễn Văn Vĩnh cố vũ không ngớt mồm cho đường lối hợp tác Pháp - Việt, hợp tác giữa các giai cấp xã hội,

(1). Văn kiện Đảng 1930 - 1945, Tập I. Ban NCLSD, XB, 1977, H, tr. 300 và 328.

(2). Văn kiện Đảng 1930 - 1945, Tập I. Ban NCLSD, XB, 1977, H, tr. 431.

*hòng đánh lạc hướng cuộc đấu tranh của quần chúng*<sup>(1)</sup>. Trong Lời kêu gọi nhân ngày 1-5-1936 cũng có đoạn tương tự như vậy.

Nhưng từ năm 1937 trở đi, tức khi đường lối Mặt trận Dân chủ được triển khai thì các văn kiện, nghị quyết các Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (phần đề cập đến những phần tử cải lương, phản động, tồ-rốt-kít. .) đã không nói đến Huỳnh Thúc Kháng nữa.

Đến *Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI*, tháng 11 năm 1939 - Hội nghị được đánh giá cao về sự *chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*, thì Nghị quyết tuy có nhắc đến Huỳnh Thúc Kháng và báo Tiếng Dân nhưng thái độ đã có khác.

Nghị quyết Hội nghị viết:

*"Một vài cơ quan như báo Tiếng Dân ở Trung, báo Ngày Nay ở Bắc, báo Văn Lang ở Nam đều có xu hướng quốc gia cải lương... Báo Tiếng Dân của ông Huỳnh Thúc Kháng đôi khi hô hào cải cách trên mặt báo..."*; đến phần đánh giá đã có phân hóa:

*"Trong xu hướng quốc gia cải lương, có bọn đã trở nên hoàn toàn phản động, làm tay sai cho đế quốc Pháp. Còn phần đông lưng chừng, khiếm nhược, tuy thấy bất bình chính sách áp bức dã man của đế quốc song lại sợ phong trào cách mệnh của quần chúng"*<sup>(2)</sup>. Huỳnh Thúc Kháng đã được xếp vào số *"phần đông bất bình với chính sách áp bức dã man của đế quốc"*...

Chuyển hướng mạnh phải kể từ *Hội nghị Trung ương lần thứ VII*, tháng 11 năm 1940. Phần Nghị quyết nói về các đảng phái, đi sâu phân tích các đảng phái mới, cũ, hoặc bài Pháp

---

(1). *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Tập I. Ban NCLSD.XB, 1977, H, tr. 44.

(2). *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Tập III. Ban NCLSD.XB, 1997, H, tr. 45.

chống Nhật, hoặc thân Pháp thân Nhật, *không còn chút nào đề cập đến “bọn cải lương”, đến Huỳnh Thúc Kháng*. Đồng thời nêu cao chủ trương phát triển “Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương”, thu hút hết thảy các lực lượng phản đế.

Tới *Hội nghị Trung ương lần thứ VIII*, tháng 5 năm 1941, Đảng hoàn toàn không phê phán các xu hướng cải lương, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng nữa. Lí do là:

Một mặt, trước họa phát xít thì không còn xu hướng cải lương, cải cách nào tồn tại và phát triển được nữa. Riêng đối với Huỳnh Thúc Kháng thì thực tế ngày càng chứng minh rõ, cụ là một nhà yêu nước chân thành, mọi sự ve vãn của phát xít Nhật và tay sai đã không làm cụ ngã nghiêng, cụ thể, trong bức thư trả lời Cường Để (người nhân danh Hội trưởng “Việt Nam Quang phục Hội”) mời cụ hợp tác với Nhật (nhờ viên Phó lãnh sự Nhật chuyển giao), cụ đã khéo léo khước từ. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp 9-3-1945, Bảo Đại nhân danh chính quyền (thân Nhật) viết thư mời cụ ra lập Nội các, cụ không những vạch rõ “*Nhật không chút gì thực tâm với ta...*”, lại còn thẳng thắn nói với Bảo Đại: “*Tôi thành thực khuyên ngài thoái vị mà giao quyền cho nhân dân*”<sup>(1)</sup>.

Mặt khác, đường lối xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất của Đảng Cộng sản Đông Dương ngày càng có nhiều sáng tạo, nhất là từ Mặt trận Việt Minh (1941) trở đi.

Từ đây cho đến Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, đặc biệt từ ngày Cụ Hồ mời Cụ Huỳnh ra tham gia công việc Chính phủ (Cụ ra mắt Hội đồng Chính phủ ngày 7-3-1946) thì con đường cứu nước của Cụ Huỳnh đã hợp làm một

---

(1) ....*Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng... Sđd, tr. 28-29.*

với con đường cứu nước vừa vũ trang, vừa cải cách, đổi mới của toàn dân, cùng nhau đoàn kết giữ gìn độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh.

Bước đổi mới này trong sách lược của Đảng đổi mới với trí thức chúng ta Đảng luôn coi trọng *“đổi mới tư duy chính trị”* trong *đoàn kết dân tộc, đoàn kết trí thức*.

Đồng thời đây cũng là một biểu hiện về sự trân trọng *mặt tích cực của các phong trào cải cách, đổi mới đầu thế kỉ thứ XX*.

PHẦN THỨ BA  
**LIÊN HỆ VỚI HIỆN TẠI**

I

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC  
LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG -  
ĐẠI HỘI MỞ ĐẦU CHO THỜI KÌ ĐỔI MỚI**

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, toàn Đảng, toàn dân đã hăng hái thực hiện các Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV, lần thứ V của Đảng và đã giành được những thành tựu quan trọng. Song chúng ta chưa tiến xa được bao nhiêu, trái lại còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm mới.

Trong thời kì kế hoạch hoá 5 năm 1981-1985, chúng ta đã không thực hiện được mục tiêu đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Sai lầm về tổng điều chỉnh *giá-lương-tiền* cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế của đất nước ta đến những khó khăn mới. Nền kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Tình hình đất nước đòi hỏi Đảng phải tích cực chuẩn bị và tiến hành Đại hội VI theo yêu cầu đổi mới mạnh mẽ, xác định đúng mục tiêu và nhiệm vụ của cách mạng trong chặng đường trước mắt, đề ra chủ trương, chính sách để đưa đất nước vượt qua khó khăn, tiến lên phía trước.

Nhằm mục tiêu đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã họp tại Hà Nội từ 15 đến 18 tháng 12 năm 1986.

Tham dự Đại hội có 1. 129 đại biểu thay mặt cho gần 1, 9 triệu đảng viên, trong số đó có 925 đại biểu thuộc 40 tỉnh, thành phố, đặc khu, 172 đại biểu nữ, 115 đại biểu thuộc các dân tộc thiểu số, 50 đại biểu là anh hùng lực lượng vũ trang và anh hùng lao động, 72 đại biểu là công nhân trực tiếp sản xuất. Đến dự Đại hội có 32 đoàn đại biểu quốc tế.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Ủy viên Bộ Chính trị đọc diễn văn khai mạc. Đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng đọc Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Võ Văn Kiệt đọc Báo cáo về Phương hướng, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm (1986-1990)<sup>(1)</sup>.

*Đại hội đã thành công tốt đẹp, ghi một trang sử vẻ vang trong lịch sử dân tộc.*

## **1. Đại hội - một Diên Hồng dựng nước**

Trong hơn 2000 năm lịch sử, dân tộc ta phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm oanh liệt, bảo vệ đất nước, giải phóng dân tộc và các cuộc thay đổi triều đại phong kiến.

Sau mỗi chiến thắng ngoại xâm hay mỗi lần thay đổi triều đại lại có *những trí tuệ mới về xây dựng đất nước*, đưa kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển cao hơn trước. Đó là một trong những nguyên nhân khiến trong cả lịch sử tồn tại và phát triển lâu dài hơn 2000 năm, nhân dân ta chỉ tiến hành có một cuộc cách mạng là Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhưng xã hội vẫn tiếp tục phát triển, tiến lên.

---

(1) *Tạp chí Công sản số 10-1986, tr. 6-7.*

*Thủ đô*, nơi tiêu biểu cho kinh tế, văn hoá của đất nước thì Hoa Lư thay Cổ Loa, Thăng Long thay Hoa Lư...

*Chính sự* thì chủ trương “khoan, giản, an lạc” thời họ Khúc, phát triển lên thành đường lối “*Bồi dưỡng sức dân, khoan sức cho dân*” thời Lý, thời Trần...

*Pháp luật* thì “*Luật Hồng Đức*” phong phú hơn, sáng tạo hơn, thay cho các “*Hình thư*” thời Lý, thời Trần...

*Văn tự* thì chữ Nôm sáng tạo từ thời Trần đã phát triển cao ở thời Hồ, thời Quang Trung, giảm đi vai trò ngự trị của chữ Hán...

Tất cả đều là những biểu hiện đổi mới do yêu cầu của lịch sử và thời đại mang lại. Nhưng phải thấy rằng, tất cả những đổi mới đó đều xuất phát từ *nhãn quan, trí tuệ* của giai cấp thống trị, đều trước hết và trên hết vì lợi ích của giai cấp thống trị.

Không phải ngẫu nhiên khi bàn đến “*giữ nước*”, triều đình lại cần tới trí tuệ của các Hội nghị: “Bình Than”, “Diên Hồng”. Bởi vì một mình giai cấp thống trị không thể đuổi hết được quân thù ra ngoài bờ cõi, mà phải có toàn dân hiến kế, lập công tiêu diệt kẻ thù. Nhưng còn trong “*dựng nước*” thì quyền lợi giai cấp, mâu thuẫn giai cấp đã khiến giai cấp thống trị không muốn và cũng không cần hỏi đến dân. Cho nên, lịch sử cho thấy, trong “*dựng nước*” dầu có khó khăn đến mấy, cũng chưa bao giờ xuất hiện một “*Diên Hồng dựng nước*”.

Ngày nay Đảng ta, từ khi ra đời lãnh đạo cách mạng không chỉ “cho dân biết” mà còn “cùng với dân bàn, dân làm...” trong cả sản xuất và chiến đấu.

Không chỉ trong “giữ nước” mà còn cả trong “dựng nước”, chúng ta đều kế thừa và phát huy tinh thần yêu nước của “Bình Than”, “Diên Hồng” lịch sử.

Đường lối Mặt trận dân tộc thống nhất trong các giai đoạn lịch sử chính là nhằm đoàn kết toàn dân để đẩy mạnh sản xuất và chiến đấu. Các Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua cũng đều nhằm động viên, cổ vũ quần chúng cách mạng, dẫn đầu là các anh hùng, chiến sĩ, bàn bạc và thực hiện các kế hoạch dựng nước và giữ nước.

Nêu cao tinh thần đó, các Đại hội lần thứ IV, lần thứ V của Đảng đã đưa ra lấy ý kiến của toàn Đảng, toàn dân đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Tới đại hội VI của Đảng, việc lấy ý kiến toàn dân xây dựng Đảng được mở rộng và đưa đến hiệu quả lớn lao chưa từng có, xứng đáng được coi như một “*Diên Hồng dựng nước*”.

Nó xuất phát từ sự “*đổi mới tư duy*” đã được coi trọng ngay từ trong quá trình chuẩn bị Đại hội. Biểu hiện tập trung là ở lời phát biểu của đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước Hội nghị đặc biệt của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc ngày 24 tháng 9 năm 1986:

*“Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chân lí đó không chỉ đúng trong trường hợp nhân dân ta là người thực hiện những chủ trương và nhiệm vụ do Đảng đề ra, mà đúng cả trong trường hợp với tư cách là người làm chủ đất nước, nhân dân ta cần phải và hoàn toàn có khả năng tham gia ý kiến ngay trong quá trình xác định những chủ trương và nhiệm vụ đó.*”



*Nhận thức sâu sắc điều đó, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức việc tham khảo ý kiến rộng rãi của toàn Đảng, của các đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội và của toàn thể nhân dân ta đóng góp vào việc xây dựng và hoàn chỉnh bản Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI<sup>(1)</sup>.*

Từ đó việc tự phê bình và phê bình của Đảng đã kết hợp chặt chẽ với việc lấy ý kiến rộng rãi của đảng viên, quần chúng, tạo thành *một phong trào sáng tạo lí luận, đổi mới tư duy* của Đảng, của dân – một cao trào có tính chất một *"Diễn Hồng dựng nước"* trong thời đại mới.

Không những nhân dân ta trong cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài, mà cả bạn bè, anh em xa, gần (cả một tập thể rộng lớn vừa có tầm sâu của tư duy dân tộc, vừa có tầm cao của tinh thần thời đại), đã có ý kiến đóng góp hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp với Đại hội.

Theo số liệu bước đầu thu được thì trong vòng gần 4 tháng, từ cuối tháng 8 năm 1986 đến khi họp Đại hội VI, (tháng 12 năm 1986) đã có 2. 500. 000 ý kiến của đảng viên, quần chúng đóng góp với Đại hội”.

Tất cả đã góp phần đưa đến một sự chuyển biến có ý nghĩa lịch sử, cả về nhận thức lẫn trong hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân.

Có nhiên đây mới là chuyển biến bước đầu, nhưng là bước chuyển biến vô cùng quan trọng. Nó đưa đến sự đổi mới cách nghĩ, cách làm, cách tiếp cận chân lí với phương châm mới là *“Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. .”*

---

(1), (2). *Tạp chí Cộng sản* số 10-1986, tr. 6-7.

## 2. Đại hội thành công về đổi mới tư duy

*Đổi mới tư duy* là biện chứng phát triển của tư tưởng con người: Cái mới luôn phủ định có kế thừa cái cũ, nhưng được nâng lên một trình độ cao hơn – nhất là về tư duy khoa học, tư tưởng chính trị. Một khi thực tế khách quan của xã hội thay đổi, phát triển, thì tư duy của con người cũng phải phát triển, thay đổi kịp thời để hướng dẫn hành động. Sớm dự báo được tình hình, kịp thời đổi mới được tư duy, đáp ứng được yêu cầu khách quan thì hành động thường là có hiệu quả.

Nếu không thấy được yêu cầu mới để kịp thời *đổi mới tư duy* - nếu bảo thủ trong suy nghĩ, trì trệ trong hành động – thì sẽ kìm hãm sự phát triển xã hội, thậm chí có khi dẫn đến khủng hoảng xã hội.

Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta diễn ra trong những năm đầu thập kỉ 80 cũng phần nào trong tình hình như thế. Lúc đó chúng ta đã duy trì trong một thời gian dài tình trạng bao cấp (một việc làm cần thiết trong thời chiến). Bao cấp nặng nề và kéo dài dẫn đến quan liêu trong quản lí, đưa kinh tế - xã hội tiến gần đến bờ vực thẳm.

Đại hội lần thứ VI của Đảng là một Đại hội thường kì, nhưng trọng tâm là phải giải quyết cho kì được tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đại hội “*khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng. Theo tinh thần cách mạng và khoa học*”<sup>(1)</sup>, trước hết là phải *đổi mới tư duy* để dẫn tới đổi mới hành động. *Đổi mới tư duy*, có thể khái quát trong 4 điểm:

---

(1). “*Các đại hội Đảng ta*”, ST, H, 1987, tr. 112, 114, 115, 116.

- Không thể chủ quan, duy ý chí, “đốt cháy giai đoạn” trong việc tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà phải trải qua nhiều nấc thang của thời kì quá độ.

- Không “ưu tiên phát triển công nghiệp nặng...” mà phải coi trọng “ổn định đời sống nhân dân”, lấy “nông nghiệp là mặt trận hàng đầu”...

- Coi trọng phát triển lực lượng sản xuất, áp dụng kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường.

- Kết hợp tự lực cánh sinh với tham gia tích cực vào thị trường quốc tế và thu hút đầu tư quốc tế...

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trước Đại hội đã vạch rõ: “Tình hình kinh tế - xã hội đang có những khó khăn gay gắt; sản xuất tăng chậm, hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp, phân phối lưu thông có nhiều rối ren; những mất cân đối lớn trong nền kinh tế chậm được củng cố; đời sống nhân dân lao động còn nhiều khó khăn; hiện tượng tiêu cực xảy ra ở nhiều nơi và có nơi nghiêm trọng. Nhìn chung, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu tổng quát do Đại hội lần thứ V đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế-xã hội, ổn định đời sống nhân dân”<sup>(1)</sup>.

Tuy không đánh giá thấp những nguyên nhân khách quan nhưng Đại hội đã nghiêm khắc nêu ra nguyên nhân chủ quan là do những sai lầm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo, quản lí của Đảng và Nhà nước. Báo cáo nhấn mạnh: “Đó là những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện”<sup>(2)</sup>. Cụ thể, đó là những sai lầm về chính sách kinh tế, là bệnh chủ quan, duy ý

---

(1), (2). “Các Đại hội Đảng ta”. ST, H, 1987, tr. 112, 114, 115, 116.

chí, lối suy nghĩ và bệnh hành động giản đơn, nóng vội; là khuynh hướng buông lỏng quản lí kinh tế, xã hội, không chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và nguyên tắc của Đảng. Trên cơ sở thực tiễn của 10 năm cách mạng kể từ ngày đất nước được thống nhất, Đại hội đã nêu ra 4 bài học kinh nghiệm:

- *Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.*

- *Phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo qui luật khách quan.*

- *Phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.*

- *Phải chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền, lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa<sup>(1)</sup>.*

Đại hội đã giao cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI chỉ đạo việc thực hiện thành công những nhiệm vụ đề ra trong Báo cáo Chính trị, mà 2 điều quan trọng hàng đầu là:

- *Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.*

- *Thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách thường xuyên với những hình thức và bước đi thích hợp làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất...<sup>(2)</sup>.*

---

(1) . “Các Đại hội Đảng ta” ST. H. 1987, tr. 112, 114, 115, 116.

(2) . “Các Đại hội Đảng ta” ST. H. 1987, tr. 112, 114, 115, 116.

*Đổi mới tư duy* đã tác động tích cực đến đổi mới hành động, đem lại những thành công to lớn, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội - điều mà các Đại hội Đảng sau đã thừa nhận.

### 3. Đại hội - sự bàn giao thế hệ

Qua mỗi giai đoạn lịch sử, sự bàn giao nhiệm vụ cách mạng từ thế hệ này cho đến thế hệ khác là một tất yếu lịch sử.

Trong cách mạng Việt Nam hơn 100 năm qua, việc bàn giao giữa các thế hệ diễn ra rất phong phú, sinh động, để lại nhiều bài học lịch sử quý báu:

Thế hệ các nhà Văn thân, Cần Vương chống Pháp, tiêu biểu là Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, tuy có cố gắng vươn lên, nhưng cũng không tiến tới kịp được với cách mạng tư sản dân chủ, đã phải chuyển cờ cho thế hệ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh – những người bắt đầu giương cao ngọn cờ dân chủ tư sản đầu thế kỉ thứ XX.

Nhưng rồi Phan Bội Châu – “Ông già bến Ngự”, lúc tàn canh của cuộc đời cũng vẫn còn tự than rằng: *“Tôi có tội với dân, với nước, vì cả cuộc đời bôn ba hải ngoại mà không cứu được dân, được nước”*. Tuy vậy, sự bàn giao thế hệ lần này của các cụ đã có khác với Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám. Sinh thời của các cụ đã có thế hệ thanh niên mới thay thế được một cách đặc lực, như Nguyễn Tất Thành cùng các chiến sĩ cách mạng vô sản đầu tiên.

Thế hệ này kế thừa được một cách xuất sắc thế hệ đã qua. Câu chuyện huyền thoại của nhân dân Nghệ An về “*bò Đái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh*” đã có người cho rằng, “*thánh đó là Phan Bội Châu*”. Nhưng chính cụ Phan lại

không đồng tình và nói rằng: “Thánh” đó chính là Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc sau này).

Và thực sự thì thế hệ những thanh niên đi tìm đường cứu nước gặp ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga như Nguyễn Ái Quốc, đã tiếp nhận được sự bàn giao thế hệ một cách xuất sắc. Đó là sự kế thừa thực hiện không chỉ nhiệm vụ dân tộc, dân chủ tư sản mà các nhà tiền bối Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học chưa thực hiện được, mà còn đưa đất nước từng bước tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến việc bàn giao thế hệ từ lãnh tụ Hồ Chí Minh cho thế hệ kế tiếp thì đã có sự chủ động, tự giác hơn. Các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh... học trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhận lãnh sứ mệnh cầm cờ nối tiếp theo Người, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội VI của Đảng lại là sự chuyển giao nhiệm vụ cách mạng chủ yếu cho thế hệ trưởng thành lên từ sau Cách mạng tháng Tám. Truyền thống quý báu về chuyển giao thế hệ được biểu hiện cụ thể trong Đại hội:

Trong tổng số 173 đồng chí trúng cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI (124 Ủy viên chính thức, 49 Ủy viên dự khuyết) có 92 đồng chí được bầu lại và 81 đồng chí mới được bầu khoá này. Tuổi bình quân của Ủy viên Trung ương Đảng khoá này là 56, 1. Có 116 đồng chí ở tuổi từ 40 đến 59 (67%), 59 đồng chí ở tuổi 60 trở lên (32, 3%), một đồng chí dưới tuổi 40.

Về tuổi Đảng, 21 đồng chí vào Đảng trước năm 1945 (12, 1%), 142 đồng chí vào Đảng từ 1945 đến 1965 (82%), 10 đồng

chí vào Đảng từ 1965 đến 1969 (59%)<sup>(1)</sup>. Chính trong Đại hội này, sự chủ động xin rút khỏi Ban Chấp hành Trung ương Đảng của ba đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ là biểu hiện sự bàn giao thế hệ một cách đẹp đẽ trong tình hình mới.

Cử chỉ cao cả đó đã được toàn Đảng, toàn dân ta quý trọng và được cả phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đánh giá cao. Như đồng chí Hi-i-ô-nu Mu-ra-ca-ni, Phó Chủ tịch Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Nhật Bản, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản sang dự Đại hội lần thứ VI của Đảng ta đã phát biểu: “*Thái độ yêu mến của tôi trước hết là... đối với đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Lê Đức Thọ, các đồng chí tuyên bố không ra ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương mới và không khí đoàn kết của tất cả các đại biểu Đại hội, một lần nữa làm tôi thấm thía sâu sắc là chỉ có thể có được ở Đảng này, dân tộc này đã từng vượt qua thử thách*”<sup>(2)</sup>.

Thế hệ trước đã chuẩn bị mọi điều kiện cho thế hệ sau và giao trách nhiệm cho thế hệ sau kế tiếp. Thế hệ sau lại tiếp tục nắm vững ngọn cờ của Đảng tiên lên xứng đáng với truyền thống vinh quang của Đảng, của dân tộc mà thời đại đã giao phó. Diễn văn bế mạc Đại hội của đồng chí Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đã nhấn mạnh:

*“Đại hội lần thứ VI của Đảng đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức...”*

---

(1) Nhân dân, 21-12-1986, tr.4.

(2) Nhân dân, 12-1-1987, tr.4.

*Thành công của Đại hội là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân*<sup>(1)</sup>.

Đó là một trong những tiền đề quan trọng đưa đến những thắng lợi mới từ sau Đại hội.

#### **4. Đại hội - mở đầu cho một nấc thang mới của thời kì quá độ**

Cho đến nay, nhân dân ta, bạn bè, anh em ta đều đánh giá cao thành công của Đại hội VI. Nó đánh dấu một bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng *tiến lên một nấc thang mới, cao hơn, trong thời kì quá độ*.

Lênin khi nói về các nấc thang của thời kì quá độ đã từng chỉ rõ: “Nếu phân tích tình hình chính trị hiện nay, chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở vào một thời kì quá độ trong thời kì quá độ. Toàn bộ nền chuyên chính vô sản là một thời kì quá độ. Toàn bộ nền chuyên chính vô sản là một loạt thời kì quá độ mới”<sup>(2)</sup>.

Ở mỗi nấc thang của cả thời kì quá độ, các đảng cách mạng của giai cấp công nhân phải tập trung giải quyết một số khâu cần thiết để chuyển lên những nấc thang mới cao hơn.

Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đã cho thấy, phong trào đã chịu rất nhiều tổn thất vì *sai lầm đột chấy giai đoạn*, bỏ qua những nấc thang cần thiết, “nhảy

---

(1) *Xã luận Nhân dân* 19-12-1986.

(2) V. I. Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt. Nxb, Tiến Bộ Mát-sco-va 1971, tập 42, tr. 226.



vọt” lên những nấc thang cao hơn khi mà nhiệm vụ của nấc thang trước chưa hoàn thành.

Ở Việt Nam ta, trong khi chúng ta còn phải thực hiện những bước cơ bản mà Các Mác đã nói: Con người ta sinh ra, trước hết cần ăn, mặc, ở, học hành, đi lại đã... rồi mới có điều kiện để sáng tạo mọi thứ khác... , thì chúng ta lại muốn: “*Tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội!*” ngay từ sau Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960.

Chúng ta không phải là xây dựng chủ nghĩa xã hội không tưởng, cũng không phải nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội khổ hạnh mà là xây dựng chủ nghĩa xã hội văn minh. Trước hết là phải bảo đảm cho mọi người ăn no, mặc ấm, ở đủ, giao thông đi lại thuận tiện và được học hành... Những yêu cầu đó, Đảng và Nhà nước ta đã và vẫn chăm lo, nhưng tình hình khách quan và thiếu sót chủ quan kể trên khiến chúng ta chưa thực hiện được một cách đầy đủ. Đại hội Đảng lần này vừa chăm lo xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, vừa chăm lo bảo đảm các điều kiện sinh hoạt cho nhân dân, vừa xây dựng nền quốc phòng toàn dân theo qui luật kết hợp chặt chẽ giữa “giữ nước” với “đựng nước”. Có thực hiện được nấc thang cần thiết này mới có điều kiện để chuyển lên nấc thang mới cao hơn trong thời kì quá độ.

Tất nhiên, những nấc thang nhất định của thời kì quá độ không chỉ phụ thuộc vào ý muốn chủ quan mà còn chịu tác động của các yếu tố khách quan, không chỉ phụ thuộc vào điều kiện nội tại của dân tộc mà chịu ảnh hưởng của tình hình quốc tế. Do đó, nói “nấc thang” ở đây, chúng ta vừa phải lấy mức phát triển của sức sản xuất và trình độ hoàn thiện của quan hệ sản xuất của đất nước làm cơ sở, vừa phải thấy sự hỗ trợ quốc tế và sự cần thiết phải đóng góp

của chúng ta vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế... mà đánh giá.

Đại hội VI của Đảng đã *“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật...”* đã đưa ra được đường lối cách mạng đúng đắn, bầu ra được ban lãnh đạo mới – mà theo yêu cầu lịch sử, thì đó là những người giải quyết được những nhiệm vụ nhất định của nấc thang trước mắt trong thời kì quá độ. Thành công của Đại hội sẽ được thực tế chứng minh.

Lịch sử cách mạng Việt Nam 20 năm qua (1986-2006) đã cho thấy, *Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam - một “Diên Hồng dựng nước”. Một tư duy đổi mới. Một bàn giao thế hệ. Một nấc thang mới của thời kì quá độ... là đúng đắn, sáng tạo và thành công.*

\*

\* \*

Đến nay, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng mở đầu cho sự nghiệp đổi mới, đã được thực hiện qua 20 năm và đã thu được những thành quả lớn lao. Nhưng biện chứng của lịch sử là, trong bất cứ một thắng lợi cách mạng nào cũng còn có những tồn tại phải tiếp tục giải quyết, những khó khăn mới nảy sinh phải kiên quyết khắc phục. Sự nghiệp đổi mới của chúng ta ngày nay cũng vậy. Đảng ta luôn luôn cảnh giác và chủ động phát hiện ra những yếu kém, thậm chí những nguy cơ để tìm phương hướng khắc phục.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì khoá VII tháng 1 năm 1994 đã nhận thức rõ: *“Trước mắt nhân dân ta là những thách thức lớn và những cơ hội lớn”*... Riêng về những thách thức lớn, Hội nghị chỉ rõ:

*“Những thách thức là:*

1. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt.

2. Nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện.

3. Nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu.

4. Nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau<sup>(1)</sup>.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (lần 2), tháng 1-1999 lại ra Nghị quyết “Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”, trong đó đề cập đến yêu cầu “... củng cố và đổi mới bộ máy của Đảng và Nhà nước”.

Kinh nghiệm lịch sử và thực tiễn xã hội hiện nay cho thấy, trong khi tồn tại “nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự quản lí của Nhà nước”, chúng ta cần phải quan tâm tới sự đổi mới của cơ cấu xã hội để có những thiết chế xã hội thích hợp nhằm lành mạnh tổ chức của Đảng và cơ chế của Nhà nước (như chúng tôi đã kiến nghị)<sup>(2)</sup> để tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” mà Đảng đề ra vẫn là một yêu cầu cách

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: “Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì khoá VII”, tháng 1-1994, tr. 25.

(2) Tạp chí Cộng sản số 12 (tháng 6-1999), tr. 23. A.

*mạng* mà toàn Đảng, toàn dân ta cần phấn đấu để đạt tới trong nấc thang trước mắt của thời kì quá độ.

## II

### MẤY VẤN ĐỀ HIỆN THỰC VỀ CÔNG NHÂN - NÔNG DÂN-TRÍ THỨC-VĂN HOÁ-NHÀ NƯỚC

#### 1. Công nhân ta trong đổi mới

Nói đến xây dựng giai cấp công nhân, chúng ta thường nói đến nâng cao số lượng, chất lượng, đến vị trí xã hội và vai trò chính trị, điều đó rất cần. Nhưng cũng cần quan tâm nhiều đến việc *nâng cao văn hoá, tư tưởng*.

Bởi vì trong phạm trù “*chủ thể*” của xã hội hiện đại, công nhân cũng phải là chủ thể của văn hoá dân tộc và văn minh thời đại nữa mà *đỉnh cao của văn hoá là trình độ tư duy*. Vì vậy trong đổi mới, *trước* hết phải nói đến *đổi mới tư duy*.

Cái mới nhất về công nhân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng là “*đổi mới tư duy lí luận về công nhân và giai cấp công nhân*” tức “*đổi mới nhận thức về bản thân mình*”.

Đó là:

1. 1. *Xây dựng và phát triển giai cấp công nhân trên cái nền “dân tộc”: “lợi ích của giai cấp đặt trong lợi ích của dân tộc”.*

Điều này chẳng phải là chúng ta sáng tạo ra khác lí luận Mác, vì trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác cũng đã nói: Công nhân phải “*tự mình trở thành dân tộc*”.

Vấn đề là ở chỗ, trước đây, do phải đấu tranh chống đế

quốc, giải phóng dân tộc, nên khi nghiên cứu lí luận, chúng ta nặng về giai cấp (tự nó, vì nó)..., đấu tranh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản vv... Điều đó là vô cùng cần thiết đối với công nhân Việt Nam và cách mạng Việt Nam. Nó đã đưa lại nhiều thành quả trong đấu tranh giải phóng dân tộc.

Nay trong xây dựng đất nước, chúng ta lại thấy cần khai thác những *truyền thống về xây dựng đất nước*, nhất là *truyền thống công nghệ, tay nghề chuyên môn, kĩ năng kĩ xảo, lao động chuyên cần, siêng năng, tiết kiệm...* của công nhân và lao động tiểu thủ công nghiệp Việt Nam.

Thực tế, nói giai cấp công nhân hiện đại Việt Nam thì phải nói đến cuối thế kỉ XIX mới ra đời là giai cấp “tự nó”. Rồi sang thế kỉ, XX mới thành “giai cấp vì nó”. Nhưng nói người làm công ăn lương trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thì lịch sử Việt Nam thế kỉ XIII, XIV trở đi đã có những người làm công ăn lương. Đó là những “cố công nhân”, “cố hạng”, “đình phu”, “khoáng phu”... và đã có những *nghệ nhân* làm ở các cục Bách tác của nhà nước, ở các phường thủ công về kĩ nghệ vàng bạc, da giày, dệt, nhuộm, gốm sứ, thêu đan, mây tre, chạm khắc, sơn mài... Ở họ, đi đôi với truyền thống lao động kĩ thuật trên là *truyền thống văn hoá tinh thần* khá đậm đặc. Đó là tinh thần “yêu nước, đoàn kết, tương trợ, hợp tác, sáng tạo công nghệ, xây dựng đô thị, thị tứ, gìn giữ cảnh quan môi trường sinh thái”... Những truyền thống này, trong đổi mới ngày nay lại đang cần được kế thừa và phát huy.

Và đặc biệt là lúc này mọi người phải đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, lợi ích giai cấp của công nhân phải nằm trong lợi ích dân tộc. Cụ thể là phải làm sao cho “dân giàu nước

mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” mới tiến tới giải phóng các giai cấp cần lao được.

1. 2. *Nhận thức rõ vị trí, vai trò của giai cấp công nhân trong cả quan hệ sản xuất lẫn trong lực lượng sản xuất.*

Trước đây khi nói về vị trí và vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam, chúng ta thường nặng nhấn mạnh về vị trí và vai trò trong *quan hệ sản xuất xã hội*. Cụ thể như nói về đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam thì:

1. Bị ba tầng áp bức bóc lột: đế quốc, phong kiến, tư sản.
2. Bị tư bản bóc lột thặng dư giá trị.
3. Lao động và sinh sống tập trung nên sớm có ý thức cộng đồng và sớm giác ngộ giai cấp và đấu tranh giai cấp vv...

Còn về vị trí, vai trò trong *lực lượng sản xuất xã hội* thì, do lao động trong chế độ thuộc địa nửa phong kiến, sức sản xuất của công nhân chỉ là làm giàu cho tư bản đế quốc nên không cần chú ý tới giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Đó mới là “cần nhưng chưa đủ”. Bởi vì bất cứ ở thời đại nào cũng vậy, sản xuất của công nhân vẫn có tác dụng phục vụ xã hội. Công nhân công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp thời phong kiến tuy phải phục vụ vua chúa và giai cấp địa chủ nhưng phần đông cũng là vì cuộc sống của nhân dân. Công nhân thời kì thực dân thống trị như công nhân công chính, điện, nước... tuy chủ yếu là phục vụ thực dân và tay sai nhưng cũng góp phần phát triển giao thông của đất nước và duy trì cuộc sống của thị dân... Còn công nhân ở các xí nghiệp tư doanh cũng như các xưởng tiểu, thủ công nghiệp Việt Nam khá đông cũng là phục vụ xã hội như mọi lao động khác...

Ngày nay, chúng ta *giữ tổ* các nghề giầy da, nghề đúc đồng, nghề rèn, nghề mộc... đâu phải là vì các vị đó là Tiến

sĩ, như Nguyễn Thời Trung tổ nghề da giày... mà là vì lao động công nghệ do các vị đó mang lại. Hay nay sử sách ca ngợi công nhân ở hãng sơn Nguyễn Sơn Hà, công nhân các xí nghiệp dệt kim Cự Doanh, Cự Chân... cũng là nêu lên truyền thống công nghệ trong lực lượng sản xuất mà không câu nệ gì về quan hệ sản xuất “bóc lột và bị bóc lột” lúc đó.

### 1. 3. *Đổi mới tư duy về xây dựng và phát huy dân chủ.*

*Dân chủ bao giờ cũng là mục tiêu phấn đấu của văn hóa,*

Trước đây, trong đấu tranh chống đế quốc, phong kiến, tư sản thực dân thì đấu tranh dân chủ của công nhân ta là chống áp bức, bóc lột, giành quyền làm chủ: làm chủ đất nước, làm chủ tư liệu sản xuất và tài nguyên thiên nhiên, làm chủ bản thân mình. Nay công nhân đã là người chủ của đất nước thì dân chủ phải nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”. Nó mặc nhiên khẳng định quyền “dân chủ” là *cho phép công nhân có tư hữu.*

Trở lại lịch sử, trước đây công nhân là “vô sản”, đúng như Mác đã nói, họ là những người bị tước hết tư liệu sản xuất, chỉ còn lại có sức lao động để bán, mà sức lao động đó lại có đặc trưng là sản xuất ra thặng dư giá trị làm giàu cho nhà tư bản. Còn nay, công nhân không còn là người vô sản nữa mà là người hữu sản. Không chỉ vì họ là người có Nhà nước của mình đại diện làm chủ đất nước, làm chủ của cải thiên nhiên và tư liệu sản xuất của toàn xã hội, mà số công nhân có tay nghề, có tri thức là họ có “sở hữu trí tuệ”. Sở hữu trí tuệ cho phép họ làm ra của cải vật chất không phải là từ bóc lột mà từ tay nghề mà ra. Công nhân đã có tư hữu lại được Nhà nước hô hào mua cổ phần của các xí nghiệp để được thực sự làm chủ. Đó là cái mới nhất của dân chủ.

Điều thứ hai nữa của dân chủ là trước kia đấu tranh dân chủ là đấu tranh chống bóc lột giá trị thặng dư của chủ nghĩa tư bản. Nay do phát triển của sức sản xuất, khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp nên giá trị thặng dư trong lao động do công nhân sản xuất ra ngày càng nhiều; tỉ suất giá trị thặng dư tăng lên không phải là hàng trăm phần trăm mà là hàng nghìn phần trăm.

Nhưng sự phân phối giá trị thặng dư thông qua lợi nhuận thì ngày nay phải được xem xét theo con mắt “đổi mới”: Sản xuất xã hội nay đã có tính toàn cầu thì sự phân phối của nền sản xuất đó cũng có tính toàn cầu, bắt nguồn từ tính “xã hội hoá” rất cao của nền sản xuất hiện đại. Do đó, sự phân phối giá trị thặng dư thông qua lợi nhuận cũng là có tính toàn cầu, mà ở mỗi nước đều do pháp luật nước đó qui định phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và lợi ích của nhân dân nước đó.

Về xuất phát điểm lí luận này, ngay từ thời Mác, C. Mác cũng đã phân tích là sự hưởng thụ giá trị thặng dư thời tư bản chủ nghĩa không thuộc chỉ một nhà tư bản nào mà là có sự chia sẻ giữa các nhà tư bản.

Trong “Tư bản luận”, Mác viết: “Nhà tư bản sản xuất ra giá trị thặng dư, nghĩa là trực tiếp bóc lột lao động không công của công nhân và đem cố định nó vào hàng hoá, chính là người đầu tiên chiếm lấy giá trị thặng dư, nhưng tuyệt nhiên không phải là người cuối cùng sở hữu giá trị thặng dư ấy. Sau đó họ phải chia sẻ giá trị thặng dư ấy với những nhà tư bản thực hiện những chức năng khác nhau trong toàn bộ nền sản xuất xã hội, với kẻ sở hữu ruộng đất v. v... Như vậy,



*giá trị thặng dư được phân chia ra nhiều phần khác nhau. Những phần đó rơi vào tay nhiều hạng người khác nhau và mang những hình thức khác nhau, độc lập với nhau như lợi nhuận, lợi tức, lợi nhuận thương nghiệp, địa tô v.v..."<sup>(1)</sup>*

Ngày nay, giá trị thặng dư do công nhân ta sản xuất ra được phân phối như thế nào là đều vì lợi ích của dân tộc ta, lợi ích của giai cấp công nhân ta, do Nhà nước ta chế định thành pháp luật, buộc tất cả những ai, cả nhân dân trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam phải thi hành.

Vậy công nhân có đấu tranh dân chủ trong lãnh vực này không?

Có đấu tranh nếu trong xí nghiệp tư doanh hay liên doanh mà chủ nhân phân chia sản phẩm lao động do thặng dư giá trị của công nhân sản xuất ra sai với pháp luật của Nhà nước Việt Nam qui định. Còn nếu việc phân phối sản phẩm do giá trị thặng dư đem lại theo đúng pháp luật Nhà nước qui định thì mặc nhiên điều đó được coi là hợp lí, không cần đấu tranh chống bóc lột. (Còn đấu tranh chống ngược đãi, hành hạ công nhân thì vẫn cần). Không phải dân chủ là đấu tranh chống hưởng thụ thặng dư giá trị do công nhân sản xuất ra trong bất kể tình hình nào. Ngay chính Mác cũng chỉ phát hiện ra giá trị thặng dư và đề xuất việc chống bóc lột giá trị thặng dư theo phương thức tư bản chủ nghĩa, chứ không chỉ đạo tiêu diệt sự hưởng thụ giá trị thặng dư trong bất kể tình hình nào. Công nhân có cổ phần trong xí

---

(1) C. Mác: Tư bản, tập thứ nhất Quyển I, phần 2, NXB Tiến bộ Mát-scơ-va, NXB Sự thật Hà Nội, 1984, trang 78-79.

nghiệp, cũng được chia phần giá trị thặng dư của xí nghiệp một cách hợp lý theo qui định của pháp luật. Vì vậy, công nhân mua cổ phần xí nghiệp là thực thi quyền dân chủ của mình một cách có hiệu lực. Mặc dầu tiến trình cổ phần hoá các xí nghiệp của ta còn đang gặp nhiều khó khăn.

1. 4. *Đổi mới tư duy trong xây dựng cơ cấu kinh tế và lao động công hiện.*

*Cụ thể là lao động ở khu vực kinh tế nào: Nhà nước, tư doanh, liên doanh... đều là thực hiện quyền làm chủ.*

Ngày nay trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, kinh tế quốc doanh được coi là chủ đạo. Điều đó cần và đúng. Nhưng quốc doanh chỉ đóng được vai trò chủ đạo khi làm ăn phát đạt, không thua lỗ, thâm hụt của Nhà nước. Bởi vì trong sản xuất, quyền dân chủ chỉ được thực thi trọn vẹn khi sản xuất được phát triển, đời sống công nhân được cải thiện, xí nghiệp góp phần làm cho kinh tế của dân tộc được dồi dào, sao cho “dân được giàu, nước được mạnh”.

Với mục tiêu đó thì lao động ở khu vực kinh tế nào mà thực hiện được như vậy đều là thực hiện quyền dân chủ. Đây mới là thực hiện theo “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Vì mục đích của chúng ta là xây dựng “chủ nghĩa xã hội văn minh” chứ không phải là “chủ nghĩa xã hội khổ hạnh”. Phải thoát ra khỏi cái nghèo nàn, lạc hậu đã, rồi mới nói đến chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, nạn thất nghiệp của công nhân vẫn còn đáng kể, lao động ở nông thôn dôi dư ra vẫn là điều cần giải quyết.

Vậy nếu cứ để cho những xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ, để cho những con người mượn danh Nhà nước đục khoét Nhà nước, để cho một số dựa vào chức quyền tham ô, những lạm thì quốc khổ của chúng ta như cái thùng không

đáy, sao mà lên chủ nghĩa xã hội được. Công nhân phải đấu tranh chống lại những tệ lậu trên mới là làm chủ.

1. 5. *Nhận thức rõ cái mới trong công nhân là trí thức hoá công nhân và công nhân hoá trí thức.*

Điều này đang trở thành hiện thực do tính chất tất yếu khách quan của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy trình độ văn hoá của công nhân ta nói chung còn là chưa cao, nhưng cũng không còn như hồi thực dân nửa phong kiến nữa. Số công nhân mù chữ có thể còn, nhưng không đáng kể. Phổ biến là công nhân có trình độ phổ thông và đã có một số lượng khá có trình độ đại học, một số ít là Thạc sĩ, Phó Tiến sĩ... Nhưng xu hướng nói chung của xã hội hiện nay là đã coi tất cả trí thức (trừ những người phản lại quyền lợi dân tộc) đều thuộc về giai cấp công nhân. Điều đó là hợp lí vì xưa kia, khi nhân dân ta còn chưa có quyền làm chủ, thì trí thức còn là một tầng lớp mà lợi ích và chính trị phụ thuộc vào các giai cấp mà họ xuất thân hay phục vụ. Còn nay, trí thức đã làm chủ đất nước và hầu hết là *làm công ăn lương* đầu cho Nhà nước hay cho xã hội. *Cả sản phẩm tinh thần và vật chất do họ sản xuất ra đều là để cống hiến cho xã hội, phục vụ xã hội* không khác gì công nhân. Hơn nữa, một khi khoa học - kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì sản phẩm lao động của trí thức gộp lại làm một với sản phẩm lao động của công nhân sẽ là chiếm đại đa số trong tổng sản phẩm xã hội và do đó giai cấp công nhân sẽ giữ được vị trí chủ đạo một cách vững vàng trong phát triển xã hội.

Như vậy, một khi công nhân được trí thức hoá và toàn bộ trí thức đã trở thành một bộ phận của giai cấp công nhân thì *vị trí của công nhân sẽ được nâng cao lên gấp bội và vai trò*

*lãnh đạo xã hội của giai cấp công nhân thông qua Đảng tiên phong của mình được đảm bảo.*

## **2. “Dân chủ và kỉ cương”, “ổn định và phát triển” trong đổi mới nông thôn**

Trong xây dựng xã hội mới hiện nay, chúng ta đã quan tâm nhiều đến “*dân chủ và tập trung*” nhưng còn coi nhẹ “*dân chủ và kỉ cương*” mà thực tiễn cách mạng đang yêu cầu thực hiện một cách nghiêm ngặt. Phạm trù “*dân chủ và tập trung*” đang cùng với phạm trù “*ổn định và phát triển*” như hai mắt xích không thể tách nhau được trong sợi dây chuyền nhận thức về quá trình phát triển của lịch sử xã hội hiện đại.

Thực ra phạm trù “*dân chủ và kỉ cương*” không phải là mới có. Nó xuất hiện trong tất cả các thể chế dân chủ từng tồn tại trong lịch sử.

Từ “*dân chủ công xã*” khi chuyển từ xã hội không giai cấp sang xã hội có giai cấp; đến “*dân chủ của chủ nô và dân tự do*” trong xã hội chiếm hữu nô lệ; đến “*dân chủ công xã nông thôn*” trong thời đại phong kiến; đến “*dân chủ tư sản*” trong thời hiện đại; đến “*dân chủ xã hội chủ nghĩa*”, hiện nay. Không có một nền “*dân chủ*” nào không đi đôi với “*kỉ cương*”.

“*Dân chủ*” không có “*kỉ cương*” sẽ không thể trở thành hiện thực.

Trong “*dân chủ công xã*”, mọi thành viên trong công xã đều phải chọn ra một thủ lĩnh, rồi Hội đồng thủ lĩnh, định ra các phép tắc để giữ “*kỉ cương*” trong cộng đồng công xã.

Trong “*dân chủ của chủ nô và dân tự do*” của xã hội chiếm hữu nô lệ, những đạo luật của Nhà nước chủ nô chính là đã qui định “*kỉ cương*” cho xã hội đó tồn tại và phát triển.

“Dân chủ của công xã nông thôn” thời phong kiến đã đi đôi với các “Hương ước”, “Khoán ước” làng xã, tức “kỉ cương” phù hợp với nó, mà đến pháp luật của Nhà nước phong kiến như “Hồng Đức Thiệu chính thư” kèm theo luật Hồng Đức thời Lê Thánh Tông, cũng phải thừa nhận để nó tồn tại song song với luật nước.

Còn “dân chủ tư sản” thì luôn luôn đi đôi với “kỉ cương” nghiêm ngặt đến nỗi như Giăng Van-Giăng trong tác phẩm “Những người khốn khổ” của Vích-to Huy-gô, chỉ ăn cắp có cái bánh mì mà chạy đi đâu cũng không thoát nỗi được tội “xâm phạm tài sản tư hữu” của công dân!

Những kỉ cương đó thực tế là nhằm giữ cho có “ổn định” xã hội theo một trật tự mà xã hội đó yêu cầu để có thể “phát triển”. Nếu không có “kỉ cương”, xã hội sẽ mất “ổn định” không “phát triển”, dẫn tới hỗn loạn có thể tự tiêu vong.

Ngày nay, nhân loại đang chứng kiến một xu thế tiến bộ là cố gắng giữ cho được “ổn định” ở từng quốc gia, dân tộc, từng khu vực, từng châu lục... cho đến ở cả toàn cầu.

Nhiều nước láng giềng với nhau tuy còn tồn tại những bất đồng sâu sắc về lãnh thổ, biên giới, chủng tộc, tôn giáo... nhưng vẫn cố gắng giữ cho mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc đó được “ổn định” để hai bên, ba bên, bốn bên... cùng tồn tại, cùng phát triển. Xu thế chung đó đang trở thành hiện thực và đem lại những hiệu quả về tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hoá, xã hội của các quốc gia, dân tộc có liên quan với nhau.

Ở chúng ta “dân chủ xã hội chủ nghĩa” đã được thực hiện và đang hoàn thiện. Nó thật đã nhiều lần khác xa ngay cả với tư duy dân chủ của một số nhà cải cách Việt Nam hồi đầu thế kỉ XX này.

Xin thuật lại một mẩu chuyện ở tờ báo Phong Hoá, số 99, năm thứ ba, ra ngày thứ Sáu, 25 tháng 4 năm 1943 về các nhà chủ trương “cải cách phong hoá ở nông thôn Việt Nam” lúc đó đã bàn với nhau: “Các ông hãy về nhà quê ở lẫn với dân cày vài ba năm đã thì những lời bàn của các ông mới không đến nỗi là lời bàn suông vô căn cứ... Ông phải là người am hiểu dân tình mới biết được “cái tính không ưa nhẹ của bọn dân em”. Phải dùng uy quyền mà bắt dân em thực hành bản chương trình cải cách...”.

Kĩ cương của họ đặt ra như vậy thật không có một chút dân chủ nào thì làm sao mà gây được “ổn định” để “phát triển” xã hội. Bởi chính vì quan niệm của họ về vai trò quần chúng nhân dân trong lịch sử đã hoàn toàn sai lầm. Họ đặt câu hỏi:

*“Có thể” để cho dân quê tự cứu lấy dân quê được không?*

Và tự trả lời:

*“Không bao giờ có thể như thế được. Bao giờ dân quê cũng là một sức thụ động. Nếu không ai khai thông trí não họ, nếu không có việc kinh thiên động địa kích thích họ, thì mấy trăm năm, mấy nghìn năm nữa họ cũng hủ bại, gàn dở như ngày nay, có khi lại bị truy lạc hay tuyệt vọng nữa...”.*

Quan niệm của họ về nông dân Việt Nam như vậy thì làm sao họ có thể thực hành được “cải cách dân chủ” và đề ra “kĩ cương” đúng đắn cho nông dân đi theo được?

Nhưng cũng chính ngay thời kì đó, những chiến sĩ cách mạng vô sản, tiêu biểu như Quà Ninh và Vân Đình (bí danh của Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp) đã nói lên tình trạng khổ cực của nông dân Việt Nam, lên án chính sách ngu dân,

dàn áp, bóc lột nông dân của thực dân Pháp... trong cuốn sách “Vấn đề dân cày”. Đồng thời các tác giả cũng chỉ rõ sức mạnh vĩ đại của nông dân Việt Nam một khi có đường lối cách mạng đúng đắn chỉ đạo.

Từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, dự kiến đó đã trở thành hiện thực. Ngày nay, xã hội ta đã tiến tới một trình độ “dân chủ” chưa từng có trong lịch sử. Chủ trương “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” được đề ra trong các Đại hội Đảng. Quan điểm “tất cả là của dân, do dân, vì dân” và phương châm thực hiện dân chủ là “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đã đem lại sức sống mạnh mẽ cho một nền dân chủ cách mạng.

Đồng thời các Bộ luật và hàng loạt các Luật khác được Quốc hội thông qua cùng hàng ngàn văn bản pháp qui dưới luật do Nhà nước ban hành đã nói lên yêu cầu “dân chủ” phải đi đôi với “ki cương” mà mục tiêu là nhằm “ổn định” để “phát triển”; “phát triển” để đưa lại “ổn định” cao hơn.

Theo biện chứng của sự phát triển xã hội thì mâu thuẫn là phổ biến và giải quyết mâu thuẫn một cách đúng đắn sẽ đưa xã hội phát triển, tiến lên.

Giải quyết mâu thuẫn phải đưa tới sự “ổn định mới”, đưa tới “sự phát triển cao hơn” mới là theo đúng phép biện chứng “phủ định của phủ định”.

Hiện nay trong nông thôn ta, những mâu thuẫn nảy sinh thường là những mâu thuẫn trong trường thành, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân với những chính quyền địa phương thoái hoá, tham nhũng để giữ ki cương phép nước là cần thiết nhằm tạo nên sự “ổn định” mới cao hơn để đẩy mạnh “phát triển”.

Đấu tranh phải đi tới sự “ổn định” mới của xã hội chứ không phải đi tới làm mất “ổn định” xã hội, không thể đi tới phá hoại, thậm chí làm băng hoại xã hội mà bao chiến sĩ cách mạng đã hy sinh, xả thân chiến đấu, thì mới xây dựng đất nước được.

### 3. Trí thức Việt Nam và “vận động trí thức” trong đổi mới

Xưa cũng như nay, trí thức bao giờ cũng là “chất xám” của xã hội, là biểu hiện chất lượng *văn minh dân tộc* của một thời đại.

Trong lịch sử Việt Nam không ai không thừa nhận Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Lý Đạo Thành, Lê Văn Thịnh... (thời Lý), Trần Quốc Tuấn, Lê Văn Hưu, Mạc Đĩnh Chi, Đoàn Nhữ Hài, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn, Trương Hán Siêu (thời Trần) là tiêu biểu cho văn minh thời đại Lý, Trần.

Về sau cũng vậy, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh, Ngô Sĩ Liên... là tiêu biểu cho văn minh Đại Việt thời Lê.

Đến Tây Sơn, trí thức Nho sĩ vẫn được xếp lên hàng đầu của tứ dân. Cả đến khi Nguyễn Huệ sáng suốt đã “trọng cả nông lẫn thương” nhưng khi ra chiếu khuyến nông rồi, vẫn không thay đổi thứ bậc của tứ dân là “sĩ, nông, công, thương”. Kẻ sĩ vẫn đứng ở hàng đầu. Kẻ sĩ Bắc hà vẫn được Nguyễn Huệ trọng dụng.

Ở các triều đại văn minh, trong cấu trúc xã hội, trí thức luôn là một lớp “chất xám”. Họ “vận động” như một thực thể xã hội “tiên lên, lùi xuống” cả về chất lẫn về lượng theo cơ chế



*quản lí hiện hành tiền bộ hay lạc hậu.*

Cơ chế tiền bộ thì lấy chữ “trung quân, ái quốc” làm đầu. Trong sự vận hành của cơ chế “trung quân, ái quốc” đó, chỉ có “anh quân” mới có “hiền thần”, “minh tướng”. Chỉ có “vua hiền” mới có “tôi ngay” mà “tôi ngay” cũng chỉ có thể thi thố được tài năng khi thờ được “vua hiền”.

Ngược lại thì:

*“Vua hiền chọn tôi ngay mà dụng,*

*Tướng giỏi tìm minh chúa mà thờ”.*

Đó là thuật “tu thân xử thế” của những người hiền nhân, quân tử thời phong kiến.

*Nhưng cả vua và tôi là trí thức đều phải lấy mình ra làm gương cho thiên hạ noi theo.*

Vua thì theo đó để “chiêu hiền, đãi sĩ”. Lê Lợi trụ ở Lam Sơn mà đã chiêu tập được người hiền từ bốn phương tụ hội, như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn... từ ngoài Bắc đã vào để “Lam Sơn tụ nghĩa”, tham dự “Hội thề Lũng Nhai”, mở đầu cho kỉ nguyên giữ nước và dựng nước...

Nguyễn Huệ ra Bắc thu phục ngay được nhân tâm của Nho sĩ Bắc Hà cũng chính là vì gương anh dũng cứu nước, biết mình, biết người của ông.

Chủ tịch Hồ Chí Minh của chúng ta ngày nay thật diệu kì trong thu phục nhân tâm, trọng dụng nhân tài, vì thế, cụ Huỳnh Thúc Kháng đã quên đi cách đối xử cũ của cách mạng mà ra làm việc với Người, được Người tín nhiệm tới mức giao cho trọng trách việc nước với phương châm thực hiện “*dĩ bất biến ứng vạn biến*”. Trần Đại Nghĩa, Trần Hữu Tước, Đặng Văn Ngữ, Lương Định Của, Nguyễn Khắc Viện... bỏ cả giàu sang, phú quý mà về

nước với Chủ tịch Hồ Chí Minh, với dân tộc, tất cả đều do uy đức và sức cảm hóa lớn lao của Người.

Những tấm gương tiêu biểu đó đều biểu hiện ra về mặt trí thức là trong hai lãnh vực “Tri” và “Hành”. “Hành” thì bao gồm cả ba yêu cầu: “Hành đạo” “Hành đức” và “Hành tài”.

Về “Hành đạo”, trí thức Việt Nam trong lịch sử thời nào cũng vậy luôn vận động đi lên theo một cái “đạo” mà ở Việt Nam xưa là “đạo yêu nước trung quân”; nay sang thế kỉ XX là “đạo yêu nước vì dân”. Từ Phan Bội Châu trở đi, nước không còn gắn với vua nữa nên “ái quốc” không còn đi đôi với “trung quân” mà “yêu nước” đã gắn với “vì dân”:

*“Người dân ta, của dân ta*

*Dân là của nước, nước là của dân”*

Cho nên thuật vận động của những người lãnh đạo đối với “khôi trí thức” luôn luôn “vận động theo chiều hướng đi lên” là ở chỗ nêu cao tấm gương “Hành đạo, Hành đức, Hành tài”. Trong hơn nửa thế kỉ cách mạng vừa qua, nếu cái “đạo giữ nước” thật là đúng đắn đã đem lại nhiều thành công, lời cuốn được trí thức đi theo, thì cái “đạo dựng nước” còn gặp nhiều khó khăn.

Chúng ta đã tìm được chủ nghĩa Mác-Lênin làm kim chỉ nam cho hành động là vô cùng đúng đắn, nhưng còn vận dụng học thuyết đó vào Việt Nam lại có cái đúng, có cái chưa đúng mà chúng ta phải điều chỉnh đường đi, nước bước nhiều lần.

Ở đây, khôi trí thức yêu nước cả ở trong và ngoài nước cũng có lúc phải băn khoăn, lo lắng. Nhất là lúc chúng ta phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí và trong kinh tế - xã hội là

duy trì quá lâu tình trạng quan liêu bao cấp. Lúc đó đại đa số trí thức vẫn tin tưởng, quyết tâm cùng Đảng và Nhà nước tìm cho được lối ra, vẫn luôn giữ lấy cái “đạo yêu nước, yêu dân”, vẫn “Hành đạo” như Nguyễn Đình Chiểu đã nói:

*“Thà đui mà giữ đạo nhà,  
Còn hơn có mắt ông cha không thờ”.*

Nhưng cái bản khẩn, chưa tin của một số ít trí thức cũng là một hiện tượng khách quan, ta phải thấy mà tôn trọng, nghiên cứu.

Tất nhiên ngày nay không còn như thời Lê-Mạc hay Trịnh-Nguyễn, hay Nguyễn Huệ-Nguyễn Ánh... để đến nỗi trí thức phải trốn tránh “đi đâu, về đâu”; về “Hán hay về Hồ”, như hồi xưa người trong cuộc đã có tâm tư:

*Chàng về Hồ, thiếp cũng về Hồ,  
Chàng về Hồ Hán, thiếp về Hồ Tây?”... nữa.*

Nhưng có những bản khoản rất có lí của anh em, như năm 1983, tôi sang Nhật hợp tác khoa học; nhân buổi nói chuyện với hơn 80 trí thức Việt kiều do Đại sứ quán ta tổ chức, một số anh em đề nghị với tôi là trong câu tôi viết trên báo Nhân dân khi chuẩn bị cho Đại hội IV của Đảng là:

“Con người mới Việt Nam là con người yêu nước xã hội chủ nghĩa”. Các bạn trí thức Việt Kiều xin thêm cho chữ “và” vào giữa chữ “yêu nước” và chữ “xã hội chủ nghĩa”, với lí do là “hãy để chúng em yêu nước, còn chủ nghĩa xã hội, “khổ hạnh” (sau này mới nói là “quan liêu bao cấp”) như hiện nay thì đừng bắt chúng em yêu”.

Trong “đổi mới”, vừa qua chúng ta đã điều chỉnh lại bước đi, sửa cái “đạo dựng nước” từ “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến

vững chắc lên chủ nghĩa xã hội” sang “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, là trí thức đi theo ngay một cách chân thành và đông đảo. Không những cả khối trí thức to lớn trong và ngoài nước đi theo mà trí thức còn “tự thân vận động” phát triển tiến lên. Có bao giờ chúng ta có được một đội ngũ trí thức đông đảo cả về số lượng lẫn chất lượng như ngày nay.

Nhưng trước mắt trong 4 nguy cơ mà Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ khoá VII đã đề ra thì trí thức cũng đang có ít nhiều lo âu. Họ không còn chao đảo giữa “về Hán hay về Hồ” nữa, nhưng những câu hỏi đặt ra là:

Cái “đạo” Mác-Lênin cần được có tự do để sáng tạo như thế nào cho tiến lên kịp thời đại.

Trong cơ chế mà nạn tham nhũng đang trở thành “quốc nạn” này thì trí thức tránh sao được vòng “kim cô” của một số người có chức, có quyền đang xây nhà lầu trên mồ hôi nước mắt của anh em.

Đây phải chăng là chông gai đang cản trở con đường vận động tiến lên của trí thức ta?

Thực tế ngày nay, trí thức chiếm đa số trong lao động công, thương nghiệp, ngân hàng, tài chính, dịch vụ... Khoa học - kĩ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Đa đa số trí thức đã là công nhân. Trí thức đã thành một bộ phận trong giai cấp công nhân. Sự “vận động tự giác” của trí thức theo một cái “đạo” mà chính họ đã tự chọn.

Thực tế quá trình “trí thức vận động” đi song hành với yêu cầu “vận động trí thức” (tức công tác “trí thức vận” của Đảng hiện nay) thì trí thức vừa là “chủ thể”, vừa là “khách

thể". Chủ thể vì họ là thành phần trong giai cấp công nhân. Khách thể vì họ là khối trí thức tiêu biểu cho văn hoá, văn minh thời đại. Họ yêu cầu lãnh đạo phải đưa các "đạo yêu nước" của Việt Nam đi đúng theo yêu cầu của thời đại, thực tiễn cách mạng. Họ cần được tự do sáng tạo, phát huy năng lực cả trong lí luận lẫn thực tiễn.

Cần phải sửa những khuyết điểm. Lấy một vài thí dụ cụ thể như:

Trí thức cần được đánh giá đúng sự công hiến của họ.

Trí thức cần có sự sắp xếp, bố trí thành một đội quân "có tướng, có tá, có sĩ, có ụy". Chính vì vậy mà phải có học hàm, học vị.

Từ năm 1980, Nhà nước ta đã bắt đầu việc phong học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư. Nhưng ngay đợt phong đầu tiên đó đã có "những hạt sạn". Nay kết quả sau 20 năm đã bộc lộ rõ rệt.

Ngay cả việc tổ chức nghiên cứu và hội thảo khoa học cũng vậy, nên chấm dứt tình trạng nghiên cứu mất hàng mấy tỉ đồng mà kết quả không được đưa ra phổ biến, sử dụng rộng rãi.

Hay một cuộc Hội thảo khoa học cứ phải có ba cơ quan: "chủ chi, chủ trì, chủ trị" mà chẳng đem lại kết quả học thuật như ý muốn. Đến khi công bố thì mỗi cơ quan giành vị trí hàng đầu của mình trên tờ báo "của chính mình".

Thế thì làm sao mà làm gương cho giới trí thức trẻ hiện nay tin cậy mà noi theo được?

Tôi nghĩ rằng, theo truyền thống ông cha như trên đã nói thì "Đạo, Đức và Tài" là ba tiêu điểm mà trí thức đang "vận động" đi theo để tiến lên cả về chất lẫn về lượng.

*Kinh nghiệm xưa và nay ngày càng cho thấy “Đức ở trong Tài”, hay nói cách khác là “Tài không thể ở ngoài Đức” mà cả Đức, Tài đều là nằm trong cái “Đạo Việt Nam” – Đạo “yêu nước, vì dân”. Đó vẫn là kim chỉ nam cho sự nghiệp: “Trí thức vận động” và “Vận động trí thức” ngày nay của chúng ta.*

#### **4. Xây dựng “con người văn hoá” Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới**

Văn hoá dân tộc, hiểu một cách bao quát là gồm mọi mặt văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần của dân tộc. Còn hiểu một cách cụ thể là trong cuộc sống đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc. Văn hoá luôn thể hiện ở 4 đơn nguyên: *Con người văn hoá, gia đình văn hoá, thôn, làng văn hoá, dân tộc văn hoá*. Trong 4 đơn nguyên này, chúng ta đã xây dựng nên những phong trào quần chúng có hiệu quả. Đó là các phong trào *“Xây dựng gia đình văn hoá”, “... Thôn, làng văn hoá”*. Và cao hơn hết là *“Xây dựng một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam”* mà Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ V đã đề ra.

Nhưng còn xây dựng nên những *“Con người Việt Nam văn hoá”* thì tuy đã và đang làm nhưng chưa thành một phong trào. Phải chăng nó có cái gì khó, vì *“cái cá biệt”* bao giờ cũng cần được xem xét kĩ càng hơn *“cái phổ biến”*...

Mặc dầu vậy, việc xây dựng nên những *“Con người văn hoá Việt Nam”* lại là việc làm *“cần thiết”* và *“có thể”*. Bởi vì, chúng ta làm sao có được những gia đình văn hoá, thôn, làng văn hoá, dân tộc văn hoá mà lại không có

những “con người văn hoá”? “Cái chung” chỉ có thể là tổng hoà của “cái riêng”. Cái “phổ biến” chỉ là do sự tác thành của những cái “cá biệt”.

Nói “chúng ta đã và đang làm” vì hàng ngày báo, đài ta luôn đưa tin và ca ngợi những “hành vi văn hóa cao đẹp” của bao nhiêu con người:

Nào là có người quên mình cứu người bị tai nạn, dẫu có phải hy sinh đến tính mệnh.

Nào là có người thấy sự kiện “vô văn hoá” ở dọc đường đã dừng lại để can thiệp, tức “giữa đường dẫu thấy bất bình chẳng tha”...

Nào là có người nhặt được của rơi, nhận được tiền thừa đã mang trả người bị mất.

Nào là nhiều người biết “kính già, yêu trẻ, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, giúp đỡ người tàn tật, cô đơn...”

Nào là có người sống hết mình với đồng đội, với xóm làng.

Nào là có cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lí biết chăm lo đến cơ quan xí nghiệp, đến đời sống công nhân, viên chức, biết đem lại quyền lợi của anh em như quyền lợi của chính mình. Do đó đã cố gắng cải tiến công tác, xây dựng đoàn kết, tạo nên sự ổn định và phát triển của cơ quan, xí nghiệp, nâng cao dần mức sống mọi người...

Còn nhiều, nhiều nữa những “hành vi văn hoá” xuất hiện từ thôn, làng, xóm, ngõ, phố, phường đến cơ quan, công trường, xí nghiệp, trường học... Nếu một số trong những hành vi đó trở thành nếp sống của một con người, thì con người đó đã xứng đáng được coi là “con người văn hoá”.

*Biểu tượng cao nhất* của “con người văn hoá Việt Nam” là Chủ tịch Hồ Chí Minh – Người đã được nhân dân cả nước công nhận là “Danh nhân văn hoá dân tộc” và Unesco công nhận là “Danh nhân văn hoá thế giới”. Người đã cho chúng ta một mẫu mực, một tiền đề để xây dựng nên “những con người văn hoá Việt Nam”.

*Đặc trưng cơ bản nhất* của “con người văn hoá Việt Nam” là *yêu nước*, mà ở Việt Nam ta, “*yêu nước*” luôn đi đôi với “*thương nòi*” tức “*yêu thương dân tộc*”.

Trước kẻ thù ngoại xâm thì dù chúng có dũng mãnh đến đâu cũng hy sinh chiến đấu, xả thân cứu nước. Còn trong xây dựng xã hội mới, yêu nước là phải “*yêu dân*”, *hết lòng “vì dân”, “vì nước”*.

Cho nên *đặc trưng thứ hai* của con người văn hoá Việt Nam là phải “*vì dân*”, “*vì nước*” theo tấm gương, như Bác Hồ đã sống:

*“Vui tiếng ca chung hoà bốn biển,*

*Nâng niu tất cả chỉ quên mình”*. (Tố Hữu).

Con người văn hoá chỉ ít cũng phải chăm lo tới quyền lợi của người như quyền lợi của mình. Những người sống tham lam, ích kỷ, cái gì cũng vì mình trước... thậm chí lại còn lấy của người làm của mình mà quên không xin phép hay chưa được người đồng ý, trong hoạt động văn chương đó gọi là “*đạo văn*”; trong lao động học thuật, sinh hoạt, thường được kêu là “*ăn hót*” hay “*cướp công*”... thì làm sao gọi là con người có văn hoá được!

*Đặc trưng thứ ba là*: “con người văn hoá Việt Nam” phải là con người có thái độ đúng mực trước *danh và lợi*.



Về “lợi” – trong cuộc sống và lao động, người lao động chân chính được hưởng lợi ích chính đáng do mình làm ra và đều có quyền được sống ở mức giàu sang (vì mục tiêu mà chúng ta nhằm cũng là xây dựng chủ nghĩa xã hội văn minh chứ không phải xây dựng chủ nghĩa xã hội khổ hạnh), miễn là phù hợp với yêu cầu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Theo qui luật cạnh tranh mà ta còn thừa nhận trong cơ chế thị trường, thì “lợi” đi đôi với “tài” đều là cần thiết cho cuộc sống. Sống được hay không, sống cao hay thấp về mặt vật chất là có quan hệ tới “lợi” và “tài”. Nhưng “con người văn hoá” thì không thể “hoa mắt lên vì lợi”, “táng tận lương tâm” vì tài. Lợi, tài đó thường được thu về một cách bất chính, nhất là ở những cán bộ Nhà nước có chức, có quyền, dựa vào “đặc quyền” để thu bằng được “đặc lợi”. Đó rõ ràng là những hành vi “phản văn hoá” của những con người “vô văn hoá”.

Còn về “danh” – danh thì trừu tượng hơn lợi, nhưng lại luôn đi đôi với lợi. Kẻ đã “hám danh” thì luôn luôn “cầu lợi”. Trong xã hội nào cũng vậy, con người cần có “thực danh” để quản lí xã hội, nâng cao trình độ văn hóa của dân tộc. Việc Nhà nước ta phong học hàm, học vị, tặng các danh hiệu, bằng khen, giải thưởng... đều là nhằm tặng thưởng “thực danh” cho những người có “thực tài” để động viên, khuyến khích mọi người phấn đấu, cống hiến ngày càng nhiều cho xã hội. Nhưng cái “phản văn hoá” thường xuất hiện ở bệnh “chuộng hư danh”. Như báo Tia sáng của bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường (số tháng 8-1998, trang 37) đưa tin một sinh viên tốt nghiệp đại học ra trường chưa kiếm được việc làm đã “đi làm thuê Luận án Tiến sĩ” cho một số người “chuộng hư danh” mà không có thực tài. Sinh viên đó cũng

lại làm giàu từ một nghề bất chính, đáng ra không nên làm... Lại có người tài năng có hạn nhưng không khước từ một chức vị cao, thấp nào miễn là “thu nhập” được cao, “lạc khoản” được đậm, “minh tinh” được dài.

Về điều này, Bác Hồ đã cho chúng ta một mẫu mực xử thế một cách có văn hoá trong thời kì chống Mĩ, cứu nước. Lúc đó Nhà nước ta đề nghị Bác nhận Huân chương Sao Vàng, Bác đã khiêm tốn khước từ vì còn chưa làm tròn trách nhiệm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc... “Con người văn hoá Việt Nam” hiện nay cũng cần khiêm tốn trước từ mọi danh lợi theo gương Bác.

Có thể còn thêm tiêu chuẩn khác nữa trong việc xây dựng những “con người văn hoá Việt Nam”. Trên đây chúng tôi chỉ xin gợi ý về mấy tiêu chuẩn cơ bản. Các tiêu chuẩn này có thể áp dụng trong việc lựa chọn “con người văn hoá Việt Nam” trong mọi tầng lớp nhân dân, cũng như trong mọi môi trường sống và làm việc khác nhau.

Nhiệm vụ chung của chúng ta làm sao để cái “cá biệt” trở thành cái “phổ biến”, làm sao cho “con người văn hoá Việt Nam” xuất hiện ngày càng nhiều, tạo tiền đề cho việc xuất hiện các gia đình văn hoá, thôn làng văn hoá... ngày càng cao cả về số lượng lẫn chất lượng, khiến dân tộc ta trở thành một “dân tộc Việt Nam văn hoá” như toàn Đảng, toàn dân ta đang phấn đấu xây dựng.

Việc biểu dương “người tốt, việc tốt” mà Hồ Chủ tịch đã đề ra và thực hiện và ngày nay chúng ta tiếp tục làm theo gương Người, đó cũng là một biện pháp hữu hiệu nhằm “xây dựng những con người văn hoá Việt Nam trong giai đoạn mới của cách mạng”.

## 5. **Đổi mới cơ cấu xã hội, bổ sung thiết chế xã hội góp phần làm lành mạnh tổ chức của Đảng, cơ chế của Nhà nước**

Sự nghiệp đổi mới của chúng ta, qua 20 năm thực hiện đã đưa lại thành công. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI (lần 2) khoá VIII đã viết: *“Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội kéo dài 15 năm, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng”*.

“*đổi mới*” đã khắc phục được khủng hoảng kinh tế – xã hội, tạo nên sự ổn định xã hội, phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời sống nhân dân.

Nhưng trong quá trình phát triển, khó khăn mới lại nảy sinh. Biểu hiện tập trung của những khó khăn đó là 4 nguy cơ mà Đại hội giữa nhiệm kỳ khoá VII đã nêu rõ, trong đó nguy cơ tham nhũng cho đến nay chẳng những không giảm mà lại tăng. Mấy vụ án kinh tế cho thấy số cán bộ, đảng viên tham nhũng, thoái hoá, biến chất, phạm pháp khá nhiều. Trong vụ án Tamexco, những kẻ phạm pháp đều là đảng viên có chức, có quyền trong một cơ quan kinh tế quan trọng của một Thành uỷ. Vụ án Tân Trường Sanh thì trong số 74 bị cáo có hơn 50 bị cáo nguyên là cán bộ, đảng viên. Trong vụ án Tăng Minh Phụng, vụ án kinh tế lớn nhất từ xưa đến nay, có hai Phó Giám đốc ngân hàng tiếp tay cho bọn phạm tội chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ VI (lần 2) khoá VIII *“Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”* đã nêu rõ: *“Trước yêu cầu mới ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, trong Đảng đang bộc lộ*

*một số yếu kém: sự suy thoái về tư tưởng chính trị; tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn; việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ không nghiêm, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước chậm được củng cố và đổi mới”.*

Nghị quyết đề ra 5 biện pháp kiên quyết khắc phục, trong đó biện pháp thứ 5 là mở cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tiến hành tự phê bình và phê bình, từ 19-5-1999 đến 19-5-2005 nhằm kiên quyết khắc phục những tồn tại, yếu kém trên.

Để đóng góp vào việc khắc phục hiện tượng trên, nhất là vào việc *“củng cố và đổi mới bộ máy của Đảng và Nhà nước”* như Nghị quyết đã nêu ở trên, chúng tôi thấy nên chú ý đến việc *cải cách, hoàn thiện cơ cấu xã hội và bổ sung những thiết chế xã hội để củng cố, ổn định và phát huy tác dụng của cơ cấu xã hội đối với sự phát triển xã hội và làm lành mạnh tổ chức của Đảng.*

Thực tế cho thấy, thành công của sự nghiệp đổi mới 20 năm qua đã thay thế cơ chế kinh tế quan liêu bao cấp bằng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường. Hiệu quả to lớn của sự nghiệp đổi mới là đã đưa kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển lên một mức cao chưa từng có trong lịch sử dân tộc.

Tuy vậy, nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường đã khách quan tạo nên *một cơ cấu xã hội mới với nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội* mà ta cần hoạch định rõ ràng để có chính sách xã hội và thiết chế quản lý thích hợp.

Trước hết nói về *cơ cấu xã hội*, Từ điển bách khoa Liên Xô (NXB “Từ điển bách khoa” in lần thứ ba năm 1985, trang 1276) đã định nghĩa như sau:

*“Cơ cấu xã hội là mạng lưới các mối liên hệ ổn định và có trật tự giữa các hệ thống cơ sở xã hội, qui định bởi các quan hệ giai cấp và các nhóm xã hội khác nhau, do sự phân công lao động và do tính chất xã hội của các thành phần (Nhà nước và các cơ cấu xã hội khác) qui định.*

*Chủ nghĩa xã hội Mác-Lênin coi trọng xác định các quan hệ kinh tế trong cơ cấu của các tổ chức xã hội nhất định, nhấn mạnh đến ảnh hưởng ngược trở lại từ cơ cấu kinh tế - xã hội. Ý nghĩa quan trọng nhất đối với xã hội là cơ cấu giai cấp xã hội. Ngoài ra còn cơ cấu xã hội khác, như cơ cấu dân cư bao gồm sự phân chia theo nghề nghiệp, dân tộc, văn hoá và các biểu tượng khác nữa”.*

Sự nghiệp đổi mới của chúng ta thực tế đã tạo nên một mạng lưới xã hội mới đang cần đi tới “ổn định và có trật tự” tương ứng với một nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.

Nhìn vào thực tế, nếu cơ cấu xã hội trước kia chỉ đơn giản có 2 giai cấp công nhân quốc doanh và nông dân tập thể, một tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa thì nay với nền kinh tế nhiều thành phần phải có nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp. Sự ra đời và tồn tại, phát triển của các giai cấp, tầng lớp mới cần được duy trì một cách “ổn định và có trật tự” trong một giai đoạn nhất định – một “nấc thang nhất định” của thời kì quá độ.

Bởi vì theo nguyên lí của chủ nghĩa Lênin thì trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải qua nhiều nấc thang của thời kì quá độ. Tư tưởng chủ quan, duy ý chí, nóng vội vừa qua là chưa quán triệt được tinh thần này của chủ nghĩa Lênin.

Khi nói về các nấc thang của thời kì quá độ, V. I. Lênin viết: *“Nếu phân tích tình hình chính trị hiện nay chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở vào một thời kì quá độ trong thời kì quá độ. Toàn bộ nền chuyên chính vô sản là một thời kì quá độ, nhưng hiện nay có thể nói rằng chúng ta có cả một loạt thời kì quá độ mới”*<sup>1</sup>.

Nấc thang chúng, đang đi trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã được Cương lĩnh, Chiến lược của Đảng cùng với các Đại hội Đảng xác định, mà mục tiêu chung là nhằm làm cho *“dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.

Trong nấc thang này, chúng ta còn vận dụng cả qui luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội và qui luật cơ bản của chủ nghĩa tư bản. *Hai qui luật đó đều tác động đến sự hình thành một cơ cấu xã hội mới* vừa có tính xã hội chủ nghĩa, vừa có tính tư bản chủ nghĩa.

Thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn lấy kinh tế quốc doanh làm địa vị chủ đạo. Kinh tế tập thể hợp tác xã cần được duy trì và cải tiến cho phù hợp với cơ chế thị trường. Kinh tế cá thể của nông dân và thợ thủ công có thể phát triển lên kinh tế trang trại kiểu tư sản nông thôn và tư sản, tiểu tư sản ở thành thị. Những công nhân trí thức có sở hữu trí tuệ làm ra nhiều của cải, không còn là vô sản nữa nhưng họ vẫn là những phần tử ưu tú trong giai cấp công nhân, bởi vì như Mác đã dự kiến: *“Khoa học, kỹ thuật sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp”*. Những cán bộ lãnh đạo,

---

(1). *Lênin toàn tập*, tiếng Việt, Nxb Tiến bộ Mát-sco-va, 1971, tập 42, tr. 226.

quản lí các doanh nghiệp nhà nước hay liên doanh với nước ngoài có người được hưởng theo đúng chế độ của doanh nghiệp đó (có khi cao gấp 10 thậm chí mấy chục lần lương theo ngạch bậc của Nhà nước) cũng cần được có vị trí rõ ràng trong cơ cấu giai cấp xã hội.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về xác định cơ cấu xã hội thì phải dựa vào các quan hệ kinh tế - xã hội mà xác định. Đồng thời lại phải coi trọng việc xây dựng cơ cấu xã hội theo quan điểm giai cấp để có được các chính sách xã hội, thiết chế xã hội thích hợp.

Cơ cấu xã hội đó luôn có tác động ngược trở lại tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, để quản lí Nhà nước và xây dựng Đảng được tốt cần xác định rõ các giai cấp, tầng lớp xã hội tất yếu nảy sinh từ mỗi thành phần kinh tế.

Xây dựng và củng cố được một cơ cấu xã hội phù hợp với qui luật khách quan của xã hội và bổ sung được các thiết chế xã hội phù hợp với sự phát triển của nó, sẽ đem lại sự ổn định và phát triển xã hội, có tác động tích cực đến việc xây dựng Đảng.

Ngược lại, để lộn xộn, tự phát thì sẽ gây ra bất ổn xã hội, tạo những kẽ hở, những điều kiện cho các tệ nạn xã hội, nhất là tệ tham nhũng, tham ô, móc ngoặc, làm thất thoát của cải, tài sản xã hội chủ nghĩa và sẽ có tác động tiêu cực đến nội bộ Đảng.

Kinh nghiệm lịch sử dân tộc cho thấy, có những thời kì từ khủng hoảng cơ cấu xã hội, không giải quyết tốt, đã dẫn tới "khủng hoảng cung đình", đi tới biến động, đảo chính lật đổ triều đại.

Chúng ta chưa có khủng hoảng cơ cấu xã hội nhưng đã có những hiện tượng xã hội báo hiệu cho khủng hoảng cơ cấu xã hội. Một vài thí dụ cụ thể:

1- Đáng ra thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa phải sản sinh ra giai cấp tư sản đúng với ý nghĩa của nó (tức có tích lũy tư bản, đầu tư xây dựng cơ bản, vận dụng khoa học và tài năng kinh doanh hoạt động theo cơ chế thị trường và qui luật kinh tế của chủ nghĩa tư bản, làm giàu cho mình, làm giàu cho nước) nhưng số người tư sản như vậy lại không phát triển được nhiều và đúng qui luật.

2- Trong khi đó, bọn lợi dụng cơ chế quốc doanh, liên doanh, lợi dụng được những kẽ hở của cơ chế, trở tài tham nhũng, tiến hành hối lộ, móc ngoặc, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa... lại mọc ra như nấm (như các vụ án kinh tế mới đây đã bộc lộ).

3- Công nhân trí thức hoá, trí thức công nhân hoá đáng phải được nâng đỡ, khuyến khích để trở thành bộ phận tiền phong của giai cấp công nhân lại chưa được phát triển mạnh.

4- Sự phân hoá giàu nghèo ở đô thị, nông thôn đồng thời tạo nên sự phân hoá giai cấp xã hội cần được xác định rõ ràng để lãnh đạo, quản lí. Trong cả nước hiện nay có tới hàng chục vạn chủ doanh nghiệp tư nhân, bao gồm cả các chủ trang trại lớn, chủ doanh nghiệp tư nhân lớn, trong đó có một số biết áp dụng khoa học - công nghệ, làm giàu chính đáng, cần xác nhận vị trí giai cấp xã hội của họ để có chính sách nhằm khuyến khích phát triển và có thiết chế xã hội quản lí cho phù hợp.

5- Số lưu manh, gồm cả vô sản lưu manh như Mác và Ăng-ghe-n đã nói, nay còn có cả một số nguyên là cán bộ, đảng viên bị thoái hoá, biến chất rơi xuống hàng ngũ lưu



manh, số xì ke ma tuý, mãi dâm, bọn tội phạm không chịu cải tạo, một số đã có biểu hiện ma-phia... mà ta đã diệt, nhưng vẫn còn những bọn lén lút tồn tại, một số có liên hệ với ma-phia nước ngoài, như vụ bố trí cho con trai Trần Đàm trốn thoát...

*Tất cả là biểu hiện bước đầu của khủng hoảng cơ cấu xã hội và sự bất cập của thiết chế xã hội cần chân chỉnh.*

Vì vậy, Nhà nước quản lí nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường phải *xác định rõ các thành phần giai cấp, tầng lớp trong cơ cấu xã hội và mối quan hệ giữa các thành phần đó* để đề ra các thiết chế xã hội cho phù hợp nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và lợi ích xã hội.

Một khi cơ cấu xã hội chưa “ổn định và có trật tự”, tất yếu sẽ tác động đến cơ cấu thành phần giai cấp của đảng viên, đến sinh hoạt mọi mặt (sinh hoạt tinh thần, vật chất) của đảng viên, gây nên những tác động tiêu cực trong cơ cấu tổ chức của Đảng.

Vì vậy, xây dựng Đảng hiện nay, vừa phải bồi dưỡng lí tưởng, giáo dục tư tưởng, đạo đức cách mạng qua tự phê bình, phê bình mà chúng ta đang tiến hành, vừa phải *cải tạo, cải cách cơ cấu xã hội và bổ sung thiết chế xã hội* cho hoàn hảo và có hiệu lực hơn, không để có kẽ hở cho các hiện tượng tiêu cực nảy sinh, cho kẻ thù phá hoại.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. TÀI LIỆU THAM KHẢO CHUNG

Công trình "*Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam*" này được bắt đầu xây dựng từ những năm đầu của sự nghiệp Đổi mới, tiếp thu được thành quả của nhiều cuộc hội thảo khoa học.

Bắt đầu là cuộc Hội thảo về Nguyễn Trường Tộ ở Nghệ An; tiếp đến là các cuộc Hội thảo về Hồ Quý Ly, Đào Duy Từ, về họ Trịnh ( trong đó có cải cách tài chính của Trịnh Cương ) ở Thanh Hoá; về Trần Thủ Độ ở Thái Bình; về Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng ở Quảng Nam - Đà Nẵng; về nhà Nguyễn ( trong đó có sự nghiệp cải cách của Minh Mệnh) ở Huế và thành phố Hồ Chí Minh; về Lê Thánh Tông ở Hà Nội; và gần đây nhất là về "Khúc Thừa Dụ và dòng họ Khúc trong lịch sử dân tộc" ở Hải Dương... .

Ngoài ra là rất nhiều công trình nghiên cứu về *mười cuộc cải cách, đổi mới* kể trên được công bố trên các Tạp chí khoa học.

### II. TÀI LIỆU THAM KHẢO CHO TỪNG CUỘC CẢI CÁCH, ĐỔI MỚI

#### 1. Cải cách của họ Khúc

- *Việt Sử Lược*. Tác giả khuyết danh đời Trần, thế kỉ XIV - Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải. Nxb Văn Sử Địa. H. 1960, tr. 38 - 39.

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê: "*Đại Việt sử kí Toàn thư* - Tập I. KHXH. H. 1983, tr. 102 - 103, 194 - 198.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Việt Sử Thông giám cương mục. Tiền biên*", Tập II. Văn Sử Địa, H. 1957. tr. 38 – 43.

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam: "*Lịch sử Việt Nam*", Tập I. KHXH. 1971. tr. 136 – 137.

- Trần Trọng Kim "*Việt Nam Sử lược*". Quyển I. Bộ giáo dục - Trung tâm học liệu, Sài Gòn, 1971, tr. 66 – 67.

- Đặng Đức An - Phạm Hồng Việt, "*Lịch sử thế giới trung đại*". Giáo dục, 1978, tr. 124 - 129.

- Lương Ninh: "*Việt Nam trong bối cảnh thế kỉ X*" trong "Thế kỉ X - những vấn đề lịch sử" - Viện Sử học. KHXH. H. 1984, tr. 123.

- Phan Huy Lê: "*Về tính chất và chức năng của nhà nước thời Khúc, Ngô, Đinh, Tiền Lê*" trong "*Thế kỉ X - Những vấn đề lịch sử*" Sđd, tr.135.

- Trương Hữu Quỳnh - Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh: "*Đại cương lịch sử Việt Nam*", Tập I. Nxb Giáo dục, 1997, tr. 103. Chương V "*Thế kỉ X - Xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập, tự chủ và thống nhất thời Khúc - Ngô - Đinh - Tiền Lê*".

- Đinh Văn Nhật: "*Huyện Khúc Dương về thời Hai Bà Trưng*". NCLS số 2 ( 209), 1983.

- Tạ Ngọc Liên: "*Sự kiện họ Khúc giành quyền tự chủ qua một số thư tịch Trung Quốc*". Hội thảo khoa học về họ Khúc, 4 - 3 - 1999. *Tư liệu Lưu trữ Bảo tàng Hải Dương*.

- Nguyễn Hữu Tâm: "*Tư liệu về nơi phát tích của họ Khúc và Tiết độ sứ Khúc Hoàn trên đất Trung quốc*" - Như trên.

- Nguyễn Minh Tường: "*Họ Khúc và cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ cuối thế kỉ thứ IX - đầu thế kỉ thứ X*"- Như trên.

- Trần Thị Vinh: "*Họ Khúc xây dựng chính quyền tự chủ ở thế kỉ X*". Như trên.

- Doãn Doan Trinh: "*Đền thờ bà Khúc Thị Ngọc bên dòng Nhuệ Giang*" - Như trên.

- Khúc Thừa Đại: "*Họ Khúc sau thời đại Hồng Châu*" Như trên.
- Tăng Bá Hoành "*Di tích Họ Khúc trên đất Hải Dương*" Như trên.
- Khúc Danh Huyền "*Phả họ Khúc Từ Lâm - An Bài*" "*Khúc Thừa Đại* cung cấp.

- Khúc Thừa Đại: "*Di sản lịch sử, văn hoá các dòng họ Khúc - Một bức tranh lịch sử về con người họ Khúc*". Tác giả cung cấp.

## 2. Sự nghiệp đổi mới của Lí Công Uẩn

- *Việt Sử Lược* - Tác giả khuyết danh đời Trần, thế kỉ XIV - Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải. Nxb Văn Sử Địa. H. 1960, tr. 68.

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê: "*Đại Việt sử kí - Toàn thư - Tập I*" KHXH, H, 1983, tr 223, 240, 255.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Việt Sử Thông giám cương mục. Chính biên*". Tập III. Văn Sử Địa, 1957, tr. 30-39.

- Trần Trọng Kim: "*Việt Nam Sử lược*". Quyển I. Bộ Giáo dục - Trung tâm học liệu, Sài gòn, 1971, tr. 93-100.

- Trần Huy Liệu: "*Một vài nhận xét về quyển: "Công hiến vào lịch sử của dân tộc Việt Nam" của Jean Chesneaux*". Văn Sử Địa, Tập 22 (10 - 1956), tr. 7.

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam: "*Lịch sử Việt Nam*", Tập I. KHXH, 1971, tr. 150-170.

- Viện Sử học: "*Đô thị cổ Việt Nam*". H. 1989, tr. 110 - 112.

- Viện Sử học: "*Biên niên Lịch sử cổ trung đại Việt Nam*". KHXH, 1987, tr. 74 - 79.

- Trương Hữu Quýnh - Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh: "*Đại cương Lịch sử Việt Nam*", Tập I Nxb Giáo dục, 1997, Chương VI "*Đại Việt ở thế kỉ XI - XII - Thời Lý*", tr. 120... 130.

- Văn Tân: "*Ý thức dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử Lý - Trần*". NCLS số 42 (1962).

- Trần Huy Bá: *"Thử bàn về vị trí thành Thăng Long thời Lý"* NCLS số 6 (1959).

- Nguyễn Đông Chi: *"Vấn đề chiêm hữu nô lệ thời Lý - Trần"*. NCLS số 4, (1976).

- Vũ Tuấn Sán *"Góp thêm tài liệu về việc định đô Thăng Long và gốc tích Lý Thường Kiệt"* NCLS số 75, (1965).

- Trần Quốc Vượng: *"Bàn thêm về thành Thăng Long đời Lý Trần"*. NCLS số 85, 1966.

- Trương Hữu Quýnh: *"Thử bàn về quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV"*, NCLS số 93, (1966).

- Đỗ Văn Ninh: *"Bàn về chiếu dời đô - Nguồn gốc và nội dung"*. Tham luận tại Hội thảo khoa học. Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội - Viện Sử học Việt Nam ngày 26 - 1 - 1999.

Trần Thị Vinh: *"Hoa Lư và Thăng Long - Vạch nối giữa Nhà nước Đại Cồ Việt và Nhà nước Đại Việt"* Như trên... .

### 3. Trần Thủ Độ - đổi mới xã hội...

- *Việt Sử Lược* - Tác giả khuyết danh đời Trần, thế kỉ XIV - Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải. Nxb Văn Sự Địa, H, 1960, tr. 157.

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê: *"Đại Việt sử ký, Toàn thư* - Tập I. KHXH, H, 1983, tr 249-354-367, Tập II. KHXH, H, 1985, tr. 9-39.

- Quốc sử quán triều Nguyễn *"Việt Sử Thông giám cương mục, Chính biên, Tập IV. Văn Sử Địa, 1958, tr. 60, 61.*

- Trần Trọng Kim: *"Việt Nam Sử lược"*, Quyển I, Bộ Giáo dục - Trung tâm học liệu. Sài gòn, 1971, tr. 119.

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam *"Lịch sử Việt Nam"*, Tập I. KHXH, 1971, tr 183-195.

- Trương Hữu Quýnh - Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh: "Đại cương Lịch sử Việt Nam", Tập I. Nxb Giáo dục, 1997, Chương VII "Đại Việt ở thế kỉ XIII - đầu XV: Thời Trần - Hồ", tr. 175.

- Trần Quốc Vượng: "Trần Thủ Độ( 1194 - 1264 ) và nhân cách hành xử Việt Nam thời Trần...", trong "Trần Thủ Độ - Con người và sự nghiệp" - Viện Sử học Việt Nam - Sở Văn hoá Thông tin Thái Bình XB. H, 1995, tr. 31.

- Lê Văn Lan: "Trần Thủ Độ - Từ góc nhìn tâm lí học - nhân cách..." Như trên, tr. 43.

- Tạ Ngọc Liên: "Trần Thủ Độ - Nhà chính trị đã làm thay đổi diện mạo lịch sử, đưa lịch sử tiến lên". Như trên, tr. 55.

- Nguyễn Danh Phiệt: "Trần Thủ Độ với lịch sử nửa đầu thế kỉ XIII". Như trên, tr. 61.

- Nguyễn Quang Ân: "Trần Thủ Độ và vai trò của ông trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước thời Trần". Như trên, tr. 67.

- Nguyễn Văn Hồng: "Tám trăm năm Trần Thủ Độ". Như trên, tr. 87.

- Nguyễn Thanh Vân: "Vài suy nghĩ về danh nhân Trần Thủ Độ". Như trên, tr. 104.

- Vũ Mạnh Quang: "Trần Thủ Độ - Từ cuộc chính biến lịch sử đến vấn đề nhân cách". Như trên, tr. 113.

- Trần Thị Vinh: "Thế trường chính trị ở Việt Nam cuối thời Lý đầu thời Trần và những hoạt động chính trị của Trần Thủ Độ tiến tới xác lập vương triều Trần". Như trên, tr. 132.

- Nguyễn Minh Tường: "Vai trò của Trần Thủ Độ trong việc sáng lập vương triều Trần". Như trên tr. 141.

- Đỗ Đức Hùng: "Trần Thủ Độ với công cuộc canh tân đất nước dưới thời Trần". Như trên, tr. 150.

- Đặng Kim Ngọc: "Vai trò của Trần Thủ Độ trong việc đào tạo và sử dụng nhân tài đầu triều Trần". Như trên, tr. 164.

- Nguyễn Tiên Đoàn: *"Mấy suy nghĩ về sự luận định của một sử gia Thái Bình về Trần Thủ Độ"*. Như trên, tr. 191.

- Phạm Văn Kính: *"Trần Thủ Độ với vương triều và cựu thần nhà Lý"*. Như trên, tr. 201.

- Nguyễn Hữu Tâm: *"Trần Thủ Độ với những chức vụ từng nắm giữ"*. Như trên, tr. 211.

#### **4. Cải cách xã hội của Hồ Quý Ly**

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê: *"Đại Việt sử kí, Toàn thư - Tập II"*. KHXH, H, 1985, tr, 126-226.

- Phan Huy Chú: *"Lịch triều Hiến chương loại chí"*. Tập III. KHXH, H, 1961, tr 37.

- Trần Trọng Kim :*"Việt Nam Sử lược"* - Quyển I. Bộ Giáo dục - Trung tâm học liệu, Sài Gòn, 1971, tr. 176 – 197.

- Nguyễn Trãi, *"Nguyễn Trãi, Toàn tập"* KHXH. H, 1976, tr. 47, 77.

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam - Tập I*. KHXH, 1971, tr. 229-235.

- Viện Sử học Việt Nam: *"Xã hội Việt Nam thời Lý - Trần"* 'KHXH, H, 1981, tr. 208 và 381.

- Trương Hữu Quỳnh - Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh: *"Đại cương lịch sử Việt Nam"* Tập I. Nxb Giáo dục 1997, Chương VII, Mục IV: *"Đại Việt cuối thế kỉ XIV và cuộc cải cách của Hồ Quý Ly"*, tr. 247.

- *Lê Lợi và Thanh Hoá trong khởi nghĩa Lam Sơn*. kỉ yếu Hội nghị khoa học. Nxb Thanh Hoá. 1988.

- Nguyễn Danh Phiệt: *"Hồ Quý Ly"*. Viện Sử học - Nxb Văn hóa - Thông tin, H, 1997.

- Minh Tranh: *"Sự phát triển của chế độ phong kiến ở nước ta và vai trò của Hồ Quý Ly trong cuối thế kỉ thứ XIV - đầu thế kỉ thứ XV"*. Văn Sử Địa, số 11 (1955).



- Trương Hữu Quýnh: "Đánh giá lại vấn đề cải cách của Hồ Quý Ly" NCLS, số 20, (1960).

- Dương Minh: "Đánh giá vai trò Hồ Quý Ly thế nào cho đúng". NCLS số 22, (1961).

- Nguyễn Gia Phú: "Mấy ý kiến về vấn đề Hồ Quý Ly". NCLS số 31, (1961).

- Hồ Hữu Phước: "Một vài ý kiến nhỏ về việc đánh giá vai trò cá nhân của Hồ Quý Ly trong lịch sử". NCLS số 30, (1961).

- Nguyễn Phan Quang: "Thêm vài ý kiến đánh giá những cải cách và thất bại của Hồ Quý Ly", NCLS số 28, (1961).

- Nguyễn Đức Nghinh: "Tước Đại vương và Trương Công chúa thời Trần và chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly", NCLS số 57, (1963).

- Nguyễn Diên Niên, "Một vài ý kiến nhỏ về nhân cách Hồ Quý Ly", NCLS số 6 (253), 1990.

- Vũ Minh Giang: "Thử nhìn lại những cải cách kinh tế của Hồ Quý Ly", NCLS số 6 (253), 1990.

- Phạm Ái Phương: "Nhìn lại quá trình nghiên cứu Hồ Quý Ly với việc cải cách cuối thế kỉ XIV - đầu thế kỉ XV". NCLS số 6 (253), 1990.

- Trần Thị Vinh: "Thiết chế chính trị ở Việt Nam cuối thế kỉ XIV - đầu thế kỉ XV và những hoạt động chính trị của Hồ Quý Ly". NCLS số 6 (253), 1990.

- Phan Huy Lê: "Cải cách Hồ Quý Ly và sự thất bại của vương triều Hồ", NCLS số 5 (264), 1992.

- Phan Đại Doãn: "Mấy suy nghĩ về cải cách chính quyền cấp hương của Hồ Quý Ly". NCLS số 59 (264), 1992.

- Trương Hữu Quýnh: "Nhìn lại vấn đề Hồ Quý Ly trong lịch sử". NCLS số 5 (264), 1992.

- Nguyễn Cảnh Minh: "Vài ý kiến xung quanh vấn đề đánh giá Hồ Quý Ly". NCLS số 5 (264), 1992.

- Văn Sơn - Nguyễn Duy Sĩ: "Hồ Quý Ly và canh tân đất nước" "NCLS số 5 (264), 1992.

- Hoàng Khôi: "Hồ Quý Ly và vấn đề cải cách giáo dục", NCLS số 5 (264), 1992.

- Trần Bá Chí: "Nguồn gốc Hồ Quý Ly và dòng họ Hồ", NCLS số 5(264), 1992.

- Trần Thị Vinh: "Nhà nước thời Hồ (1400 - 1407)" 'NCLS số 5 (264), 1992.

### **5. Cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông**

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê "Đại Việt sử kí, Toàn thư - Tập II. KHXH, H, 1985, tr. 391... 462.

- Trần Trọng Kim "Việt Nam Sử lược". Quyển I. Bộ giáo dục - Trung tâm học liệu. Sài Gòn. 1971. Tr 255... 263.

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam: "Lịch sử Việt Nam", Tập I. KHXH, 1971, tr 272 - 273.

- Trương Hữu Quýnh - Phan Đại Doãn - Nguyễn Cảnh Minh: "Đại cương lịch sử Việt Nam", Tập I NXB Giáo dục, 1997, tr.332, 333, 334.

- Lê Thánh Tông "Quốc triều hình luật"( Luật hình triều Lê). Viện Sử học Việt Nam. Nxb Pháp lí, H, 1991.

- Trương Hữu Quýnh: "Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỉ XI - XVIII", Tập I. KHXH, 1982, tr 205... 222.

- Văn Tân: "Thử căn cứ vào bộ Luật Hồng Đức để tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lê sơ". NCLS số 46(1 - 1963).

- Trương Hữu Quýnh: "Công cuộc cải tổ và xây dựng Nhà nước pháp quyền thời Lê Thánh Tông" NCLS số 265, (1992).

- Phan Huy Lê: "Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của các loại ruộng đất thế nghiệp" NCLS số 4(199), 1981, tr.15.

- Tạ Ngọc Liên: "Chân dung văn hoá Việt Nam". Nxb Thanh Niên, 1998, bài "Lê Thánh Tông - Một ý chí tự cường lớn", tr. 140.

## **6. Đào Duy Từ - đổi mới vị thế bản thân để góp phân đổi mới xã hội**

- Ngô Sĩ Liên và các Sử thần triều Lê: "Đại Việt sử kí, toàn thư" - Tập IV, KHXH, H, 1968, tr.164-255.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "Đại Nam Thực lục tiền biên", Tập I - Nxb Sử học, 1962, tr 44-65.

- Lê Quý Đôn: "Phủ biên tạp lục" KHXH, H, 1964, tr. 42-45.

- Lê Thánh Tông "Quốc triều hình luật" (Luật hình triều Lê). Nxb Pháp lí - Viện Sử học, H, 1991, tr. 215.

- Viện Sử học: "Biên niên lịch sử cổ trung đại Việt Nam". KHXH, H, 1987, tr. 304 - 307.

- Huyện uỷ - Uỷ Ban Nhân dân huyện Tĩnh Gia (Thanh Hóa): "Truyền thuyết và di tích Đào Duy Từ ở làng Hoa Trai" trong "Đào Duy Từ (1572 - 1634) - Thân thế và sự nghiệp". BNC và BSL Thanh Hoá, 1993, tr. 15.

- Trần Bá Chí: "Đào Duy Từ - Thân thế và hành trạng". Như trên, tr 32.

- Nguyễn Minh Tường: "Đào Duy Từ qua một số thư tịch từ trước tới nay". Như trên, tr. 55.

- Viên Ngọc Lưu: "Về hai bản gia phả họ Đào và một số vấn đề đáng chú ý". Như trên, tr. 37.

- Đinh Bá Hoà: Võ Bá Thắng "Đào Duy Từ - Nhìn từ Bình Định". Như trên, tr22.

- Nguyễn Tinh: *"Hoài Hảo với danh nhân Đào Duy Từ - Lòng dân và di tích"*. Như trên, tr. 26.

- Trương Hữu Quỳnh: *"Những nét lớn về kinh tế ở Đàng Trong thời Đào Duy Từ (TKXVI - đầu TK XVII)"*. Như trên, tr. 94.

- Nguyễn Cảnh Minh: *"Đào Duy Từ với văn hoá - giáo dục ở Đàng Trong thế kỉ XVII"*. Như trên, tr. 98.

- Lê Đình Sĩ: *"Đào Duy Từ - Một số công hiến trên lĩnh vực quân sự"*. Như trên, tr. 67.

- Lê Ngọc Thắng: *"Hồ trưởng khu cơ" - Kho tàng tri thức dân gian"*. Như trên, tr. 84.

- Quách Việt Cường: *"Một vài suy nghĩ về vị trí chiến lược lũy Đào Duy Từ trên đất Quảng Bình"*. Như trên, tr. 80.

- Nguyễn Tú: *"Lũy Thầy - nhìn từ thực địa"*. Như trên, tr. 70.

- Bùi Duy Tâm: *"Đào Duy Từ - Một sự nghiệp văn chương khiêm tốn"*. Như trên, tr. 101

- Trần Thị Vinh: *"Chính trường Việt Nam cuối TK XVI - đầu TK XVII và vị trí của Đào Duy Từ"*. Như trên, tr. 125.

- Nguyễn Danh Phiệt: *"Đào Duy Từ - Kề sĩ chân chính và thời thế"*. Như trên, tr. 142.

- Đỗ Bang: *"Từ Thanh Hóa đến Thuận Hoá - Nhìn lại sự nghiệp Đào Duy Từ"*. Như trên, tr. 149.

- Vũ Minh Giang: *"Đào Duy Từ đã chọn Nguyễn Phúc Nguyên để phò giúp"*. Như trên, tr. 152.

- Nguyễn Quang Ngọc: *"Con đường đến với chúa Sãi của Đào Duy Từ"*. Như trên, tr. 157.

## **7. Cải cách tài chính của Trịnh Cương**

- Quốc sử quán triều Nguyễn: *"Việt sử Thông giám cương mục", chính biên*. Tập XVI. Văn Sử Địa, H, 1960, tr. 38-120.

- Lê Hy - Nguyễn Quý Đức: *"Đại Việt Sử kí tục biên ( 1676 - 1789 )*. KHXH, 1991, tr 64-104.
- Phan Huy Chú: *"Lịch triều hiến chương loại chí"*, Tập I. Nxb Sử học, H, 1960, tr.177, tập III, 1961, tr. 60.
- Ngô Cao Lãng: *"Lịch triều tạp kí"*, Tập II. KHXH, 1975, tr 9, 32; 1974, tr 165.
- Trương Hữu Quýnh: *"Chế độ ruộng đất ở Việt Nam - TK XI - XVIII"*. Tập II. KHXH, H, 1983, tr.96 - 97.
- Nguyễn Duy Sỹ: *"Vai trò và trách nhiệm của họ Trịnh trước lịch sử dân tộc Việt Nam"*, Ki yếu Hội thảo khoa học *"Chúa Trịnh - vị trí và vai trò lịch sử"* BNC và BSLS Thanh Hóa - Thanh Hoá, 1995, tr57.
- Phạm Văn Kính: *"Vai trò của họ Trịnh trong công cuộc khôi phục Quốc thống nhà Lê"*. Như trên, tr. 68.
- Nguyễn Danh Phiệt: *"Suy nghĩ về sự xuất hiện và vai trò của chúa Trịnh trong lịch sử từ giữa TK XVI đến giữa TK XVIII"*. Như trên, tr. 79.
- Trịnh Tùng: *"Vị trí của chúa Trịnh trong lịch sử"*. Như trên, tr. 89.
- Trần Thị Vinh: *"Thiết chế bộ máy chính quyền quân chủ thời vua - chúa, sản phẩm đặc biệt của lịch sử Việt Nam thế kỉ XVI - XVIII"*. Như trên, tr116.
- Nguyễn Duy Hinh: *"Suy nghĩ về chúa Trịnh, vua Lê"*. Như trên, tr. 261.
- Trương Hữu Quýnh: *"Chúa Trịnh Cương và những vấn đề kinh tế, chính trị"*. Như trên, tr. 173.
- Lê Tạo: *"Suy nghĩ về chính sách xã hội của các chúa Trịnh"*. Như trên, tr. 136.
- Đỗ Đức Hùng: *"Trịnh Cương - Nguyễn Công Hãng và cuộc cải cách tài chính ở Đàng Ngoài đầu thế kỉ XVIII"*. Như trên, tr. 157.

## 8. Cải cách hành chính của Minh Mệnh

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*". Nxb Thuận Hóa (Huế), 1993.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Đại Nam nhất thống chí*". KHXH, H, Tập I (1969), Tập II (1970), III, IV, V (1971).

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Đại Nam thực lục chính biên*", Tập VIII, IX, X, XI. Nxb Khoa Học xã hội, 1964; Tập XII XIII, XIV, XV Nxb Khoa Học Xã hội, 1965.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Đại Nam thực lục chính biên*", Tập XVI, XVII. Nxb Khoa Học xã hội, 1966; Tập XVIII, XIX Nxb Khoa học Xã hội, 1967. Tập XX. Nxb Khoa học Xã hội, 1968; Tập XXI, XXII Nxb Khoa học Xã hội, 1969.

- Triều Nguyễn "*Hoàng Việt Luật lệ*". Bản dịch - lưu trữ Viện Sử học.

- Phan Huy Chú: "*Lịch triều hiến chương loại chí*" Tập II, Nxb Sử học, H, 1961. Phần "*Quan chức chí*", Tr. 19-100.

- Trần Trọng Kim: "*Việt Nam Sử lược*", Quyển II. Bộ Giáo dục - Trung tâm học liệu, Sài gòn, 1971, tr. 177.

- Nguyễn Minh Tường: "*Công cuộc cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh*". Luận án PTS. Mã số 50315. H. 1994.

- Văn Tạo: "*Nhận xét Luận án của NCS Nguyễn Minh Tường: 'Công cuộc cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh'*" viết ngày 2 - 9 - 1994 - Lưu Hồ sơ Luận án, tại Viện Sử học Việt Nam.

- Chu Thiên: "*Mấy nhận xét nhỏ về những cuộc nông dân khởi nghĩa triều Nguyễn*". NCLS số 19 (10 - 1960, tr. 11 - 12).

- Trần Văn Giàu: "*Tìm hiểu thiên đạo quan của triều đình và Nho giáo trong thời Nguyễn*". NCLS số 120 và 125 ( 1969).

- Trương Hữu Quỳnh: "*Mấy vấn đề về quan hệ giữa việc truyền bá đạo Thiên chúa và chính trị ở Việt Nam thế kỉ XVII - XIX*". NCLS số 1 -2 (238 - 239 ) 1988.

## 9. Tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ

- Quốc sử quán triều Nguyễn: "*Đại Nam thực lục chính biên*" KHXH, H, 1974 - 1975, Tập 31, 33 và 57. Tập 32, 59, 60.

- Phan Bội Châu, Toàn tập - Tập 2. - Chương Thâu sưu tầm, biên soạn. Nxb Thuận Hoá - Huế, 1990.

- Trương Bá Cần: "Nguyễn Trường Tộ - con người và di thảo". Nhà Xuất bản thành phố Hồ Chí Minh - 1988.

- Trần Văn Giàu - Đinh Xuân Lâm - Nguyễn Đức Sự: "Lịch sử cận đại Việt Nam" (Tiểu mục "Cuộc đấu tranh tư tưởng thủ cựu và duy tân"), Tập I. H. 1959.

- Trần Văn Giàu: "Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam (từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám), Tập I Mục "Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ", KHXH. H. 1973.

- "Lịch sử Việt Nam", Tập II, Mục "Đề nghị cải cách, đặc biệt là những điều trần của Nguyễn Trường Tộ" - Nguyễn Khánh Toàn chủ biên. KHXH, 1985.

- Văn Tân: "Nguyễn Trường Tộ và những đề nghị cải cách của ông" - NCLS số 23, tháng 2 - 1961.

- Đặng Huy Vận - Chương Thâu: "Vài ý kiến nhỏ bàn góp thêm về những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ cuối thế kỉ XIX". NCLS số 25, tháng 4 - 1961.

- Hoàng Nam: "Đánh giá vai trò Nguyễn Trường Tộ trong lịch sử cận đại Việt Nam" NCLS số 29, tháng 8 - 1961.

- Hồ Hữu Phước - Phạm Thị Minh Lệ: "Góp thêm ý kiến về việc đánh giá Nguyễn Trường Tộ". NCLS số 31, tháng 10 - 1961.

- Tạp chí Nghiên cứu lịch sử: "Sơ kết cuộc thảo luận về hai nhân vật Hồ Quý Ly và Nguyễn Trường Tộ". NCLS số 33, tháng 12 - 1961.

- "Đổi mới tư duy trong lịch sử: Giữa thế kỉ XIX, lịch sử Việt Nam ghi nhận một điển hình về đổi mới tư duy độc đáo: Tư duy kiểu Nguyễn Trường Tộ" - Báo Tổ quốc, số 5 - 1987.

- Viện Khoa học Xã hội - Sở Văn hoá - Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh: "Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước" - kỉ yếu Hội thảo khoa học - Trung tâm nghiên cứu Hán Nôm - 1992.

## 10. Phong trào đổi mới đầu thế kỉ XX

Đảng Cộng sản Việt Nam: "Văn kiện Đảng 1930 - 1945", Tập I. BNCLSĐ, 1977, tr. 72, 300, 328; Tập II, tr 44; Tập III, tr. 4.

- Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Hoàng Văn Lân, Nguyễn Văn Sự, Đặng Huy Vận: "*Lịch sử cận đại Việt Nam*", Tập III Nxb Giáo dục. H. 1961. Chương XVIII "*Cao trào cách mạng đầu thế kỉ XX*", tr. 123 - 190.

- Trần Huy Liệu: "*Lịch sử 80 năm chống Pháp*", Văn Sử Địa, H. 1956. tr. 128... 199.

- Trần Huy Liệu: "*Tài liệu tham khảo Lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*", Tập III "*Những phong trào đấu tranh cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến hết Đại chiến lần thứ nhất*", Văn Sử Địa, H. 1958.

- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam: "*Lịch sử Việt Nam*" Tập II. Nguyễn Khánh Toàn chủ biên, KHXH. 1985.

- "*Phan Bội Châu, Toàn tập*" - Chương Thâu sưu tầm và biên soạn. Nxb Thuận Hóa (Huế), 1990. Tập II, tr. 38, 53-59, 205; Tập VI. tr. 60, 67, 211... 270.

- *Kỉ yếu Hội nghị khoa học về Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*. Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Quảng Nam - Đà Nẵng. Nxb Đà Nẵng, 1993.

- Phan Châu Trinh: "*Tuyển Tập Phan Châu Trinh*" - Nguyễn Văn Dương - Nxb Đà Nẵng, 1995.

- Chương Thâu: "*Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*" (Chọn lọc). Nxb Đà Nẵng, 1980, tr. 13 - 14.

- Chương Thâu: "*Đông Kinh Nghĩa thực và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX*". Nxb Văn Hóa - Thông tin. H. 1997.

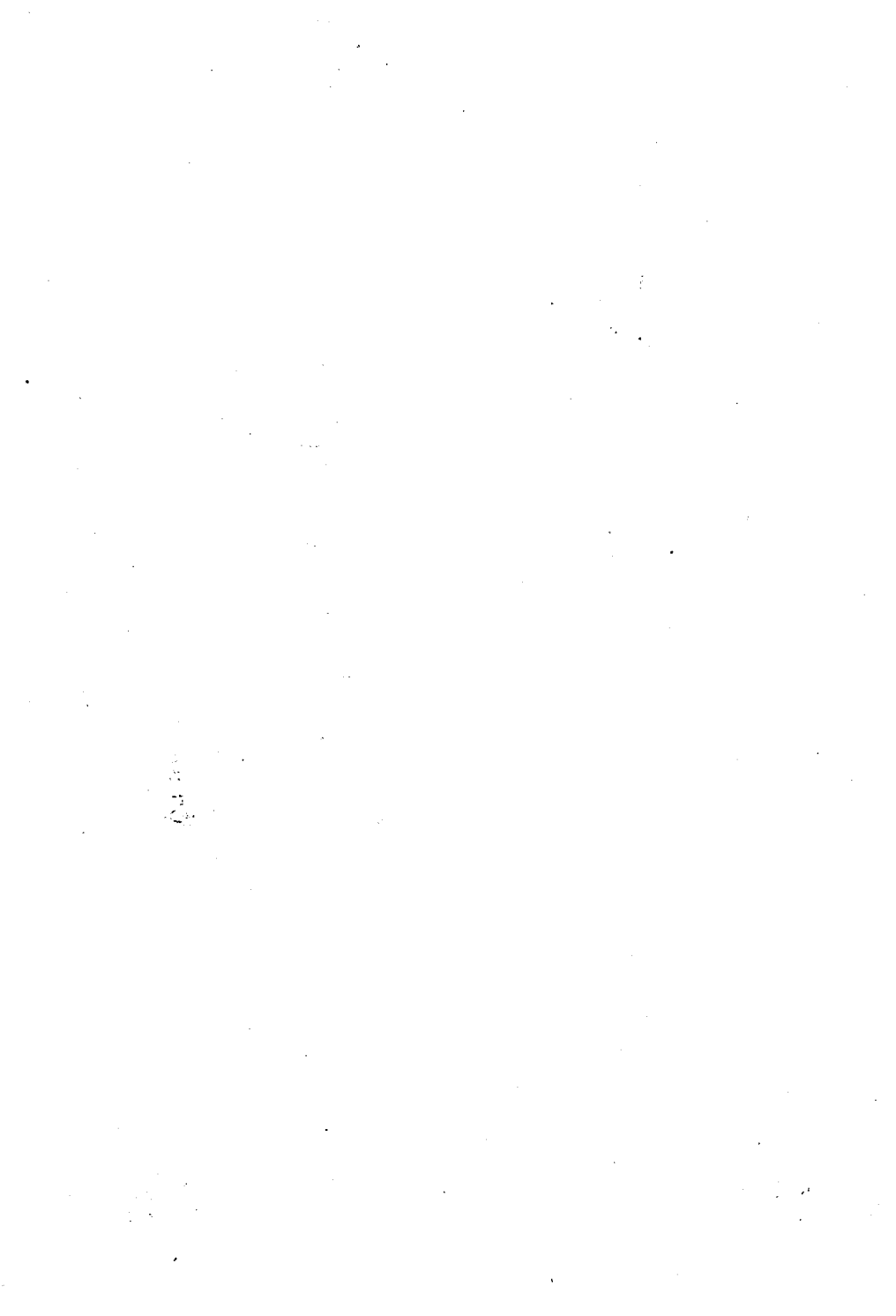
- Văn Tạo: "*Kết thúc cuộc thảo luận về Phan Châu Trinh*". "NCLS số 76 (1965).



## PHỤ BẢN

1. Công trình "*Mười cuộc cải cách và đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam*" của Giáo sư Văn Tạo đã được công bố trên báo *Giáo dục & Thời đại*, các ngày 14, 16, 18, 21, 23, 25, 28, 30 tháng 1 và 8, 11, 13 tháng 2 năm 2003.

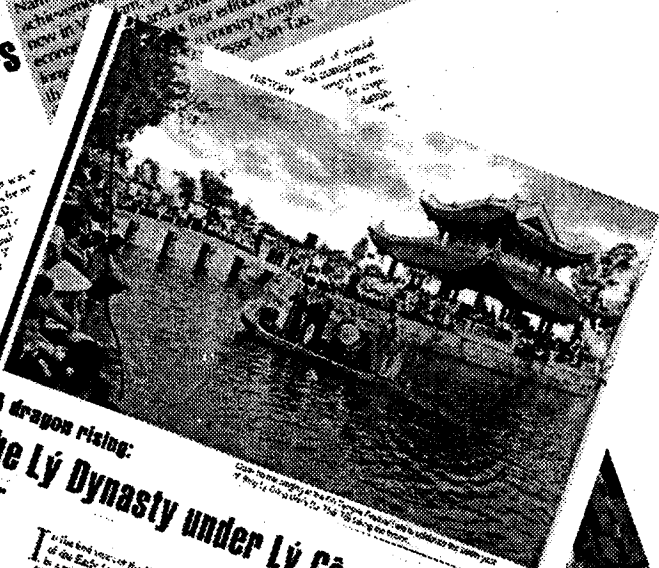
2. Công trình này được công bố bằng tiếng Anh (2004) trên Tạp chí *Outlook* (Quan điểm), hiện được lưu trữ tại thư viện Liên Hợp Quốc (báo, ảnh giới thiệu ở các trang sau).



# The Khúc reformers

**A** recent 1000-year anniversary of the Khúc family's reforms in the 10th century has been marked in Hanoi. The Khúc family, who ruled the region from 968 to 1009, introduced reforms that laid the foundation for the modern state of Vietnam.

The policy of doi moi, or reform, initiated by the Viet Nam Communist Party has sparked impressive achievements during the past 13 years. But change is not new in Vietnam. The country has seen many political, economic and administrative reforms throughout its history. One of the most significant was the reform of the Khúc family in the 10th century. Under their leadership, Vietnam began to emerge as a unified state.



# A dragon rising: the Lý Dynasty under Lý Công Uẩn

By Lee Lee

**I**n the end of the 10th century, the great city of the East, the Chinese capital, was in a state of chaos. King Li Jing of the Song Dynasty (960-977) was overthrown by a military coup. The new emperor, Li Jing, was a weak ruler. The Khúc family, who had ruled the region since the 10th century, saw an opportunity to rise. In 968, they declared independence and established the Khúc Dynasty. Under their leadership, Vietnam began to emerge as a unified state. The Khúc family introduced reforms that laid the foundation for the modern state of Vietnam.

He had the advantage of the capital, moved to the city of Hanoi, and an abundance of the people's attention. He had the advantage of the capital, moved to the city of Hanoi, and an abundance of the people's attention. He had the advantage of the capital, moved to the city of Hanoi, and an abundance of the people's attention.

Source: *Chinh Phuc*, February 1988

## From loyal village boy to scheming kingmaker

Trần Thủ Độ was the power behind the throne in the early 13th century, bringing dynastic change through a bloodless coup

## Reformer fixed crisis on road to dynasty

Hồ Quý Ly carried out dramatic reforms while serving as a mandarin under the Trần kings.

By Vinh Loo



Hồ Quý Ly's members of state (left) discuss with a group of mandarins (right) in the early 13th century.

In 1211, Trần Thủ Độ, the aging father of young King Trần Thái Tông, set a 150-day fast to test the realm. He also asked how to secure the emperor's safety from the risk of family quarrels and the rising threat of war and strife to spreading, and the right theory was in danger of collapse.

Ly set the great reformer's name before the emperor, and in 1213, he was named as the chief advisor (1213-1217).

He replaced the emperor with a more active ruler to avoid confusion, reforming the central and local government, reforming the law, and reforming the military.

In 1217, Thủ Độ set up a new administrative system, reforming the government and local government, and reforming the military, and reforming the central and local government.

Hồ Quý Ly was one of the most powerful reformers in the late 13th and early 14th centuries, being named during a public discussion after he presented the case for the late Trần Dynasty (1213-1217).

The king, however, never offered to punish the reformer's actions, and the emperor's reformer's actions were of great value for the state of the Trần Dynasty.

Ly and the emperor, King Hồ Tông, finally reached a great deal on the local reformer's actions and reformer's actions. At the Trần Dynasty in 1217, the reformer's actions.



A scene from the early 13th century, showing the emperor Trần Thái Tông and his advisors in a traditional setting.

reformer's actions and the emperor's actions were of great value for the state of the Trần Dynasty.

### Social and economic reform

Ly also carried out land reform, giving land to the peasants and reforming the law, and reforming the military.

The king and the emperor, however, were not satisfied by the reformer's actions, and reforming the military, and reforming the central and local government.

Ly set the great reformer's name before the emperor, and in 1213, he was named as the chief advisor (1213-1217).

He replaced the emperor with a more active ruler to avoid confusion, reforming the central and local government, reforming the law, and reforming the military.

In 1217, Thủ Độ set up a new administrative system, reforming the government and local government, and reforming the military, and reforming the central and local government.

The king, however, never offered to punish the reformer's actions, and the emperor's reformer's actions were of great value for the state of the Trần Dynasty.

Ly and the emperor, King Hồ Tông, finally reached a great deal on the local reformer's actions and reformer's actions. At the Trần Dynasty in 1217, the reformer's actions.

### Culture and education

Ly encouraged people to use the dramatic form of the Trần Dynasty in 1217, the reformer's actions.

# Lê Thánh Tông, finest of all the Lê Dynasty kings

Lê Lợi, the hero of the Ming invasion and founder of the Lê dynasty.

15th century Việt Nam, spent ten years fighting off the Ming before finally defeating them in 1428. Lê Thánh Tông, who would rule for 31 years, is regarded as the greatest of the Lê kings.

## Destined for greatness

Born at a time of unrest and uncertainty, the 16th century scholar, statesman and general, Đào Duy Từ ushered in reforms that united and strengthened Việt Nam. But despite a career marked by great accomplishments, Từ's greatest success might be the way he overcame the strict class structure of feudal Việt Nam.

**I**n a time of military setbacks and political uncertainty, few would have predicted the rise of a man who would become one of the greatest statesmen and generals of the Lê dynasty. Đào Duy Từ was one such leader.

The 16th century in central Việt Nam was a time of great uncertainty. The country was heading for disaster. The Lê shoguns were too weak to rule, and the Trịnh lords in the north were too powerful. The country was divided into three regions: the north, the center, and the south.

The two main regions of the Lê dynasty were the north and the south. The Lê shoguns were too weak to rule, and the Trịnh lords in the north were too powerful. The country was divided into three regions: the north, the center, and the south.



# Trinh Cuiing, 18th century financial reformer

Viet Nam's private land system can be traced back to the reformer Cuiing.



# Emperor Minh Mang: pride before the fall

By enforcing the past, Minh Mang's reforms failed to prepare feudal Viet Nam for a changing world.

**O**ne of the most important figures in the history of Vietnam was the reformer Trinh Cuiing. He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century.

Despite being reformer who ended all economic collapse and private land, the Emperor Minh Mang is remembered for his reforms. He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century.



Trinh Cuiing  
reforms  
and private  
land

It was the very  
foundation  
for reformer  
Trinh Cuiing  
and his  
reforms.

Minh Mang  
reforms  
and private  
land

Minh Mang's reforms were a significant part of the... He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century.

Minh Mang's reforms were a significant part of the... He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century. He was a private land reformer who lived in the 18th century.

Clickbank August 2004

# A mandarin for all seasons

Nguyen Truong (to  
to resist colonisation  
Western education  
King Tu (the father)

## Sowing the seeds of change

In the chaos of colonialism, new leaders and ideas fought for the hearts and minds of the Vietnamese people. Only one could win.

By Van Tan

It took a storm of independence and early 1940s to win the hearts and minds of the Vietnamese people. The French had ruled Vietnam for a century and a half, and their power was being challenged by the rise of the Viet Minh. The Viet Minh was a revolutionary organization that sought to end French rule in Vietnam and establish an independent state.

It was the storm of independence and early 1940s that sowed the seeds of change in the hearts and minds of the Vietnamese people. The French had ruled Vietnam for a century and a half, and their power was being challenged by the rise of the Viet Minh. The Viet Minh was a revolutionary organization that sought to end French rule in Vietnam and establish an independent state.

### The Restoration Society

Founded in 1907, the Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

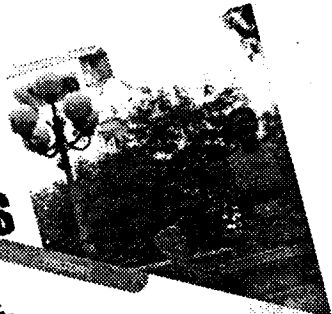
The Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Restoration Society was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The society was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.



More of a private school in Hanoi, 1920s. The school was a product of the French colonial system.

and impact of colonialism, the Viet Minh and King Tu (the father) were also associated with the Viet Minh. The Viet Minh was a revolutionary organization that sought to end French rule in Vietnam and establish an independent state.

The Viet Minh was a revolutionary organization that sought to end French rule in Vietnam and establish an independent state. It was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

### The Reform Demands Movement

The Reform Demands Movement was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The movement was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Reform Demands Movement was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The movement was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Reform Demands Movement was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The movement was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Reform Demands Movement was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The movement was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Reform Demands Movement was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The movement was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

The Reform Demands Movement was a group of intellectuals who sought to reform Vietnamese society. They were influenced by Western ideas and sought to modernize Vietnam. The movement was active in the early 20th century and played a significant role in the development of Vietnamese nationalism.

Communism  
was  
spread  
throughout  
the  
country's  
popular  
method  
of  
revolution,  
challenging  
the  
status  
quo  
and  
inspiring  
nationalist  
and  
socialist  
aspirations.

# Reform and revolution: History's lessons

The long and colourful history of Việt Nam owes its triumph and glory to the people's dedication to reform and renewal.

By Văn Tào

All reforms, revolutions and renovations begin with a change in thinking; casting aside old ways of thought and replacing them with new, experience-based beliefs centred on reality.

Conducting reform or revolution is a measure every nation should apply to resolve social crises and move toward social progress. Creating revolution is the most effective method to do away with tyranny and unrest and to take a great leap forward for society.

The reforms and revolutions in Việt Nam's history have provided us with the following precious lessons:

1. Reforms and revolutions are all enacted to resolve a pressing social crisis. There is no way to create revolution other than through armed struggle, whereas reforms are usually conducted in times of peace.

When a revolution seems evident, it is still possible to hold reforms and renovations to prepare for that revolution. Take for example, Việt Nam in the early 20th century in times of partial unrest, reforms can be enacted to help solve problems. These could be administrative reform, financial reform, education reform, etc. A reform can also be used to transfer power quickly and peacefully, such as in the case of the Lý and Trần dynasties in the early 13th century. However, there were also prolonged reforms like the one made by the Lý court when it moved the capital from Hoa Lư, Ninh Bình, to Thăng Long (now Hà Nội).



At the Party's Sixth Congress in 1986, then-General Secretary, Trường Chinh (left, first row) transfers his post to Nguyễn Văn Linh (centre), who later hands over the job to Đỗ Mười (right) at the next congress. These leaders are famous for promoting the reform policy.

Today, the reform we are conducting has gone through a quarter of a century since the Sixth Congress of the Communist Party of Việt Nam in 1986.

2. All reforms, revolutions and renovations begin with a change in thinking, casting aside old ways of thought and replacing them with new, experience-based beliefs centred on reality. Khe An (7 - 97) changed his thinking about the best way to manage the country, emphasising the organisation of the State from bottom up, hamlets all the way up to provinces. This ran against previous practise of running the State from the top down, which made it impossible for the central authorities to reach the people. He also replaced the brutally harsh governance policies of the aggressors, issuing instead a policy of easing the people's labours, simplifying procedures, pacifying the people and providing welfare for all. The result was that he received the necessary support from the people, and consolidated the newly found independence of the nation.

Lý Công Uẩn (974 - 1028) understood then the need to develop the economy, society and culture of the country, creating favourable conditions for reform in the future.

3. The most decisive factor for a successful reform or



The land allocation policy has proved to be an encouragement for farmers to make the best use of their land. Farmers in the southern Long An Province harvest a four-par crop last year.



## MỤC LỤC

### *Phần thứ nhất*

## **NHẬN THỨC LÝ LUẬN**

Cải cách, đổi mới và cách mạng - những phạm trù lịch sử và biện chứng .....	5
--	---

### *Phần thứ hai*

## **MƯỜI CUỘC CẢI CÁCH, ĐỔI MỚI LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

I. Cải cách của họ Khúc với sự nghiệp giành độc lập dân tộc ở thế kỉ X. ....	18
II. Sự nghiệp đổi mới của Lý Công Uẩn - Đổi mới triều đại, đổi mới đế đô, đổi mới xã hội. ....	32
III. Trần Thủ Độ: Đổi mới xã hội, củng cố vương triều, chiến thắng ngoại xâm. ....	51
IV. Cải cách xã hội của Hồ Quý Ly - Thành công và hạn chế. ....	74
V. Cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông - Xây dựng một Nhà nước phong kiến thịnh trị. ....	105
VI. Đào Duy Từ - Đổi mới vị thế bản thân - góp phần đổi mới xã hội. ....	146
VII. Cải cách tài chính của Trịnh Cương - một giải pháp tình thế có hiệu lực. ....	179
VIII. Cải cách hành chính của Minh Mệnh - thành công và hạn chế. ....	212

IX. Tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ - Tư duy đổi mới của thế kỉ XIX. ....	253
X. Phong trào đổi mới đầu thế kỉ XX - Những công hiến mới vào tiến bộ xã hội. ....	281

*Phần thứ ba*

**LIÊN HỆ VỚI HIỆN TẠI**

I. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng - Đại hội mở đầu cho kì đổi mới. ....	325
II. Mấy vấn đề hiện thực về công nhân - nông dân - trí thức - văn hóa - Nhà nước. ....	340
1. Công nhân ta trong đổi mới. ....	340
2. “Dân chủ và kỉ cương”, “ổn định và phát triển” trong đổi mới nông thôn. ....	348
3. Trí thức Việt Nam và “vận động trí thức” trong đổi mới.....	352
4. Xây dựng “con người văn hóa” Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới. ....	358
5. Đổi mới cơ cấu xã hội, bổ sung thiết chế xã hội, góp phần làm lành mạnh tổ chức của Đảng, cơ chế của Nhà nước. ....	363
- <i>Tài liệu tham khảo</i> .....	371
- <i>Phụ bản</i>	
- <i>Mục lục</i>	

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SU PHẠM**

---

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

Giám đốc ĐINH NGỌC BẢO

Tổng biên tập LÊ A

***Biên tập nội dung:*** TRƯƠNG VŨ XƯƠNG

***Sửa bản in:*** TRUNG TÂM VĂN HÓA TRÀNG AN

***Trình bày bìa:*** VĂN SÁNG

---

In 1000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 tại Công ty cổ phần In 15

Đăng kí kế hoạch xuất bản số: 219-2006/CXB/66-25/ĐHSP ngày 28/3/06

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2006



**GS. VĂN TÀO**

**GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC NĂM 2000**

**CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN**

1. CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Nxb Khoa học Xã hội, 1972.

2. CHÚNG TA KÉ THỪA DI SẢN NÀO?

- Trong Khoa học và Kỹ thuật

- Pháp luật và hương ước

- Nông thôn và nông nghiệp

Nxb Khoa học Xã hội, 1993

3. PHƯƠNG PHÁP LỊCH SỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP LÓGIC

Viện Sử học, 1995.

4. TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA -

40 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

Nxb Khoa học Xã hội, 1995.

5. NAN ĐỐI Ở VIỆT NAM 1945 - NHỮNG CHỨNG TÍCH LỊCH SỬ (chủ biên, đồng tác giả)

Viện Sử học, 1995.

6. CÁCH MẠNG THÁNG TÂM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ (chủ biên, đồng tác giả)

Nxb Khoa học Xã hội, 1995.

7. PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT CHÂU Á - LI LUẬN MÁC - LÊNIN VÀ THỰC TIỄN VIỆT NAM

Nxb Khoa học Xã hội, 1995.

8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Nxb Chính trị Quốc gia, 1997.

9. VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM 1953 - 1998

Viện Sử học, 1998.

10. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CHÍNH QUYỀN CÁC ĐẤP TRONG LỊCH SỬ

Nxb Chính trị Quốc gia, 2000.

11. LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM - TỪ 1907 ĐẾN 1945 (chủ biên, đồng tác giả)

Nxb Chính trị Quốc gia, 2000.

12. SỬ HỌC VÀ HIỆN THỰC

(Đổi mới tư duy về công nhân và giới trẻ)

Kinh tế tri thức và công nhân tri thức

Nxb Khoa học Xã hội, 2002.



TRUNG TÂM VĂN HÓA TRƯNG AN PHÁT HÀNH

Địa chỉ: 54/171 Nguyễn An Ninh - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04. 664 7143 / 662 1060

Fax: 04. 664 7143

Mobile: 09123 44084

**GIÁ: 54.000Đ**